



Số: 486/KVN-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS)

Mã chứng khoán: GAS

Địa chỉ trụ sở chính: PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 37816777. Fax: (028) 37815666 – 37815777.

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022 của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PV GAS vào ngày 30/3/2023 tại website <http://www.pvgas.com.vn>, chuyên mục Quan hệ cổ đông/Tài liệu cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN (Vụ Quản lý Phát hành Chứng khoán);
- HĐQT TCT (để báo cáo);
- TGD TCT (để báo cáo);
- Ban TC;
- Lưu: VT.

Đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Phạm Đăng Nam





VIETNAM NATIONAL OIL AND GAS GROUP
PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION
12th – 12ath – 14th & 15th floor, PV GAS Tower, 673 Nguyen Huu Tho Street,
Phuoc Kien Commune, Nha Be District, HCMC
Tel: (84-28) 3781 6777 – Fax: (84-28) 3781 5666 – 3781 5777

Ref: 486/KVN-TC

Date: 30/03/2023

DISCLOSURE OF INFORMATION

To:

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange.

PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION (PV GAS)

Security symbol: GAS

Address: PV GAS TOWER, no. 673 Nguyen Huu Tho, Phuoc Kien Commune,
Nha Be District, Ho Chi Minh City.

Telephone: (028) 37816777. Fax: (028) 37815666 – 37815777.

Content of information disclosure: Company's Annual report of 2022.

This information was posted on PV GAS website on 30th March 2023 at this link
<http://www.pvgas.com.vn>.

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the
above information.

Attention:

- As above; 
- SSC (The securities public
Offering Management
Department);
- BOD (to report);
- President&CEO (to report);
- Finance, Accounting Division;
- PV GAS: VT.

Attachment:

- Company's Annual report of
2022.

Organization representative
Party authorised to disclosure information
VICE PRESIDENT




Pham Dang Nam





TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Báo cáo này có sẵn ở định dạng PDF
có thể được tải xuống tại www.pvgas.com.vn



MỤC LỤC

01 08

TỔNG QUAN



Thông điệp của Chủ tịch	10
Thông điệp của Tổng Giám Đốc	12
Các mốc sự kiện lịch sử	24
Sự kiện, danh hiệu, giải thưởng nổi bật trong năm 2022	27

02 30

THÔNG TIN TỔ CHỨC – HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sơ đồ tổ chức	32
Giới thiệu về Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	34
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	44
Báo cáo của Ban Kiểm soát	56
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	58



03 106

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN: KẾ HOẠCH SXKD 2023



Mô hình kinh doanh và động lực tăng trưởng giai đoạn 2021-2025	108
Kế hoạch Sản xuất kinh doanh Năm 2023	109

04 112

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin về doanh nghiệp	114
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	115
Báo cáo kiểm toán độc lập	116
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	118
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	122
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	123
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	125





01

TỔNG QUAN

Thông điệp của Chủ tịch

Thông điệp của Tổng Giám Đốc

Các mốc sự kiện lịch sử

Sự kiện, danh hiệu, giải thưởng nổi bật
trong năm



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH



DƯƠNG MẠNH SƠN
Chủ tịch HĐQT PV GAS

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT PV GAS
Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác và
Quý khách hàng!



Tổng công ty khí Việt Nam (PV GAS) đã trải qua quá trình 32 năm hình thành và phát triển, hiện là đơn vị hàng đầu, chủ đạo của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN).

Trong 3 năm qua, PV GAS đã phải đối mặt với những khó khăn to lớn do dịch bệnh COVID-19, cùng với đó là những thách thức, biến động không lường của ngành năng lượng trong nước, khu vực và thế giới. Tuy nhiên, bằng nội lực của chính mình cùng sự đồng hành, hỗ trợ của Chính phủ/ các Bộ, ngành; sự chỉ đạo sát sao của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN); sự phối hợp nhịp nhàng của các khâu trong chuỗi dây chuyền khí; sự ủng hộ, tin tưởng của đối tác, khách hàng, cổ đông và các nhà đầu tư... PV GAS đã vững vàng vượt qua các trở ngại, thách thức, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh.



Năm 2022, dù chịu ảnh hưởng của tác động chính trị do xung đột Nga - Ukraine và suy thoái kinh tế toàn cầu, PV GAS đã đạt những dấu mốc thật sự ấn tượng trong lịch sử xây dựng và phát triển của mình, đóng góp đáng kể vào thành quả chung của PVN, với hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đều hoàn thành vượt mức và tăng trưởng so với năm 2021 (ngoại trừ sản lượng khí khô đạt 88% kế hoạch), đặc biệt tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt cao nhất kể từ khi thành lập PV GAS (tổng doanh thu trên 102 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế trên 18,8 nghìn tỷ đồng), sản lượng LPG kinh doanh năm thứ 2 liên tiếp đạt trên 2 triệu tấn,...

Trong giai đoạn vừa qua, PV GAS đã luôn đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các công trình/hệ thống khí, cấp khí liên tục để góp phần/phối hợp cùng EVN duy trì lưới điện quốc gia phục vụ cho sản xuất công nghiệp và dân sinh, cấp khí để sản xuất phân đạm phục vụ nền nông nghiệp quốc gia, cấp khí để sản xuất công nghiệp (khí thấp áp, CNG), cung cấp LPG cho công nghiệp và dân dụng,... PV GAS luôn đóng góp hiệu quả cho cộng đồng, trung bình hàng năm đóng góp trên 100 tỷ đồng cho công tác an sinh - xã hội; đảm bảo việc làm và thu nhập/phúc lợi ổn định cho cán bộ công nhân viên; là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của PVN và nổi bật trên thị trường chứng khoán, tiếp tục được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao.

Quý cổ đông, Quý đối tác và Quý khách hàng thân mến!

Ngành công nghiệp khí Việt Nam, mà PV GAS là đơn vị dẫn đầu, đang dần bước vào giai đoạn mới của sự phát triển, với sự tham gia của nhiều chủ thể mới vào thị trường. Trong giai đoạn định hình của ngành năng lượng, cũng như thị trường năng lượng Việt Nam, đã mở ra cho PV GAS cơ hội lẫn thách thức đan xen.

Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng như Quyết định số 2233/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ mục tiêu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong ngành năng lượng theo hướng tập trung vào các hoạt động cốt lõi, có thể mạnh, trong đó nhấn mạnh việc phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước chuyên ngành có năng lực và kinh nghiệm như PVN, PV GAS.

Tiếp tục sứ mệnh mang nguồn năng lượng từ thiên nhiên phục vụ sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp, người dân và đất nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, lương thực quốc gia trong môi trường kinh doanh nhiều biến động; với phương châm "Đoàn kết - Đổi mới - Chuyên nghiệp - Hành động", cùng định hướng phát triển: "Xây dựng, phát triển PV GAS thành đơn vị chủ lực trong lĩnh vực công nghiệp khí, giữ vai trò nòng cốt, dẫn dắt thị trường khí

của Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia", PV GAS đã và đang triển khai nhiều nhóm giải pháp, trong đó tập trung thực hiện 03 đột phá chiến lược (về công tác tổ chức, cán bộ; về phát triển cơ sở hạ tầng và thị trường; và về cơ chế chính sách). Bên cạnh đó, PV GAS tiếp tục nâng cao công tác quản trị, tăng cường tính chuyên nghiệp; đẩy mạnh giá trị của văn hóa doanh nghiệp PV GAS, tích cực triển khai ERP và chuyển đổi số, tăng cường hợp tác thông qua các liên kết chuỗi với các đối tác trong và ngoài ngành,...

Với tiềm lực về cơ sở vật chất, tài sản, nguồn nhân lực, tài chính, kinh nghiệm và uy tín; cùng với sự quyết tâm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực thi các nhiệm vụ của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên - người lao động, PV GAS đã khẳng định được vị thế của đơn vị dẫn đầu ngành công nghiệp khí Việt Nam và tự tin bước vào kỷ nguyên phát triển mới của đất nước. Chúng tôi tin rằng PV GAS sẽ hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của năm 2023, ghi thêm những mốc son mới trong sự nghiệp xây dựng và phát triển, đồng thời đạt được thành tựu trong trung và dài hạn, mang đến những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cổ đông, Quý đối tác và Quý khách hàng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị PV GAS, Tôi bày tỏ sự biết ơn, trân trọng cảm ơn và mong muốn tiếp tục nhận được đồng hành, tin tưởng của Quý cổ đông, Quý đối tác và Quý khách hàng; đây là động lực to lớn để khích lệ chúng tôi vững bước trên hành trình phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.



THÔNG DIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN QUANG
Tổng Giám đốc PV GAS

Kính gửi Quý cổ đông và nhà đầu tư!



Chúng ta trải qua năm 2022 với những biến động lớn về kinh tế - chính trị toàn cầu, trong khi các nền kinh tế/ doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phục hồi sau đại dịch Covid-19. Tình hình địa chính trị trên thế giới bất ổn do xung đột Nga - Ukraine, Mỹ và nhiều nước áp dụng các lệnh trừng phạt đối với Nga,... dẫn đến thị trường năng lượng và chính sách tài chính, tiền tệ toàn cầu có nhiều biến động; giá cả, lạm phát tăng cao bên cạnh việc chuyển dịch năng lượng trong nước, nhu cầu tiêu thụ khí cho sản xuất điện tiếp tục ở mức thấp. Những yếu tố khó khăn/thuận lợi đan xen đó đã tác động không ít đến tình hình sản xuất kinh doanh của PV GAS.



Tuy nhiên, bằng rất nhiều nỗ lực, giải pháp ứng phó linh hoạt, tập thể Ban lãnh đạo và người lao động PV GAS đã vượt qua được các thách thức, trở ngại và đạt được kết quả hết sức ấn tượng trong năm 2022, đó là: Đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động, các hệ thống công trình khí vận hành liên tục, sẵn sàng cung cấp khí và sản phẩm khí ở mức cao; Cung cấp gần 7,8 tỷ m3 khí khô, bằng 88% kế hoạch, tăng 9% so với năm 2021; Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng condensate (đạt trên 101 nghìn tấn, bằng 152% kế hoạch, tăng 55% so với năm 2021 và về đích trước kế hoạch 5 tháng) và sản lượng LPG kinh doanh (đạt trên 2,0 triệu tấn, bằng 120% kế hoạch, tăng 2% so với năm 2021 và về đích trước kế hoạch 2 tháng); Đảm bảo mục tiêu/định hướng cung cấp khí cho khách hàng truyền thống và mở rộng thêm khách hàng mới (khách hàng Đạm và khách hàng Công nghiệp tiêu thụ khí vượt mức kế hoạch 1-3% và tăng 5% so với năm 2021); Các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt mức kế hoạch, về đích trước 2-6 tháng và tăng so với năm 2021, là năm có doanh thu cao nhất từ khi thành lập PV GAS (Tổng doanh thu đạt trên 102 nghìn tỷ đồng, bằng 128% kế hoạch, tăng 28% so với năm 2021; lợi nhuận trước thuế đạt trên 18,8 nghìn tỷ đồng, bằng 214% kế hoạch, tăng 68% so với năm 2021; lợi nhuận sau thuế đạt gần 15,1 nghìn tỷ đồng, bằng 214% kế hoạch, tăng 70% so với năm 2021; nộp ngân sách Nhà nước đạt trên 8,1 nghìn tỷ

đồng, bằng 199% kế hoạch, tăng 28% so với năm 2021). PV GAS nằm trong Top đầu đơn vị có các chỉ số tài chính khả quan trong PVN (chỉ số ROE đạt 27 %, ROA đạt 19%), Top đầu những đơn vị có vốn hóa lớn trên thị trường (tổng tài sản trên 82,8 nghìn tỷ đồng), có tỷ lệ chia cổ tức duy trì hàng năm bằng tiền mặt cao (25-30%/vốn điều lệ), là một trong 7 doanh nghiệp Việt Nam có doanh thu trên 100 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, PV GAS triển khai tích cực công tác đầu tư xây dựng, hoàn thành thi công dự án Kho chứa LNG 1 MMTPA tại Thị Vải và đang hoàn thiện các thủ tục, sẵn sàng cho công tác chạy thử, đưa vào vận hành thương mại trong năm 2023, dự kiến sẽ bổ sung nguồn cung cấp khí khoảng 1,4 tỷ m3/năm.

PV GAS tiếp tục duy trì cung cấp khí ổn định để sản xuất trên 11% sản lượng điện, khoảng 70% sản lượng phân đạm, đáp ứng gần 70% thị phần LPG cả nước (trong đó chiếm 80% thị phần miền Nam, 57% thị phần miền Bắc và 64% thị phần miền Trung), thị phần bán lẻ LPG chiếm 11% trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Quý cổ đông và nhà đầu tư thân mến,

Năm 2023 và những năm sắp tới dự báo sẽ tiếp tục có nhiều khó khăn, biến động với những yếu tố hết sức khó lường. PV GAS dự kiến sẽ chịu tác động bởi xu thế chuyển dịch năng lượng, biến

động giá các sản phẩm dầu mỏ, gia tăng nguồn năng lượng tái tạo; bên cạnh đó việc triển khai các dự án khí - điện vẫn còn nhiều tồn tại chưa thể giải quyết do liên quan nhiều bên/nhiều yếu tố trong cả chuỗi khí - điện từ thượng nguồn đến hạ nguồn; các dự án LNG gặp nhiều thách thức liên quan đến nguồn cung, thị trường cũng như các cơ chế chính sách đặc thù,....

Toàn thể đội ngũ Tập thể lãnh đạo và người lao động PV GAS luôn đoàn kết, nỗ lực lao động, sáng tạo, ra sức thi đua, phát huy lợi thế và sử dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có về cơ sở vật chất, tài sản, nguồn nhân lực, tài chính, kinh nghiệm, uy tín và thương hiệu, ... , đặt mục tiêu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 cũng như những năm tiếp theo. Chúng tôi tin rằng PV GAS sẽ luôn giữ vững vị thế là một trong những đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, thực thi sứ mệnh đảm bảo cung cấp nguồn năng lượng sạch cho sự phát triển của xã hội và đất nước, tiếp tục phát huy những thành quả trong 32 năm qua, đáp ứng sự kỳ vọng của các Cấp quản lý, sự ủng hộ và tin tưởng của Quý cổ đông và các nhà đầu tư.

Thay mặt cho hơn 2.900 Cán bộ công nhân viên PV GAS, Ban lãnh đạo PV GAS xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông đã luôn đồng hành cùng sự phát triển của PV GAS.



32 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

A. LĨNH VỰC KINH DOANH, SẢN PHẨM, ĐỐI TÁC

LĨNH VỰC KINH DOANH



Thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí và sản phẩm khí;



Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn PV GAS từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước và ở nước ngoài;



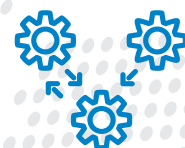
Tổ chức phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate,...; nạp LPG vào chai, xe bồn; nạp LNG xe bồn; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho, bãi,...



Tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;



Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;



Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí;



Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;



Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí;



Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí;



Xuất, nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, khí lỏng, Condensate;



Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí;



Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;



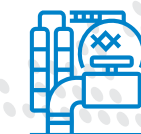
Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài;



Đầu tư mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí;



Mua các công ty khí khác để trở thành công ty thành viên của PV GAS; bán các công ty con khi cần thiết;



Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, công trình khí hoặc liên quan đến khí;



Các ngành nghề khác mà Pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng, điều phối của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH



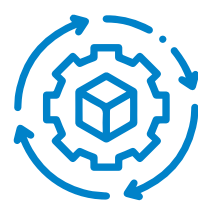
SẢN PHẨM

- **Hiện đang sản xuất/cung cấp/phân phối:**

- » Khí khô
- » Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG),
- » Khí ngưng tụ (Condensate),
- » Khí thiên nhiên nén (CNG),
- » Khí thấp áp,
- » Bình khí PV GAS,
- » Ống thép.

- **Sắp/chuẩn bị cung cấp ra thị trường:**

- » Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).



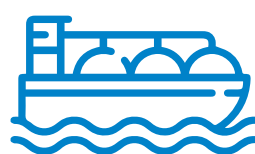
DỊCH VỤ

- Thu gom khí; Nhập khẩu khí; Vận chuyển và phân phối khí;
- Chuyển đổi động cơ thành động cơ chạy khí;
- Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị công trình khí;
- Dịch vụ bọc ống và dịch vụ ống thép.

KHÁCH HÀNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC CỦA PV GAS



Hiện nay, PV GAS đang cung ứng ra thị trường 3 loại sản phẩm chính: Khí khô, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và condensate.



Ngoài ra, PV GAS còn có sản phẩm từ khí khô là khí thiên nhiên nén (CNG) và khí thấp áp; đồng thời chuẩn bị đưa vào thị trường sản phẩm mới là khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).



Các sản phẩm của PV GAS được cung cấp cho các khách hàng khác nhau và có đặc thù sử dụng riêng.





KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ KHÔ

Các nhà máy điện là khách hàng tiêu thụ chính, chiếm tới khoảng 70-80% tổng sản lượng khí khô. Các nhà máy sản xuất phân đạm chiếm khoảng 10-15% và khách hàng công nghiệp (tiêu thụ khí thấp áp, CNG) chiếm khoảng 10-15% sản lượng khí khô.

- Tại khu vực Đông Nam Bộ: Khí đồng hành từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Nam Côn Sơn được thu gom, vận chuyển và xử lý tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn để tách thành khí khô và các sản phẩm khí (LPG và condensate). Khí khô sau khi qua các nhà máy xử lý khí sẽ được vận chuyển bằng đường ống cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Nhơn Trạch (Đồng Nai) và Hiệp Phước (TP. Hồ Chí Minh), một phần khí khô được giảm áp để cung cấp/phân phối qua đường ống khí thấp áp/hoặc nén thành CNG cung cấp cho khách hàng công nghiệp miền Đông Nam Bộ và một số tỉnh thành Tây Nam Bộ, gồm:
 - » Các nhà máy điện: Bà Rịa (công suất 350MW), Phú Mỹ 1 (1090MW), Phú Mỹ 2.1 (884MW), Phú Mỹ 4 (450MW), Phú Mỹ 2.2 (720MW), Phú Mỹ 3 (720MW), Nhơn Trạch 1 (450MW), Nhơn Trạch 2 (750MW), Hiệp Phước 1 (375 MW).
 - » Nhà máy Đạm Phú Mỹ.
 - » Khách hàng công nghiệp.
- Tại khu vực Tây Nam Bộ: Khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Malay – Thổ Chu được thu gom, vận chuyển và xử lý tại Nhà máy xử lý khí Cà Mau để tách thành khí khô và các sản phẩm khí (LPG và condensate). Khí khô sau khi qua Nhà máy xử lý khí sẽ được vận chuyển bằng đường ống cung cấp cho 2 nhà máy điện Cà Mau với tổng công suất 1500 MW và nhà máy Đạm Cà Mau.
- Tại khu vực Bắc Bộ: Khí thiên nhiên từ lô 102&106, mỏ Hàm Rồng - Thái Bình thuộc bể Sông Hồng được thu gom, vận chuyển, đưa vào bờ và tách thành khí khô và condensate tại Trạm phân phối khí Tiền Hải (GDC Tiền Hải). Khí khô sẽ được vận chuyển bằng đường ống cung cấp cho các khách hàng công nghiệp (khí khô được giảm áp để cung cấp/phân phối qua đường ống khí thấp áp/hoặc nén thành CNG cung cấp cho khách hàng).



KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (LPG)

PV GAS đang đóng vai trò là nhà sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh LPG hàng đầu Việt Nam, nắm giữ khoảng 70% thị phần bán buôn LPG (trong đó chiếm 80% thị phần miền Nam, 57% thị phần miền Bắc và 64% thị phần miền Trung) và khoảng 11% thị phần bán lẻ LPG cả nước (bao gồm GAS South là 24%).

- Các nguồn cung cấp LPG:
 - » LPG từ Nhà máy xử lý khí Dinh Cố được sản xuất từ khí đồng hành bắt nguồn từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Nam Côn Sơn;
 - » LPG từ Nhà máy xử lý khí Cà Mau được sản xuất từ khí thiên nhiên bắt nguồn từ các mỏ thuộc bể Malay – Thổ Chu;
 - » LPG mua từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
 - » LPG từ nguồn nhập khẩu từ Trung Đông và các nước lân cận như Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Indonesia...;
- LPG được bán buôn dưới hình thức xe bồn, tàu vận chuyển tới các kho chứa của khách hàng.
- Mạng lưới kinh doanh LPG bán lẻ bao phủ rộng khắp trong cả nước do đơn vị thành viên của PV GAS là Công ty cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam (PVGAS LPG) và đơn vị do PV GAS góp vốn là Công ty cổ phần kinh doanh Khí miền Nam (Gas South) phụ trách. Các đơn vị này phát triển mạng lưới phân phối bán lẻ thông qua các đại lý, trong đó PVGas LPG được sử dụng và phát triển thương hiệu "PetroVietnam Gas". LPG được bán lẻ dưới hình thức bình 12kg và 45kg cho các đối tượng khách hàng dân dụng và thương mại.



KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ THIÊN NHIÊN NÉN (CNG)

CNG là khí thiên nhiên (khí khô) được nén lên áp suất 200 - 250 barg để tăng khả năng tồn chứa, giảm chi phí vận chuyển; tại nơi tiêu thụ, CNG được giảm áp qua cụm thiết bị PRU (Pressure Reducing Unit), tới áp suất yêu cầu của khách hàng (thường là <3 barg).

Sản phẩm CNG bắt đầu tham gia thị trường khí vào năm 2008, đã được thị trường chấp nhận do giá bán cạnh tranh với các loại nhiên liệu truyền thống như xăng, dầu, LPG... Các khách hàng hiện đang sử dụng CNG là các hộ công nghiệp sản xuất gạch men, sắt thép, gốm sứ,... nằm xa tuyến ống dẫn khí của PV GAS. Trong tương lai, sản phẩm CNG sẽ hướng đến thị trường miền Trung trên cơ sở nguồn khí tại chỗ. Hiện nay có 2 đơn vị phụ trách việc kinh doanh, phân phối CNG là Công ty cổ phần CNG Việt Nam (CNG Việt Nam) và Công ty cổ phần kinh doanh Khí miền Nam (Gas South), trong đó thị trường CNG miền Bắc hoàn toàn do CNG Việt Nam phụ trách.

Ngoài ra, CNG còn được sử dụng trong giao thông vận tải để thay thế các nhiên liệu truyền thống như xăng, dầu. Hiện nay có hơn 100 xe bus chạy CNG đang hoạt động trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

CNG có đặc điểm là nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường và có xu thế được sử dụng rộng rãi trên thế giới.

KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ THẤP ÁP

Khí thấp áp là khí khô được giảm áp về áp suất thấp (<49 barg), được cung cấp/phân phối đến các khách hàng tiêu thụ công nghiệp qua hệ thống đường ống, bắt đầu từ năm 2008.

Hiện nay, Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV GAS D) là đơn vị thành viên của PV GAS được giao quản lý, phân phối và kinh doanh khí thấp áp qua đường ống. PV GAS D sở hữu hệ thống phân phối khí thấp áp đồng bộ và rộng khắp đến nhà máy của các khách hàng tại các KCN ở cả hai khu vực Bắc Bộ và Nam Bộ: KCN Tiên Hải (Thái Bình), các KCN Nhơn Trạch – Gò Dầu (Đồng Nai), các KCN Phú Mỹ – Mỹ Xuân – Cái Mép (Bà Rịa Vũng Tàu), KCN Hiệp Phước (TP. HCM),... Khách hàng của PV GAS D là các nhà máy sản xuất gốm sứ, gạch men, sắt thép, kính, thủy tinh,...

Sắp tới, khi PV GAS nhập khẩu LNG về Việt Nam, một phần lượng khí tái hóa từ LNG nhập khẩu sẽ được cung cấp đến khách hàng công nghiệp qua hệ thống phân phối khí thấp áp đường ống của PV GAS D.



KHÁCH HÀNG CỦA KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG (LNG)

(Sản phẩm mới, chuẩn bị được đưa ra thị trường)

LNG là khí thiên nhiên hóa lỏng ở -162 độ C, dự kiến được nhập khẩu và phân phối tại Việt Nam từ 2023, hướng đến khách hàng mục tiêu là các nhà máy điện và khách hàng công nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ và Bình Thuận.

- LNG nhập khẩu sẽ được phân phối đến các khách hàng tiêu thụ theo 2 phương thức:
 - » Đường ống: LNG được tái hóa khí và bơm vào đường ống để cung cấp cho khách hàng tiêu thụ;
 - » Xe bồn/ trạm LNG vệ tinh: Vận chuyển bằng xe bồn đến khách hàng xa hệ thống đường ống, bồn chứa tại các kho vệ tinh để tái hóa khí và cung cấp cho khách hàng tiêu thụ.

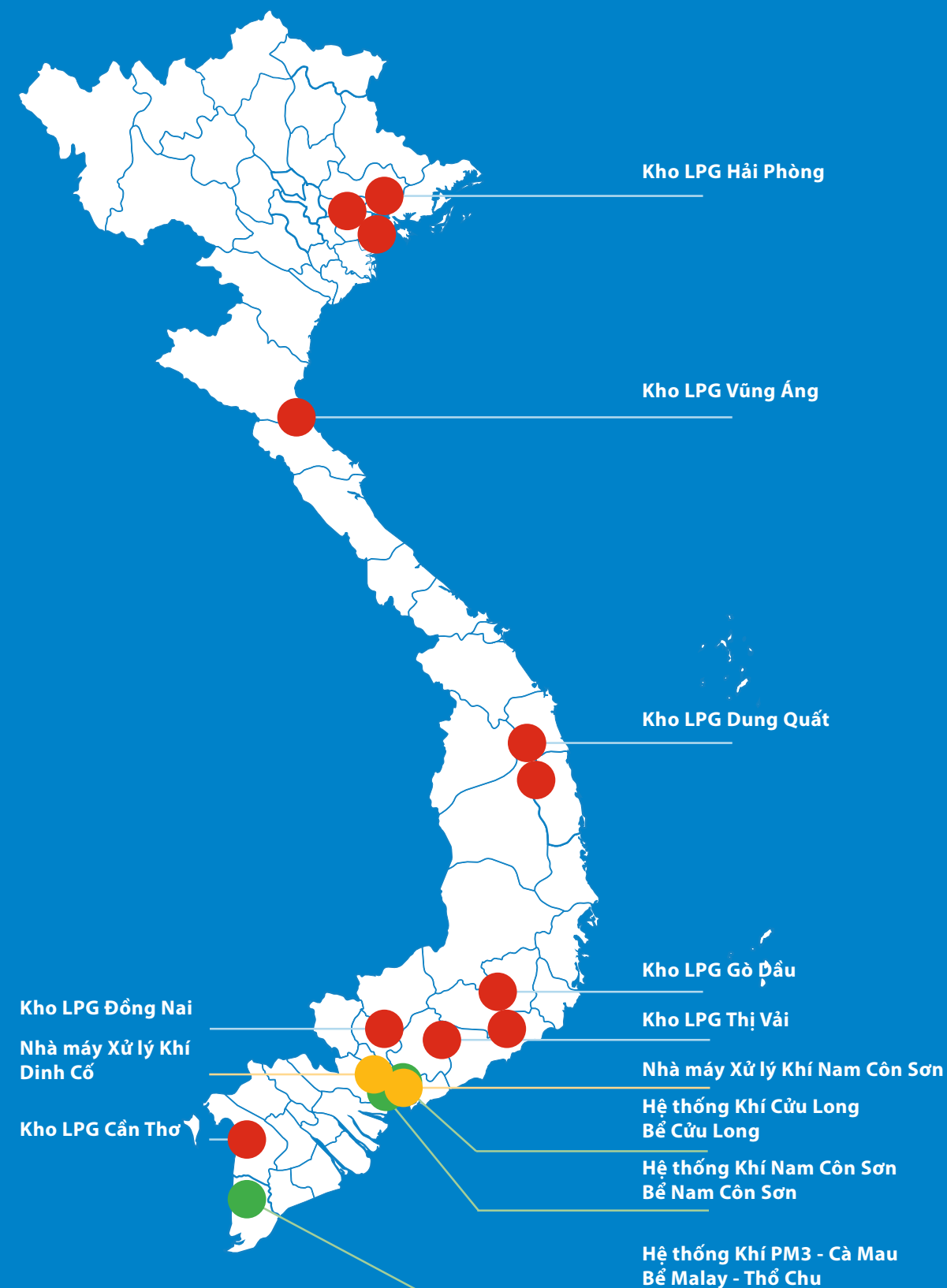
KHÁCH HÀNG CỦA CONDENSATE

Condensate là sản phẩm thu được từ khí ẩm được khai thác từ các mỏ dầu khí thuộc bể Cửu Long, bể Nam Côn Sơn, bể Malay – Thổ Chu và bể Sông Hồng được sử dụng chủ yếu cho việc chế biến xăng thành phẩm, đóng góp một phần vào việc đảm bảo nguồn cung cấp xăng trong nước.

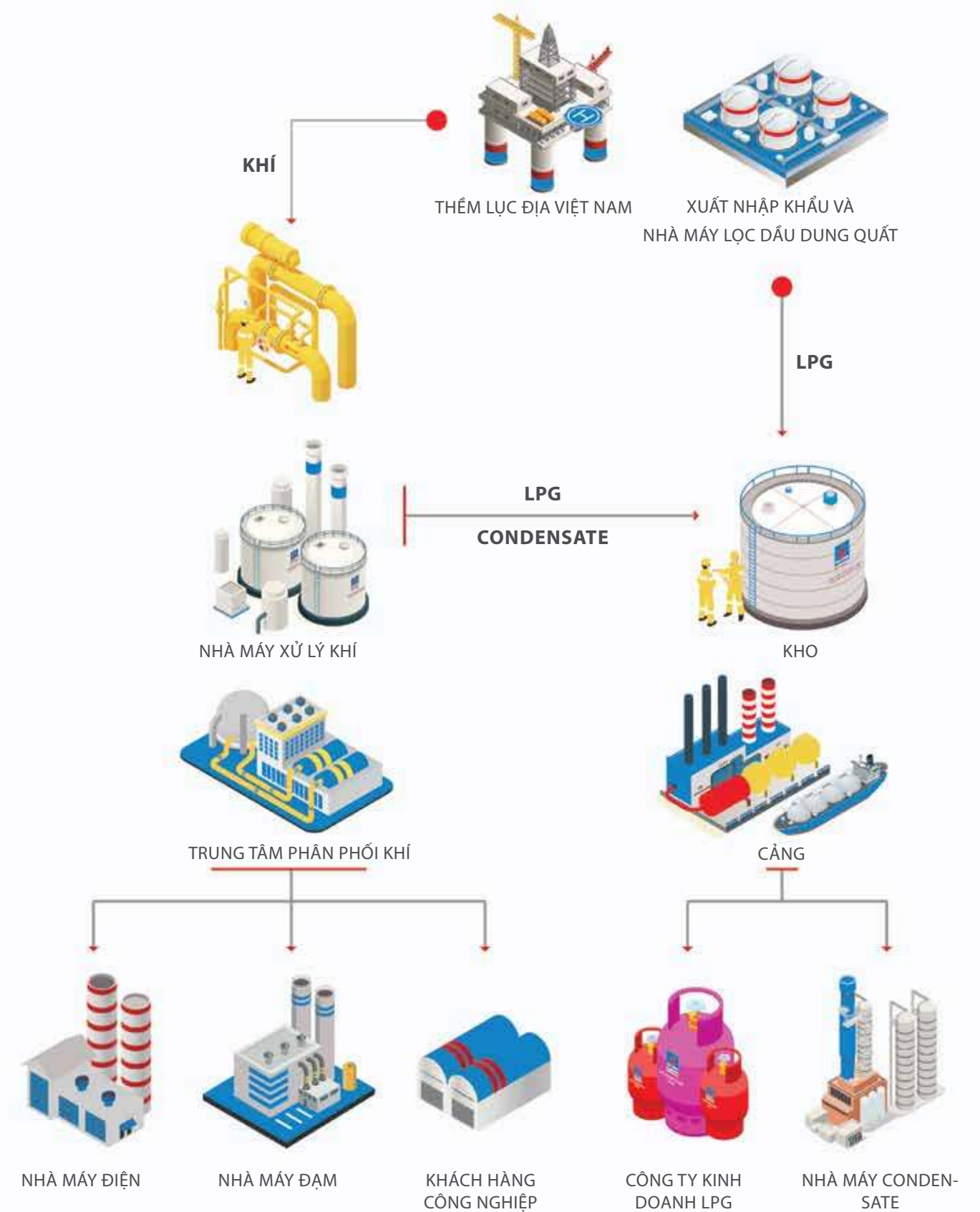


ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trải rộng khắp cả nước, tập trung các công trình tại Bà Rịa – Vũng Tàu, TP. HCM, Đồng Nai, Cà Mau, Thái Bình.



SƠ ĐỒ CHUỖI CUNG ỨNG



B. CÁC MỐC SỰ KIỆN LỊCH SỬ

09/1990

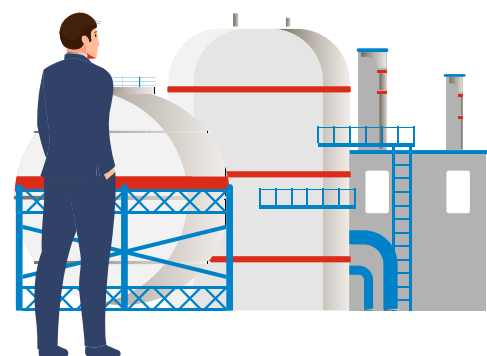
Thành lập Công ty Khí đốt với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

04/1995

Dòng khí đầu tiên từ bể Cừu Long được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.

10/1998

LPG & Condensate lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam.



1990 - 2000

2001 - 2010



12/2002

Dòng khí đầu tiên từ bể Nam Côn Sơn được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.

11/2003

Mạng cấp khí thấp áp đầu tiên hoàn thành.

05/2007

Dòng khí đầu tiên từ mỏ PM3 – 46 Cái Nước được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Tây Nam Bộ.

07/2007

Trở thành Tổng công ty Khí, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

05/2011

Trở thành Công ty cổ phần, vốn điều lệ: **18.950 tỷ đồng**.

05/2012

Niên yết và giao dịch ngày đầu tiên cổ phiếu của PV GAS trên sàn chứng khoán TP.HCM.

08/2015

Dòng khí đầu tiên từ bể Sông Hồng được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Bắc Bộ.

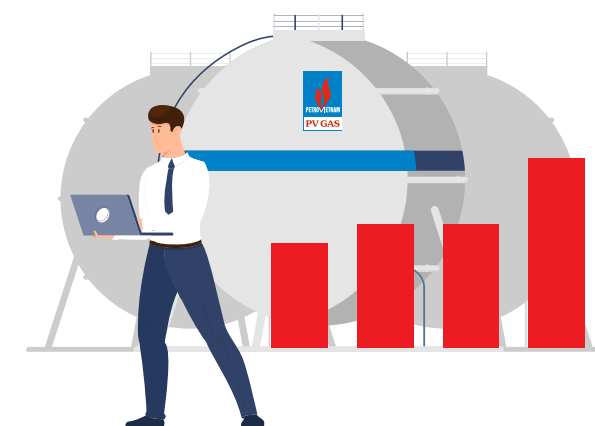
2016

Tăng vốn điều lệ lên **19.139,5 tỷ đồng**.



2011 - 2019

2020 - 2022



2018

Nhà máy xử lý khí Cà Mau đi vào hoạt động, góp phần gia tăng giá trị khí từ nguồn PM3.

2020

Chuỗi dự án khí Nam Côn Sơn 2 đi vào vận hành (GD2 Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh; Sao Vàng – Đại Nguyệt; cải hoán GPP Dinh Cố để tiếp nhận khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh - GD2), góp phần bổ sung đáng kể nguồn khí sụt giảm khu vực Đông Nam Bộ.

2021

Đưa vào vận hành thành công kho nổi chứa LPG lạnh tại Thái Bình; năm có tổng doanh thu trên 80,2 nghìn tỷ đồng và sản lượng LPG kinh doanh trên 2 triệu tấn.

2022

Năm có tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lớn nhất từ trước đến nay (tổng doanh thu trên **102,4 nghìn tỷ đồng** và lợi nhuận trước thuế trên 18,8 nghìn tỷ đồng), sản lượng LPG kinh doanh năm thứ 2 liên tiếp đạt trên 2 triệu tấn.





SỰ KIỆN, DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2022

Top đầu những đơn vị có vốn hóa lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Lần thứ 10 liên tiếp nhận Vinh danh của Forbes "Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022"; "Top 5 Công ty đạt doanh thu và lợi nhuận ấn tượng nhất Việt Nam".

Top 20 trong 500 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam.

Được Bộ Công Thương vinh danh Thương hiệu Quốc gia nhiều năm liền.



02

THÔNG TIN TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sơ đồ tổ chức

Giới thiệu về Hội đồng Quản trị,

Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Hiện nay PV GAS hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con, ngoài công ty mẹ là Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP với 16 ban chuyên môn thuộc Cơ quan điều hành Tổng công ty, PV GAS còn có 9 chi nhánh trực thuộc, 7 công ty PV GAS sở hữu cổ phần/ vốn góp chi phối và 2 công ty PV GAS không sở hữu cổ phần/ vốn góp chi phối. Cơ cấu tổ chức bộ máy của PV GAS cụ thể như sau:



GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG DƯƠNG MẠNH SƠN

Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chủ tịch HĐQT PV GAS

Quá trình công tác:

- 05/1992 - 03/1994: Công tác tại Nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng, Hải Phòng
- 03/1994 - 05/1995: Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí
- 05/1995 - 06/1999: Công tác tại Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí
- 06/1999 - 04/2002: Công tác tại Công ty đăng kiểm Lloyd's Register of Shipping, Vương quốc Anh
- 04/2002 - 10/2006: Phó phòng, Phụ trách Phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất PV GAS
- 10/2006 - 06/2007: Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh Khí Thấp áp (nay là Công ty Cổ phần phân phối Khí Thấp áp), PV GAS
- 10/2007 - 02/2009: Trưởng ban xây dựng, PV GAS
- 02/2009 - 08/2013: Phó Tổng giám đốc PV GAS
- 08/2013 - 05/2015: Phó Tổng giám đốc thường trực PV GAS
- 05/2015 - 09/2021: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc PV GAS
- 09/2021 - 12/2022: Chủ tịch HĐQT PV GAS
- 06/12/2022 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Chủ tịch HĐQT PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư công nghệ hàn
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



ÔNG HOÀNG VĂN QUANG

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

- 07/1994 - 1996: Kỹ thuật viên khai thác, Công ty Dầu khí BHP
- 1997 - 1999: Trưởng ca khai thác, Công ty Petronas Carigali
- 1999 - 2001: Trưởng ca khai thác, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro
- 2002 - 2004: Đốc công khai thác, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro
- 2005 - 2006: Giàn phó sản xuất Giàn Đại Hùng, Công ty Dầu khí Đại Hùng, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam (PVEP)
- 2007 - 2010: Giàn trưởng Giàn Đại Hùng, Công ty Dầu khí Đại Hùng, PVEP
- 03/2010 - 09/2010: Quyền Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí
- 10/2010 - 11/2019: Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí
- 12/2019 - 02/2020: Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng
- 02/2020 - 09/2021: Phó Tổng giám đốc PV GAS
- 09/2021 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư cơ khí Chế tạo máy





ÔNG TRIỆU QUỐC TUẤN

Thành viên HĐQT



BÀ VÕ THỊ THANH NGỌC

Thành viên HĐQT



ÔNG ĐỖ ĐÔNG NGUYÊN

Thành viên độc lập HĐQT



ÔNG TRƯƠNG HỒNG SƠN

Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

- 03/1995 - 09/2002: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế và Khảo sát thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí, Vũng Tàu
- 10/2002 - 09/2004: Trưởng phòng - Xí nghiệp thiết kế và Khảo sát thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí, Vũng Tàu
- 10/2004 - 02/2005: Kỹ sư - Xí nghiệp vận chuyển khí, PV GAS
- 02/2005 - 08/2006: Kỹ sư dự phòng Đốc công tổ đường ống - Xí nghiệp vận chuyển khí, PV GAS
- 08/2006 - 07/2007: Quyền Giám đốc Xí nghiệp Khí Cà Mau, PV GAS
- 07/2007 - 10/2009: Giám đốc Xí nghiệp Khí Cà Mau, PV GAS
- 10/2009 - 04/2021: Giám đốc Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam bộ, PV GAS
- 04/2021 - đến nay: Thành viên HĐQT PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư xây dựng công trình biển
- Kỹ sư Kinh tế và Quản lý
- Thạc sỹ Quản lý dự án

Quá trình công tác:

- 07/1997 - 10/2002: Giáo viên, Trường Đào tạo nhân lực Dầu khí (PVTMC)
- 11/2002 - 07/2006: Chuyên viên, Phòng Thương mại, Công ty Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
- 08/2006 - 06/2007: Điều phối viên, Trường Sơn JOC, Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP)
- 07/2007 - 12/2007: Chuyên viên, Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 01/2008 - 11/2010: Phó trưởng Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 11/2010 - 10/2015: Phó Tổng giám đốc, Công ty Liên doanh Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn
- 10/2015 đến nay: Thành viên HĐQT PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu
- Thạc sỹ Kỹ thuật hóa học ứng dụng.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 10/1996 - 07/2000: Kỹ sư, Ban Quản lý dự án Khí Vũng Tàu
- 08/2000 - 08/2006: Chuyên viên, Ban Khí, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
- 07/2006 - 02/2009: Chuyên viên, Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 03/2009 - 03/2011: Phó Trưởng ban, Ban Khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 04/2011 - 04/2018: Trưởng ban, Ban Khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 04/2018 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ hóa dầu
- Thạc sỹ kỹ thuật Hóa dầu

Quá trình công tác:

- 02/1993 - 03/1993: Chuyên viên tập sự, Công ty Petrovietnam 1, Tổng Công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam
- 03/1993 - 04/2003: Chuyên viên/Phó phòng/Trưởng phòng, Công ty Đầu tư - Phát triển Dầu khí (PIDC), Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
- 04/2003 - 07/2005: Chánh Văn phòng, Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)
- 07/2005 - 10/2007: Phó Trưởng Ban Luật, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 10/2007 - 03/2018: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)
- 03/2018 - 03/2019: Trưởng Ban Pháp chế và Kiểm tra, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 04/2019 - 04/2021: Thành viên độc lập HĐQT PV GAS
- 04/2021 - đến nay: Thành viên HĐQT PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật
- Thạc sỹ Luật Dầu khí



BAN KIỂM SOÁT



BÀ TRẦN THỊ HOÀNG ANH

Trưởng Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:

- 10/1993 - 04/1997: Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán PV GAS
- 05/1997 - 04/2002: Chuyên viên, Ban quản lý dự án tuyến ống và kho cảng, PV GAS
- 04/2002 - 11/2002: Chuyên viên, Ban Nam Côn Sơn, PV GAS
- 12/2002 - 06/2006: Phó phòng Kế toán, Xí nghiệp chế biến khí, PV GAS
- 06/2006 - 05/2007: Trưởng phòng Kế toán, Xí nghiệp chế biến khí, PV GAS
- 05/2007 - 11/2007: Trưởng phòng Kế toán, Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ, PV GAS
- 11/2007 - 10/2009: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ PV GAS
- 10/2009 - 12/2010: Phó Ban Kế toán - Kiểm toán PV GAS
- 01/2011 - 05/2016: Phó Ban Tài chính PV GAS
- 05/2016 - 05/2020: Phó Ban Kế toán PV GAS
- 05/2020 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán
- Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên



ÔNG NGUYỄN CÔNG MINH

Kiểm soát viên

Quá trình công tác:

- 08/1985 - 08/1988: Học viên sĩ quan, C56A, D2, Trường sĩ quan tài chính, Bộ Quốc Phòng
- 09/1988 - 04/2003: Trợ lý Ban Tài chính, Trưởng ban HC-KD-DV, Trưởng ban Tài chính Trung tâm TDTT QP II, Bộ tham mưu quân khu 7
- 05/2003 - 03/2005: Trưởng ban Tài chính Trường dạy nghề số 7
- 04/2005 - 11/2009: Giám đốc Trung tâm dạy nghề Thái Sơn, Cán bộ phòng chính trị, Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng
- 12/2009 - 07/2011: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh, Tổng Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng
- 08/2011 - 03/2016: Phó phòng, Trưởng phòng kế toán, Ban Quản lý dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau, PV GAS
- 04/2016 đến nay: Kiểm soát viên PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán
- Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên



BÀ NGUYỄN THỊ KIM YẾN

Kiểm soát viên

Quá trình công tác:

- 01/1993 - 01/1997: Nhân viên Văn phòng đại diện - Trafalgar House Offshore International Ltd
- 01/1997 - 11/2003: Nhân viên Kế toán, Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí
- 11/2003 - 11/2006: Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Quản lý Dự án Khí, PV GAS
- 11/2006 - 01/2015: Chuyên viên Ban Kế toán, PV GAS
- 01/2015 - 10/2018: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ, Ban Kế toán, PV GAS
- 10/2018 - 04/2021: Chuyên viên chính Ban Kế toán, PV GAS
- 04/2021 - đến nay: Kiểm soát viên, PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán
- Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG HOÀNG VĂN QUANG

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

- 07/1994 - 1996: Kỹ thuật viên khai thác, Công ty Dầu khí BHP
- 1997 - 1999: Trưởng ca khai thác, Công ty Petronas Carigali
- 1999 - 2001: Trưởng ca khai thác, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro
- 2002 - 2004: Đốc công khai thác, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro
- 2005 - 2006: Giàn phó sản xuất Giàn Đại Hùng, Công ty Dầu khí Đại Hùng, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam (PVEP)
- 2007 - 2010: Giàn trưởng Giàn Đại Hùng, Công ty Dầu khí Đại Hùng, PVEP
- 03/2010 - 09/2010: Quyền Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí
- 10/2010 - 11/2019: Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí
- 12/2019 - 02/2020: Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng
- 02/2020 - 09/2021: Phó Tổng giám đốc PV GAS
- 09/2021 đến nay: Tổng giám đốc PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư cơ khí Chế tạo máy



ÔNG PHẠM ĐĂNG NAM

Phó Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

- 07/1993 - 10/1999: Cử nhân kinh tế, Phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro
- 11/1999 - 03/2003: Phó trưởng Phòng Tài chính tín dụng Công ty liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga (Vietross)
- 03/2003 - 11/2003: Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Thương mại Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
- 11/2003 - 04/2004: Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
- 04/2004 - 03/2009: Phó ban; Trưởng ban Thương mại thị trường Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo)
- 04/2009 - 02/2010: Ủy viên HĐQT PVFCCo. Từ 09/2008 - 03/2010 kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Miền Bắc (thuộc PVFCCo)
- 03/2010 - 01/2011: Ủy viên HĐQT PVFCCo kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (thuộc PVFCCo)
- 02/2011 - 02/2014: Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn
- 02/2014 - 09/2014: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí (PVTrans)
- 10/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế công nghiệp
- Cử nhân kinh tế chính trị
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



ÔNG NGUYỄN THANH BÌNH

Phó Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

- 10/2000 - 03/2001: Chuyên viên xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập Khẩu Thương mại và Du lịch Sovilaco, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
- 06/2001 - 09/2003: Học viên cao học Trường Đại học Monash, Tp. Melbourne, Bang Victoria, Australia
- 10/2003 - 09/2009: Chuyên viên/Trợ lý/Phó Ban/Trưởng Ban, Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí (PV Trans)
- 10/2009 - 03/2015: Trưởng Ban Nhập khẩu và Phát triển thị trường, PV GAS
- 03/2015 - 07/2019: Giám đốc Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí, PV GAS
- 07/2019 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị kinh doanh ngoại thương
- Thạc sỹ Kinh doanh Quốc tế



ÔNG HUỲNH QUANG HẢI

Phó Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

- 10/1997 - 11/2001: Cán bộ kỹ thuật Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí (PVECC)
- 12/2001 - 06/2002: Chỉ huy trưởng công trường Dự án Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ - hạng mục: chế tạo lắp đặt ống công nghệ và thiết bị
- 07/2002 - 11/2002: Phó phòng Kinh tế Kỹ thuật, Xí nghiệp xây lắp đường ống bể chứa
- 12/2002 - 06/2003: Chỉ huy trưởng công trường Dự án CPP3 - hạng mục: chế tạo và lắp đặt cầu dẫn số 2, số 4
- 07/2003 - 02/2004: Chỉ huy trưởng công trường Dự án tuyến ống dẫn khí Thấp áp Phú Mỹ - Gò Dầu
- 03/2004 - 06/2004: Phó phụ trách phòng Kinh tế Kỹ thuật, Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bể chứa
- 07/2004 - 12/2004: Chỉ huy trưởng công trình mở rộng xưởng lên men Nhà máy bột ngọt Vedan
- 03/2005 - 07/2007: Kỹ sư, Phòng Kỹ thuật - Sản xuất, PV GAS
- 07/2007 - 10/2007: Phó phòng Kỹ thuật - Sản xuất, PV GAS
- 10/2007 - 06/2008: Phó Ban Xây dựng, PV GAS
- 08/2008 - 06/2011: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS
- 06/2011 - 06/2011: Phó Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ, PV GAS
- 06/2011 - 11/2012: Phó giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS
- 11/2012 - 01/2013: Quyền Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS
- 01/2013 - 08/2015: Giám đốc Công ty Quản lý dự án Khí, PV GAS
- 08/2015 - 09/2019: Trưởng Ban Quản lý Dự án Nhà máy xử lý Khí Cà Mau, PV GAS
- 09/2019 - 02/2020: Trưởng Ban Đầu tư - Xây dựng kiêm Trưởng Ban QLDA Nhà máy xử lý Khí Cà Mau, PV GAS
- 02/2020 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư công nghệ hóa học và thực phẩm



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG PHẠM VĂN PHONG

Phó Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

- 02/2001 – 02/2006: Kỹ sư đánh giá rủi ro, Trung tâm Ng-
hiên cứu - Phát triển An toàn và Môi trường dầu khí
- 03/2006 – 09/2006: Thư ký Trưởng Ban, Phó Trưởng
phòng Chuẩn bị sản xuất và đào tạo, Ban QLDA Khí
Điện Nhơn Trạch – Tp. Hồ Chí Minh
- 10/2006 – 07/2008: Trưởng phòng Tổ chức – Hành
chính, Trưởng phòng Kế hoạch - Hợp đồng - Ban
QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp. Hồ Chí Minh,
PV GAS
- 08/2008 – 09/2011: Trưởng văn phòng Tp. Hồ Chí
Minh, Công ty Quản lý Dự án Khí, PV GAS
- 10/2011 – 07/2015: Trưởng phòng Phát triển dự án,
Công ty Quản lý Dự án Khí, PV GAS
- 08/2015 – 06/2016: Phó Trưởng Ban, Ban QLDA Nhà
máy xử lý khí Cà Mau, PV GAS
- 07/2016 – 08/2019: Giám đốc Công ty Cổ phần LNG
VIETNAM, PV GAS
- 09/2019 – 01/2021: Giám đốc Công ty Kinh doanh
sản phẩm Khí, PV GAS
- 01/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư công nghệ hữu cơ hóa dầu
- Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ Hóa dầu
- Tiến sĩ Kỹ thuật hóa học



ÔNG TRẦN NHẬT HUY

Phó Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

- 10/2002 – 01/2005: Kỹ sư Công nghệ, Xí nghiệp Chế
biến khí, PV GAS
- 02/2005 – 01/2006: Kỹ sư dự phòng Trưởng ca vận
hành, Xí nghiệp Chế biến khí, PV GAS
- 02/2006 – 09/2006: Trưởng ca vận hành - Xí nghiệp
Chế biến khí, PV GAS
- 10/2006 – 07/2007: Phó phụ trách Phòng Kỹ thuật
sản xuất, Xí nghiệp khí Cà Mau – PV GAS
- 08/2007 – 03/2008: Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất,
Công ty Khí Cà Mau, PV GAS
- 04/2008 – 09/2009: Phó giám đốc Công ty Khí Cà
Mau, PV GAS
- 10/2009 – 11/2015: Giám đốc Công ty Khí Cà Mau,
PV GAS
- 12/2015 - 12/2022: Giám đốc Công ty Chế biến Khí
Vũng Tàu, PV GAS
- 16/12/2022 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ Hữu cơ hoá dầu
- Thạc sĩ Công nghệ Hóa dầu và khí

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ÔNG NGUYỄN CÔNG LUẬN

Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

- 12/2002 - 08/2003: Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán, PV GAS
- 09/2003 - 08/2006: Chuyên viên kế toán, Xí nghiệp vận chuyển khí, PV GAS
- 08/2006 - 07/2007: Phó phụ trách Phòng Tài chính – Kế toán, Xí nghiệp Khí Cà Mau, PV GAS
- 07/2007 - 04/2008: Kế toán trưởng, Công ty Khí Cà Mau, PV GAS
- 04/2008 - 01/2009: Kiểm soát viên chính PV GAS
- 02/2009 - 08/2016: Phó ban Tài chính PV GAS
- 08/2016 - 06/2017: Phó ban phụ trách Ban Tài chính PV GAS
- 06/2017 - 07/2019: Trưởng ban Tài chính PV GAS
- 07/2019 đến nay: Kế toán trưởng PV GAS

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

STT	Họ và tên	Thay đổi	Hiệu lực từ ngày
1	Ông Trần Nhật Huy	Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	16/12/2022
2	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Thoại giữ chức vụ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	01/01/2023



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

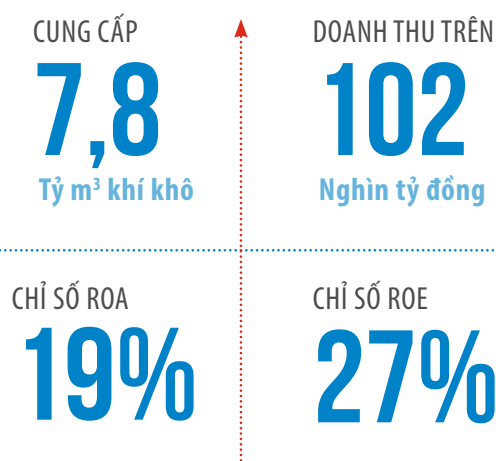
A. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA PV GAS, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tất cả hệ thống/công trình khí của PV GAS vận hành an toàn, hiệu quả, đảm bảo độ tin cậy và sẵn sàng ở mức cao, cấp khí/sản phẩm khí liên tục; không vi phạm quy định về môi trường; không để sự cố nghiêm trọng nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người. Thực hiện hiệu quả và kiểm soát tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới. Công tác bảo dưỡng sửa chữa, kiểm định hiệu chuẩn được triển khai theo kế hoạch, đúng quy trình, chất lượng, đảm bảo an toàn; và hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa dừng khí định kỳ hàng năm, đưa các hệ thống khí vào vận hành trước tiến độ.

Đã cung cấp trên 7,8 tỷ m³ khí khô, bằng 88% kế hoạch, tăng 9% so với năm 2021; hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng condensate (đạt trên 101 nghìn tấn, bằng 152% kế hoạch, về đích trước kế hoạch 5 tháng) và sản lượng LPG kinh doanh (đạt trên 2 triệu tấn, bằng 120% kế hoạch, tăng 2% so với năm 2021 và về đích trước kế hoạch 2 tháng). Đảm bảo mục tiêu/định hướng cung cấp khí cho khách hàng truyền thống và mở rộng thêm khách hàng mới (khách hàng Đạm và khách hàng Công nghiệp tiêu thụ khí vượt mức kế hoạch 1-3% và tăng 5% so với năm 2021). Tiếp tục duy trì cung cấp khí ổn định để sản xuất trên 11% sản lượng điện, khoảng 70% sản lượng phân đạm, đáp ứng gần 70% thị phần LPG cả nước (trong đó chiếm 80% thị phần miền Nam, 57% thị phần miền Bắc và 64% thị phần miền Trung), thị phần bán lẻ LPG chiếm 11% (chưa bao gồm Gas South) trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt mức kế hoạch, về đích trước 2-6 tháng và tăng so với năm 2021, là năm có doanh thu cao nhất từ khi thành lập PV GAS (Tổng doanh thu đạt trên 102 nghìn tỷ đồng, bằng 128% kế hoạch, tăng 28% so với năm 2021; lợi nhuận trước thuế đạt trên 18,8 nghìn tỷ đồng, bằng 214% kế hoạch, tăng 68% so với năm 2021; lợi nhuận sau thuế đạt gần 15,1 nghìn tỷ đồng, bằng 214% kế hoạch, tăng 70% so với năm 2021; nộp ngân sách Nhà nước đạt trên 8,1 nghìn tỷ đồng, bằng 199% kế hoạch, tăng 28% so với năm 2021). Chỉ số ROA đạt trên 19%, ROE đạt trên 27%. Tiếp tục duy trì tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt ở mức cao trên 25%/vốn điều lệ.

Công tác đầu tư xây dựng, phát triển thị trường, đàm phán, ký kết các thỏa thuận, hợp đồng mua bán khí/LNG, các vấn đề liên quan cước phí, cơ chế chính sách, thu xếp vốn được triển khai với nhiều nỗ lực.



Công tác quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro không ngừng được hoàn thiện, nâng cao, thích ứng tình hình mới. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm nội bộ để phù hợp với các quy định mới của pháp luật, thực tiễn hoạt động của PV GAS. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng chữ ký số vào công tác quản lý, điều hành cũng như công tác chuyển đổi số và xây dựng hệ thống quản trị nguồn lực (ERP) được triển khai mạnh mẽ.

Công tác an sinh xã hội được coi trọng, triển khai tích cực, thiết thực, đúng đối tượng. Đảm bảo việc làm, thu nhập, chính sách, chế độ phúc lợi ổn định cho người lao động.

Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, sáng chế không ngừng được đẩy mạnh, có chiều sâu và hiệu quả. PV GAS luôn là một trong những đơn vị đi đầu trong toàn ngành dầu khí về phong trào lao động sáng tạo.

PV GAS tiếp tục là một trong những doanh nghiệp nổi bật trong PVN và trên thị trường chứng khoán, tiếp tục được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao (Top đầu những đơn vị có vốn hóa lớn trên thị trường; thuộc 20 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam được Tổng cục Thuế công bố; nhiều năm liền được Bộ Công Thương vinh danh Thương hiệu Quốc gia; Top 100 doanh nghiệp dẫn đầu Bảng xếp hạng VNR500 năm 2022 được Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietNamNet công bố; lần thứ 10 liên tiếp nhận Vinh danh của Forbes Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022 – Top 5 Công ty đạt doanh thu và lợi nhuận tốt nhất Việt Nam).



B. HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

HĐQT hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, định hướng, quản trị hoạt động SXKD của PV GAS; giám sát Ban Tổng giám đốc về triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ và quản lý, điều hành hoạt động SXKD của PV GAS thông qua các quy định quản lý nội bộ, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, văn bản, các cuộc họp HĐQT, các buổi làm việc với Ban Tổng giám đốc và các đơn vị về chiến lược, cơ chế, chính sách, sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính kế toán, tổ chức nhân sự, tái cơ cấu, chuyển dịch năng lượng, chuyển đổi số, hợp tác phát triển, an sinh xã hội,... HĐQT đã ban hành trên 170 văn bản và tìm giải pháp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; xem xét các báo cáo, đánh giá của các Đoàn kiểm tra của các Bộ Ngành, của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát nội bộ/Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ về hoạt động SXKD trong toàn PV GAS cũng như tổ chức Chương trình giám sát do HĐQT chủ trì và chỉ đạo thực hiện các kết luận (nếu có). HĐQT cũng luôn hỗ trợ, phối hợp kịp thời với Ban Tổng giám đốc trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động SXKD của PV GAS.

Các hoạt động chủ động, tích cực, hiệu quả, kịp thời và có tầm chiến lược của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật và PV GAS, với phương châm “**Đoàn kết - Đổi mới - Chuyên nghiệp - Hành động**”, triển khai đồng bộ 07 nhóm giải pháp, trong đó tập trung vào 03 nhóm giải pháp cốt lõi, đột phá “**về con người, thị trường và cơ chế chính sách**” góp phần giúp PV GAS tiếp tục đạt được nhiều thành công trong năm 2022, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan bất lợi (cụ thể như được trình bày tại “Báo cáo kết quả SXKD năm 2022, phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023”), tạo thuận lợi để PV GAS đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển dài hạn.



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Chiến lược: HĐQT chỉ đạo cập nhật Định hướng Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 (**trong đó giai đoạn tiếp theo thực hiện chuyển đổi hoạt động theo cơ chế thị trường; triển khai đồng bộ, hiệu quả hai trụ chính với các hoạt động như hiện tại cũng như phát triển sang chế biến khí và các sản phẩm khí; đánh giá, đổi mới để thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng, cách mạng công nghiệp 4.0;...**); triển khai Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, từng bước hiện thực hóa Chiến lược phát triển; thông qua Chiến lược bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển của các Đơn vị KTA, CNG, LPG; định hướng các mục tiêu phát triển trong dài hạn để mỗi Đơn vị chủ động trong kinh doanh; chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển thị trường khí, Chiến lược thương hiệu và truyền thông.

HĐQT xác định các vấn đề, nội dung trong hoạt động của PV GAS cần được ưu tiên thực hiện trong từng năm, từng giai đoạn để PV GAS luôn chủ động, tận dụng thời cơ, đón đầu xu hướng và cũng làm cơ sở để PV GAS phân bổ nguồn lực thực hiện phù hợp.

Để góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tạo chủ động và đột phá cho hoạt động SXKD phù hợp với cơ chế thị trường, HĐQT chỉ đạo thực hiện giải pháp về cơ chế chính sách. Trong đó: ban hành các Quy chế trả lương, trả thưởng, Quy chế thưởng an toàn, Quy chế xây dựng mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện theo KPIs (sửa đổi, bổ sung); rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh khí (của PVN và PV GAS), Quy chế quản lý tài chính, các Quy định phân

cấp đầu tư và quản lý đầu thầu,... cũng như các quy định pháp luật, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 24/NQ-KVN ngày 15/04/2022: HĐQT chỉ đạo triển khai và thường xuyên rà soát, cập nhật Kế hoạch năm 2022 trong điều kiện hoạt động SXKD chịu tác động của ảnh hưởng địa chính trị trên thế giới (gây ảnh hưởng đến cung - cầu năng lượng); các nền kinh tế lớn xuất hiện dấu hiệu suy thoái/tăng trưởng chậm lại, kèm theo các rủi ro về lạm phát, tỷ giá,...; giá dầu Brent và giá CP của LPG biến động mạnh

Ngoài ra, phù hợp với phân cấp, thẩm quyền, HĐQT còn thực hiện nhiều hoạt động/chương trình khác để chỉ đạo, định hướng, quản trị hoạt động SXKD của PV GAS.

HĐQT/Ban điều hành PV GAS tạm thời chưa tổ chức thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 24/NQ-KVN ngày 15/4/2022 do hiện nay, PV GAS đang thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2023. Sau khi được thông qua việc tăng vốn điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển, PV GAS sẽ thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 24 nêu trên

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Dương Mạnh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển, quy hoạch trung hạn, dài hạn, kế hoạch SXKD; tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương; đổi mới, tái cơ cấu; tài chính.

Nhận xét: Ông Dương Mạnh Sơn thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

Ông Hoàng Văn Quang

Thành viên HĐQT,
Tổng giám đốc

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác (ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc).

Lĩnh vực phụ trách: công tác văn hóa doanh nghiệp, thương hiệu, truyền thông và an sinh xã hội.

Giám sát hoạt động: Bộ máy cơ quan điều hành.

Nhận xét: Ông Hoàng Văn Quang thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

Bà Võ Thị Thanh Ngọc

Thành viên HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác. Lĩnh vực phụ trách: công tác sản xuất và chế biến; ERP, chuyển đổi số; đào tạo; nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Giám sát hoạt động: KVT, KCM, PVGazprom NGV, BCC dự án đường ống khí lô B – Ô Môn, BCC tòa nhà PV GAS Tower.

Nhận xét: Bà Võ Thị Thanh Ngọc thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

Ông Triệu Quốc Tuấn

Thành viên HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

Giám sát hoạt động: KSNB, PV GAS LNG, KDK, PV Gas D, Gas South, PV Gas LPG, CNG Việt Nam, BCC với PVOIL.

Nhận xét: Ông Triệu Quốc Tuấn thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

Ông Trương Hồng Sơn

Thành viên HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác pháp chế, đầu tư xây dựng, quản lý đấu thầu, bảo hiểm, nhà đất; hợp tác để triển khai dự án cấp khí/LNG tái hóa cho các nhà máy điện Long An I&II; nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của PVOIL tại PETEC.

Giám sát hoạt động: ĐNB, KHP, DAK, LNG Việt Nam, Công ty Kho cảng LNG Sơn Mỹ, Công ty triển khai dự án cấp khí/LNG tái hóa cho các nhà máy điện Long An I&II (sau khi thành lập).

Nhận xét: Ông Trương Hồng Sơn thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.

Ông Đỗ Đông Nguyên

Thành viên độc lập HĐQT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Thành viên độc lập HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách: công tác vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, an toàn, dịch vụ; chuyển dịch năng lượng.

Giám sát hoạt động: DVK, KĐN, NCSP, PV Pipe, PV Coating, BCC chuỗi dự án Cảng Dịch vụ – Khí – Điện.

Nhận xét: Ông Đỗ Đông Nguyên thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách và giám sát hoạt động đơn vị nêu trên.



C. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá tổng thể: HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV GAS, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao

và minh bạch trong công tác quản trị công ty đại chúng; tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

D. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH PV GAS TRONG NĂM 2022 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS trong năm 2022, cụ thể:

- Triển khai, chỉ đạo các ban, văn phòng, trung tâm, đơn vị thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ.
- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, sát sao, trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của PV GAS và cổ đông.
- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Tổng giám đốc.
- Báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/ĐHĐCĐ và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc.
- Làm việc thường xuyên với các ban, văn phòng, trung tâm, đơn vị để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD cũng như chấn chỉnh những tồn tại (nếu có).
- Có tầm nhìn chiến lược lâu dài và hoạch định sẵn sàng các kế hoạch, giải pháp linh hoạt, nhạy bén để sẵn sàng đối phó với các bất lợi, rủi ro.

Cùng với ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Tổng giám đốc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của PV GAS đáp ứng kỳ vọng của HĐQT, ĐHĐCĐ trong năm 2022 cũng như tạo nền tảng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển PV GAS.

E. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KHÁC

HĐQT:

- Tổ chức 07 cuộc họp HĐQT (hình thức trực tiếp) và thường xuyên lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét, kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến chiến lược, cơ chế, chính sách, sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính kế toán, tổ chức nhân sự, tái cơ cấu, chuyển dịch năng lượng, chuyển đổi số, hợp tác phát triển, an sinh xã hội,... của PV GAS và các đơn vị. Các Thành viên HĐQT tham gia tất cả cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 15/4/2022. 100% Thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của các Đoàn kiểm tra của các Bộ Ngành, của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát nội bộ/Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ về hoạt động SXKD của PV GAS và các đơn vị; cũng như tổ chức Chương trình giám sát do HĐQT chủ trì và chỉ đạo thực hiện các kết luận (nếu có).
- Trao đổi, chất vấn, giám sát Ban Tổng giám đốc về triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ; về quản lý, điều hành hoạt động SXKD của PV GAS
- Tham gia các buổi làm việc cùng Ban Tổng giám đốc để tìm giải pháp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoạt động SXKD của PV GAS và các đơn vị.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã ban hành trên 170 Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, văn bản để quản trị PV GAS đối với những vấn đề thuộc phân cấp, thẩm quyền quyết định của HĐQT; tập trung vào các vấn đề như nêu tại Mục B; trong đó có 12 Nghị quyết/ Quyết định/Văn bản liên quan đến các vấn đề phải công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Chi tiết như tại công văn số 120/KVN-HĐQT ngày 30/01/2023 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2022 đã được công bố thông tin.

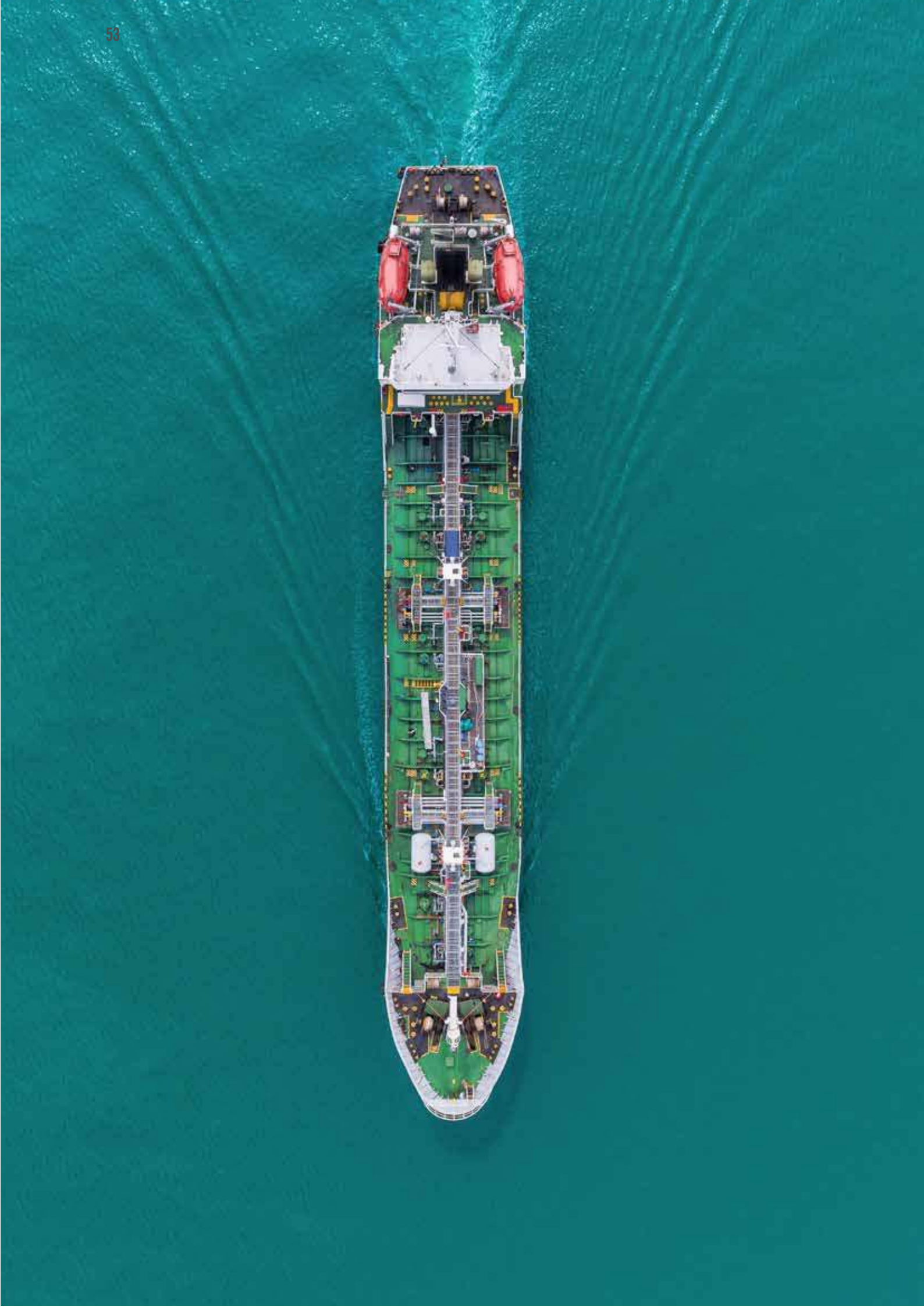


F. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH GIỮA PV GAS VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giao dịch giữa PV GAS với công ty trong đó Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	11/NQ-KVN	25/01/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Hợp đồng dịch vụ thu gom, tiếp nhận và nén khí bể Cừu Long về bờ giai đoạn 2021 – 2023 giữa PVN, PV GAS và VSP
2	17/NQ-KVN	14/02/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS và PVFCCo
3	36/NQ-KVN	20/5/2022	Thông qua các nội dung chính của Thư thỏa thuận cơ chế phát hóa đơn và thanh toán tạm cho khối lượng khí năm 2022 theo GSPA Lô 06.1
4	38/NQ-KVN	24/5/2022	Thỏa thuận về việc tạm thanh toán tiền mua bán khí bể Cừu Long giữa PVN và PV GAS
5	51/NQ-KVN	04/8/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Bổ Sung số 20 GSA NT1 giữa PV GAS với PV POWER
6	57/NQ-KVN	23/9/2022	Chấp thuận các nội dung chính Hợp đồng mua bán khí bể Cừu Long giai đoạn 2021 – 2023 giữa PVN và PV GAS
7	67/NQ-KVN	30/11/2022	Chấp thuận Sửa Đổi, Bổ Sung Số 02 Hợp đồng mua bán khí cho Nhà Máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS

(Chi tiết như tại công văn số 120/KVN-HĐQT ngày 30/01/2023 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2022 đã được công bố thông tin).



G. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2023, bên cạnh những tác động từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới thì nội tại PV GAS phải đối diện và giải quyết các vấn đề về: giá năng lượng tiếp tục giữ ở mức cao; xu thế chuyển đổi số, chuyển dịch năng lượng; suy giảm sâu nguồn khí trong nước giá thấp, thay thế là các nguồn khí giá cao; đối thủ mạnh

cạnh tranh trong kinh doanh LPG; chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng theo số năm vận hành công trình khí; chi phí đầu tư cao hơn, thủ tục, quy định về đầu tư phức tạp hơn so với trước đây;... Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2023, HĐQT xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

1 Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp, sắc bén với tinh thần trách nhiệm cao.

2 Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, linh hoạt áp dụng hình thức làm việc trực tiếp tại văn phòng PV GAS hoặc làm việc từ xa (tùy thuộc tình hình thực tế) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, phân cấp của HĐQT.

3 Tiếp tục xem xét, quyết định, chỉ đạo: công tác xây dựng, thực hiện Chiến lược; xác định các vấn đề, công việc trong hoạt động SXKD của PV GAS cần được ưu tiên thực hiện; xây dựng, kiến nghị, phê duyệt các vấn đề về cơ chế chính sách; kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS, thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các cấp có thẩm quyền; tổ chức thực hiện các ủy quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).

4 Đồng thời chỉ đạo:

- Triển khai các nhiệm vụ hoạt động SXKD gắn liền với Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2233/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch ngành công nghiệp khí Việt Nam; cũng như Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của PV GAS làm cơ sở để PV GAS phát triển bền vững.
- Tích cực đổi mới, chuyển đổi hoạt động theo cơ chế thị trường. Triển khai đồng bộ, hiệu quả hai trụ chính trong giai đoạn phát triển tiếp theo (các hoạt động như hiện tại cũng như phát triển sang chế biến khí và các sản phẩm khí); thực hiện các nhóm giải pháp để nâng cao năng lực quản trị, điều hành, đặc biệt 03 nhóm giải pháp cốt lõi, đột phá về con người, thị trường và cơ chế chính sách.
- Thực hiện các giải pháp phòng, chống và ứng phó tác động của dịch Covid-19, biến động của giá dầu/LPG/LNG và tỷ giá USD/VNĐ.
- Tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới/LNG/sản phẩm mới trong, ngoài nước; thực hiện mua bán và sáp nhập (M&A); ... để gia tăng sản lượng, đa dạng hóa, phát triển thị trường tiêu thụ khí/LNG và các sản phẩm khí.
- Nghiên cứu/triển khai đầu tư chế biến sâu, các phương án cấp khí tại miền Bắc, miền Tây và Đông Nam Bộ; hiện thực hóa các chuỗi liên kết giá trị.
- Chuyển dịch năng lượng, chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ CNTT và ERP trong mọi hoạt động SXKD, thống nhất, đồng bộ với hệ thống của PVN.
- Triển khai Kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025, song song với rà soát, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ phù hợp mô hình hoạt động/phương án tái cơ cấu.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật và PVN, đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD, thích ứng với cơ chế thị trường.
- Làm việc với cấp có thẩm quyền về đổi mới cơ chế chính sách, tạo cơ sở giải quyết các khó khăn, vướng mắc của PV GAS (rủi ro pháp lý, thị trường, cước phí, tái cấu trúc/tái cơ cấu, đầu tư xây dựng, chiến lược phát triển, ...), cũng như tạo chủ động và đột phá cho hoạt động SXKD của PV GAS phù hợp với cơ chế thị trường và duy trì vai trò chủ đạo của PV GAS trong ngành công nghiệp khí.
- Mục tiêu phấn đấu năm 2023 của PV GAS là: vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo an ninh các công trình khí; cung cấp **7,7 tỷ m³** khí cho các hộ tiêu thụ, đạt tổng doanh thu trên **76 nghìn tỷ đồng**, tiếp tục là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đạt được kỳ vọng của cổ đông PV GAS.

CUNG CẤP
7,7
Tỷ m³ khí khô

DOANH THU TRÊN
76
Nghìn tỷ đồng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

A. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

BKS gồm có 03 thành viên:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Trưởng BKS	05/5/2020		Cử nhân kế toán
2	Ông Nguyễn Công Minh	Kiểm soát viên	16/4/2021		Cử nhân kế toán
3	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Kiểm soát viên	16/4/2021		Cử nhân kinh tế

B. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- HĐQT nghiêm túc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT chỉ đạo thực hiện công tác tái cơ cấu/tái cấu trúc PV GAS theo kế hoạch/phương án đã được phê duyệt.
- HĐQT ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ PV GAS.
- HĐQT tiếp tục công tác thúc đẩy các hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm tìm thêm các nguồn khí, phát triển hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, xây dựng các kho chứa và chủ động tạo lập thị trường kinh doanh khí, quảng bá thương hiệu của PV GAS trong nước và quốc tế.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và các phòng, ban chức năng, đơn vị của PV GAS điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời phân cấp mạnh cho Tổng giám đốc, các Đơn vị trực thuộc và Người đại diện của PV GAS tại doanh nghiệp khác nhằm tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các hoạt động của PV GAS và các đơn vị.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng giám đốc triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Ban Tổng giám đốc tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không cần dùng tại đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.
- Ban Tổng giám đốc nghiêm túc thực hiện các kiến nghị tại biên bản của thanh tra, kiểm tra của các Bộ/ngành.
- Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác tái cơ cấu/tái cấu trúc PV GAS theo kế hoạch/phương án được phê duyệt.
- Ban Tổng giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.
- Công tác nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và được quán triệt đến từng công ty con, công ty liên kết, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Tiền lương và chế độ chính sách: thực hiện chi trả lương và chế độ chính sách đúng các quy định, quy chế hiện hành.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng giám đốc luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài

liệu, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của BKS đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

- BKS đã thực hiện kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc và thành viên theo kế hoạch năm 2022 đã được PVN phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-DKVN ngày 04/01/2022, đồng thời tiếp tục rà soát, đôn đốc để xử lý các vấn đề còn tồn tại đang thực hiện của năm 2021.
- BKS có các ý kiến đóng góp kịp thời về công tác quản lý điều hành nhằm tăng cường công tác giám sát theo quy định.
- BKS thực hiện soát xét, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 và Báo cáo tài chính quý/năm 2022 theo quy định. Báo cáo tài chính PV GAS đã lập đúng theo quy định của Bộ Tài chính và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ doanh thu, thu nhập, nộp ngân sách và tình hình nợ phải thu phải trả của đơn vị.
- BKS thẩm định quỹ tiền lương, tiền thưởng 2021 của PV GAS.
- Thông qua các báo cáo của PV GAS, BKS đánh giá tình hình đầu tư vốn vào các đơn vị khác, để kiểm soát tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên trong PV GAS cũng như để giám sát nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- BKS tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Ban Tổng giám đốc, tham gia các cuộc họp của Ban lãnh đạo PV GAS với các phòng ban, đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên
- BKS thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo quy chế hoạt động của BKS.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, PV GAS đã phải đối mặt với những khó khăn, thách thức, song song đó cũng tận dụng được một số cơ hội và thuận lợi; các mặt khó khăn và thuận lợi đôi khi đan xen với nhau. Cụ thể:



- Tình hình địa chính trị trên thế giới bất ổn do xung đột Nga - Ukraine, Mỹ và nhiều nước áp dụng các lệnh trừng phạt đối với Nga; Trung Quốc áp dụng chính sách phòng chống dịch Covid-19 nghiêm ngặt;... dẫn đến thị trường năng lượng và chính sách tài chính toàn cầu nhiều biến động (gián đoạn chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguồn cung, giá cả leo thang, lạm phát tăng cao, giá nguyên/nhiên liệu tăng,...).
- Chính sách tiền tệ nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam liên tục điều chỉnh (tăng lãi suất) để kiểm chế lạm phát.
- Giá dầu Brent, giá CP của LPG và các sản phẩm xăng dầu khác biến động mạnh, có thời điểm giá dầu Brent đạt trên 120 USD/thùng, giá CP đạt 950 USD/tấn, nhưng giảm mạnh ở những tháng cuối năm (giá dầu trung bình năm 101 USD/thùng, giá CP trung bình 735 USD/tấn).
- Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước được kiểm soát, các hoạt động kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh dần trở lại bình thường trong tình hình mới; Chính phủ có những chính sách hỗ trợ, kích cầu phù hợp; kinh tế trong nước có nhiều khởi sắc và tăng trưởng (quy mô GDP năm đạt 409 tỷ USD, tăng trưởng GDP ở mức 8%).
- Các cơ sở sản xuất kinh doanh của PV GAS luôn đảm bảo an ninh, an toàn, độ tin cậy và sẵn sàng ở mức cao; công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 hiệu quả và phù hợp với tình hình mới.
- Huy động khí cho sản xuất điện của EVN thấp hơn kế hoạch chấp thuận, của Bộ Công Thương. Đối với khách hàng Đạm, công nghiệp tiêu thụ khí ổn định và tăng so với năm 2021.
- Hoạt động sản xuất ống, bọc ống không có dự án lớn để triển khai.

Với việc lường trước những khó khăn, tận dụng cơ hội từ giá dầu và giá các sản phẩm dầu mỏ biến động tăng, tập thể Ban lãnh đạo PV GAS đã cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên luôn đoàn kết, tích cực đổi mới và chuyên nghiệp trong hành động, triển khai quyết liệt đồng bộ và hiệu quả nhiều giải pháp từ những ngày đầu năm để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đó là: Thực hiện công tác điều độ, huy động khí linh hoạt, vận hành tối ưu; tăng cường các hoạt động phát triển thị trường, trong đó đẩy mạnh kinh doanh LPG, cung cấp khí cho khách hàng công nghiệp; tăng cường công tác quản trị, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, tiết giảm chi phí; thực hiện phòng chống dịch Covid-19 phù hợp với tình hình mới; sắp xếp/bổ nhiệm/luân chuyển cán bộ phù hợp công việc và hiệu quả;... cùng với sự hỗ trợ tích cực từ các đơn vị trong và ngoài ngành, sự phối hợp nhịp nhàng các khâu từ thượng nguồn đến hạ nguồn, sự chỉ đạo và ủng hộ tích cực từ PVN, các Bộ ngành/Chính phủ, đặc biệt là sự quan tâm, đồng hành của các Cổ đông. Kết quả là các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm được PV GAS kiểm soát, bám sát mục tiêu, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng từ các yếu tố bất lợi, hoàn thành xuất sắc và toàn diện kế hoạch đề ra. Cụ thể các nhiệm vụ, chỉ tiêu chính đạt được như sau:

Tất cả hệ thống/công trình khí của PV GAS vận hành an toàn và hiệu quả, cấp khí, sản phẩm khí liên tục; thực hiện hiệu quả và kiểm soát tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong tình hình mới; công tác bảo dưỡng sửa chữa, kiểm định hiệu chuẩn triển khai theo kế hoạch, đúng quy trình, chất lượng và đặc biệt đảm bảo an toàn và hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa đúng khí định kỳ hàng năm, đưa các hệ thống khí vào vận hành trước tiến độ.

Đã cung cấp gần 7,8 tỷ m³ khí khô, bằng 88% kế hoạch, tăng 9% so với năm 2021; hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng condensate (đạt trên 101 nghìn tấn, bằng 152% kế hoạch, tăng 55% so với năm 2021 và về đích trước kế hoạch 5 tháng) và sản lượng LPG kinh doanh (đạt trên 2,0 triệu tấn, bằng 120% kế hoạch, tăng 2% so với năm 2021 và về đích trước kế hoạch 2 tháng). Đảm bảo mục tiêu/định hướng cung cấp khí cho khách hàng truyền thống và mở rộng thêm khách hàng mới (khách hàng Đạm và khách hàng Công nghiệp tiêu thụ khí vượt mức kế hoạch 1-3% và tăng 5% so với năm 2021). Tiếp tục duy trì cung cấp khí ổn định để sản xuất trên 11% sản lượng điện, khoảng 70% sản lượng phân đạm, đáp ứng gần 70% thị phần LPG cả nước (trong đó chiếm 80% thị phần miền Nam, 57% thị phần miền Bắc và 64% thị phần miền Trung), thị phần bán lẻ LPG chiếm 11% (bao gồm Gas South chiếm 24%) trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt mức kế hoạch, về đích trước 2-6 tháng và tăng so với năm 2021, là năm có doanh thu cao nhất từ khi thành lập PV GAS (Tổng doanh thu đạt trên 102 nghìn tỷ đồng, bằng 128% kế hoạch, tăng 28% so với năm 2021; lợi nhuận trước thuế đạt trên 18,8 nghìn tỷ đồng, bằng 214% kế hoạch, tăng 68% so với năm 2021; lợi nhuận

sau thuế đạt gần 15,1 nghìn tỷ đồng, bằng 214% kế hoạch, tăng 70% so với năm 2021; nộp ngân sách Nhà nước đạt trên 8,1 nghìn tỷ đồng, bằng 199% kế hoạch, tăng 28% so với năm 2021). Top đầu đơn vị có các chỉ số tài chính khả quan trong PVN (chỉ số ROE đạt 27 %, ROA đạt 19%), Top đầu những đơn vị có vốn hóa lớn trên thị trường (tổng tài sản trên 82,8 nghìn tỷ đồng), có tỷ lệ chia cổ tức duy trì hàng năm bằng tiền mặt cao (25-30%/vốn điều lệ).

Công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro được hoàn thiện, nâng cao, dẫn thích ứng với tình hình mới. Công nghệ thông tin, sử dụng chữ ký số vào công tác quản lý, quản trị, điều hành; chuyển đổi số và xây dựng hệ thống quản trị nguồn nhân lực (ERP) được triển khai mạnh mẽ; tiết giảm chi phí tiếp tục được duy trì, đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Chính sách tiền lương, chế độ chính sách, phúc lợi xã hội cho người lao động và Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc được thực hiện tốt.

PV GAS tiếp tục là một trong những doanh nghiệp nổi bật trong PVN và trên thị trường chứng khoán, tiếp tục được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao (Top đầu những đơn vị có vốn hóa lớn trên thị trường; là một trong 7 doanh nghiệp Việt Nam có doanh thu trên 100 nghìn tỷ đồng theo thống kê của CTCP Chứng khoán SSI; thuộc 20 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam được Tổng cục Thuế công bố; nhiều năm liền được Bộ Công Thương vinh danh Thương hiệu Quốc gia; Top 100 doanh nghiệp dẫn đầu Bảng xếp hạng VNR500 năm 2022 được Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietNamNet công bố; lần thứ 10 liên tiếp nhận Vinh danh của Forbes Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022 – Top 5 Công ty đạt doanh thu và lợi nhuận tốt nhất).

CUNG CẤP

7,8

Tỷ m³ khí khô

DOANH THU TRÊN

102

Nghìn tỷ đồng

CHỈ SỐ ROE

27%

CHỈ SỐ ROA

19%

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

TIẾP NHẬN, SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KHÍ KHÔ

Ngoài thời gian dừng cấp khí để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch, một số mô/lò phía thượng nguồn có một số thời điểm bị sự cố ngoài kế hoạch, các hệ thống tiếp nhận, xử lý, vận chuyển và phân phối khí của PV GAS hoạt động ổn định, liên tục. Công tác an ninh, điều độ khí linh hoạt, phù hợp quy định và hiệu quả; thực hiện nghiêm túc các hợp đồng mua bán khí; chất lượng khí, sản phẩm khí cung cấp phù hợp với hợp đồng.

Huy động khí cho sản xuất điện của EVN khu vực Đông Nam Bộ đạt 106%, Tây Nam Bộ đạt 63% kế hoạch huy động khí cho sản xuất điện của Bộ Công Thương, tổng cả 2 khu vực đạt 97% kế hoạch. Tuy nhiên so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua chỉ đạt 83% kế hoạch (kế hoạch năm 2022 là 6.682 triệu m³, cao hơn nhiều so với kế hoạch huy động khí cho sản xuất điện của Bộ Công Thương) và bằng 110% so với năm 2021.

Khách hàng Đạm, Công nghiệp tiêu thụ khí ổn định, hoàn thành kế hoạch năm và tăng trưởng so với năm 2021 (khách hàng Đạm đạt 103% kế hoạch, bằng 105% so với năm 2021; khách hàng Công nghiệp đạt 101% kế hoạch, bằng 105% so với năm 2021).



Tổng sản lượng khí ẩm tiếp nhận gần

8 Tỷ m³

Bằng 87% kế hoạch
(bằng 108% so với năm 2021)

Doanh thu đạt trên

51 Nghìn tỷ đồng

Không bao gồm doanh thu vận chuyển khí PM3 - Cà Mau

Tổng sản lượng khí khô sản xuất và cung cấp cho khách hàng gần

7,8 Tỷ m³

Khách hàng điện gần 5,6 tỷ m³

Khách hàng đạm gần 1,2 tỷ m³

Khách hàng công nghiệp gần 1,1 tỷ m³

Bằng 88% kế hoạch

(bằng 109% so với năm 2021)

Kế hoạch

114 % ↑

Bằng 132% so với năm 2021

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM LỎNG

Về sản xuất

Các nhà máy xử lý khí thực hiện dừng để bảo dưỡng sửa chữa cùng với thời điểm dừng khí của hệ thống, thời gian còn lại các nhà máy hoạt động ổn định và tối ưu. Tổng sản lượng LPG sản xuất trên 360 nghìn tấn, bằng 92% kế hoạch (tương đương năm 2021); sản xuất trên 101 nghìn tấn condensate, bằng 152% kế hoạch (bằng 155% so với năm 2021), cụ thể:

- GPP Dinh Cố: Sản xuất trên 271 nghìn tấn LPG, bằng 111% kế hoạch (bằng 109% so với năm 2021); sản xuất gần 97 nghìn tấn condensate, bằng 161% kế hoạch (bằng 166% so với năm 2021). Sản lượng condensate tăng cao do thực hiện đẩy lỏng tích tụ trong đường ống về bờ, nguồn condensate Thiên Ứng về bờ ổn định.
- GPP Cà Mau: Sản xuất trên 89 nghìn tấn LPG, bằng 61% kế hoạch (bằng 81% so với năm 2021); sản xuất gần 5 nghìn tấn condensate, bằng 70% kế hoạch (bằng 64% so với năm 2021). Sản lượng LPG và condensate sản xuất không hoàn thành kế hoạch do khí ẩm về bờ thấp so với kế hoạch.

Về kinh doanh

- Giá LPG biến động tăng mạnh, đạt đỉnh vào tháng 4/2022 và giảm về những tháng cuối năm. Đã cung cấp ra thị trường trên 2,0 triệu tấn LPG (Dinh Cố 270 nghìn tấn, Cà Mau 86 nghìn tấn, Dung Quất 309 nghìn tấn, nhập khẩu tiêu thụ trong nước 875 nghìn tấn, xuất khẩu và kinh doanh quốc tế 501 nghìn tấn), bằng 120% kế hoạch, tăng 2% so với năm 2021, ứng với doanh thu đạt trên 39,6 nghìn tỷ đồng, bằng 147% kế hoạch (tăng 20% so với năm 2021).
- Đã cung cấp trên 101 nghìn tấn condensate (theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa PV GAS và PV Oil), bằng 152% kế hoạch (tăng 55% so với năm 2021), ứng với doanh thu đạt trên 1,8 nghìn tỷ đồng, bằng 273% kế hoạch (tăng 136% so với năm 2021).



HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

Công tác bảo dưỡng ngăn ngừa, đột xuất, thường xuyên và kiểm định hiệu chuẩn được thực hiện theo kế hoạch, đúng quy trình, chất lượng, đáp ứng yêu cầu của các cơ quan đăng kiểm và đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định. Cụ thể các công việc/đầu việc lớn đã triển khai

Công tác dừng khí để bảo dưỡng sửa chữa và TA: Đã hoàn thành công tác bảo dưỡng dừng khí Hàm Rồng - Thái Bình tháng 5/2022 (trước tiến độ kế hoạch 12 giờ 50 phút), hệ thống PM3 - Cà Mau cuối tháng 8/2022 (trước tiến độ kế hoạch 36 giờ), hệ thống khí Cửu Long và Nam Côn Sơn 2 trong tháng 9/2022 (trước tiến độ kế hoạch: GPP Dinh Cố 24 giờ 15 phút, GDS Bà Rịa 6 giờ, các trạm dọc tuyến 5 giờ), kho LPG Gò Dầu trong tháng 5/2022, kho LPG Dung Quất và bồn chứa condensate TK-101A/B tại Kho cảng Thị Vải trong tháng 7/2022.

Công tác khảo sát, sửa chữa tuyến ống biển: Hoàn thành phóng thoi thông minh tuyến ống biển Nam Côn Sơn 2 (Sao Vàng - Dinh Cố) tháng 7/2022; hoàn thành khảo sát ROV và sửa chữa các freespan tuyến ống biển Sư Tử Vàng - Rạng Đông - Bạch Hổ - Long Hải, Tê Giác Trắng - Bạch Hổ, RP1-RC3, Nam Côn Sơn 2, Sao Vàng - Đại Nguyệt tháng 8/2022; hoàn thành khảo sát Riser và đoạn ống trong khu vực 500m gần giàn của tuyến ống 18" PM3 - Cà Mau tháng 8/2022; hoàn thành phóng thoi tuyến ống 16" Sư Tử Vàng - Bạch Hổ tháng 11/2022; ...

CHÍNH SÁCH GIÁ KHÍ/CƯỚC PHÍ; HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ/MUA BÁN KHÍ

PV GAS đã rất tích cực làm việc/giải trình ý kiến của các Bộ ngành về các cước phí, giá khí, tuy nhiên chưa được phê duyệt, hiện đang được cấp có thẩm quyền xem xét (Cước phí Nam Côn Sơn 2 toàn tuyến và cước phí Sao Vàng - Đại Nguyệt; cước phí Phú Mỹ - Hồ Chí Minh; giá LNG tái hóa bán cho nhà máy điện Nhơn Trạch 3, 4 và các cước phí thành phần).

Đối với các hợp đồng dịch vụ/mua bán khí, PV GAS đã thực hiện ký kết/thống nhất các Thỏa thuận sau: Hợp đồng dịch vụ thu gom, tiếp nhận và nén khí bể Cửu Long giai đoạn 2021-2023 với PVN và Vietsovpetro tháng 2/2022; Sửa đổi, bổ sung số 02 về Hợp đồng mua bán khí năm 2022 với PVFCCo tháng 3/2022; Sửa đổi, bổ sung số 01 Hợp đồng mua bán khí từ Lô 05-1b và 05-1c giữa PVN và PV GAS tháng 2/2022; Gia hạn Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận hành và bảo dưỡng hệ thống khí thấp áp

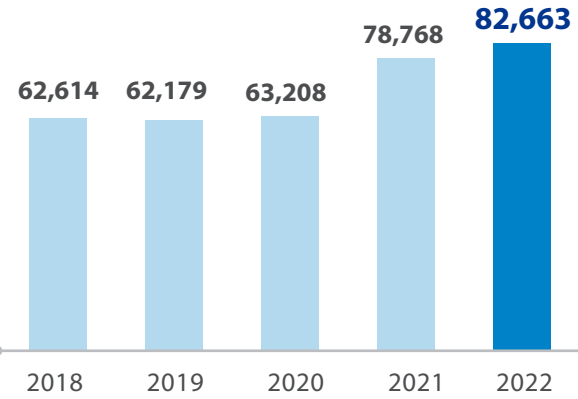
Vòm Bắc năm 2022 với Vietsovpetro; Bổ sung số 03 về gia hạn MOU Tuna tháng 5/2022; Bổ sung số 20 GSA Nhơn Trạch 1 quy định sản lượng khí cấp từ năm 2022 với PV Power; Hợp đồng mua bán khí Cửu Long giai đoạn 2021 - 2023 và Hợp đồng mua bán khí Sư Tử Trắng 2A với PVN; Thỏa thuận các vướng mắc của GSPA Lô 06.1 năm 2020 - 2021 với các Chủ Lô 06.1; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 12 GSA EVN về chuyển đổi chủ thể Bên Mua khí với EVN và GENCO3; Bổ Sung số 15 GSA Điện Bà Rịa về gia hạn Hợp đồng giai đoạn 2023 - 2025 với Điện Bà Rịa. Bên cạnh đó, PV GAS đang làm việc/tiếp tục làm việc với các Chủ mỏ/chủ thể/khách hàng/đối tác bao gồm PVN, Chủ khí Lô 06.1, Vietsovpetro, EVN/GENCO3, PVFCCo, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, các nhà máy điện BOT,... để thống nhất và sớm ký kết sửa đổi các hợp đồng mua bán khí/dịch vụ/cam kết/thỏa thuận liên quan.



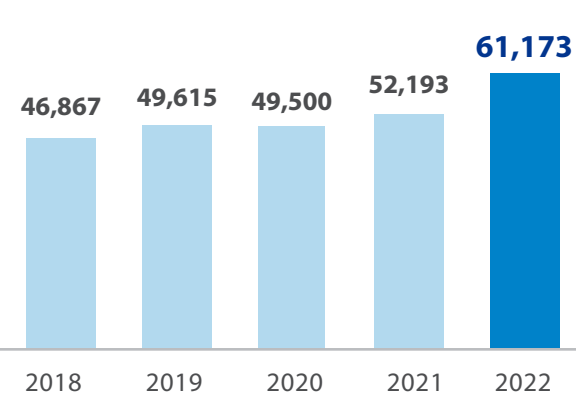
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

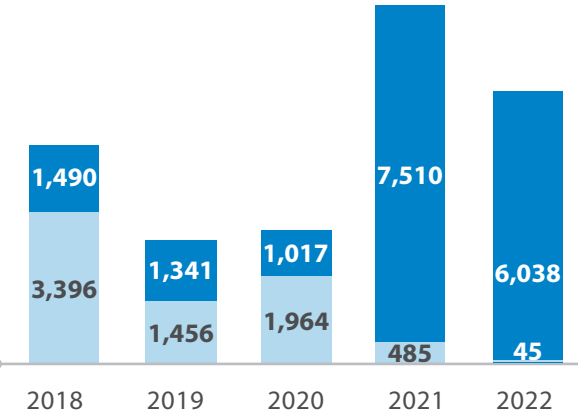
TỔNG TÀI SẢN
(tỷ đồng)



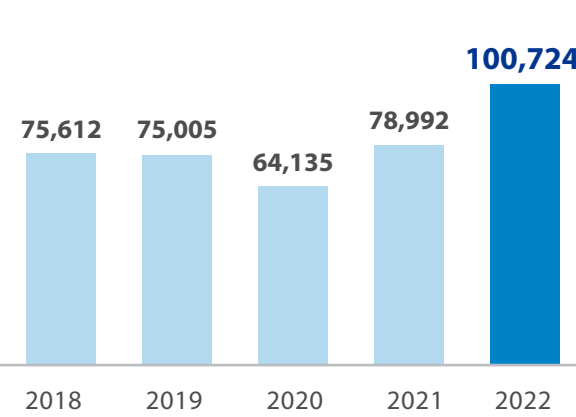
VỐN CHỦ SỞ HỮU
(tỷ đồng)



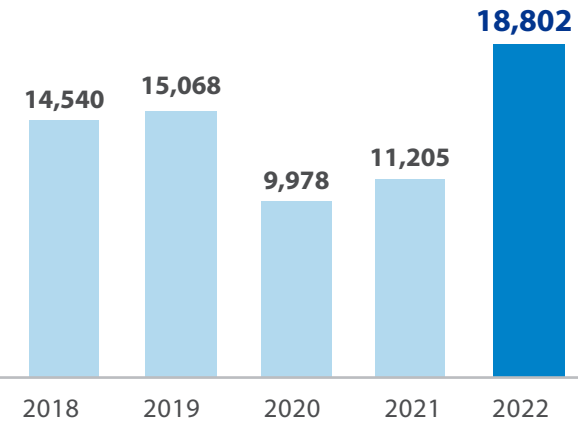
NỢ VAY NGÂN HÀNG
(tỷ đồng)



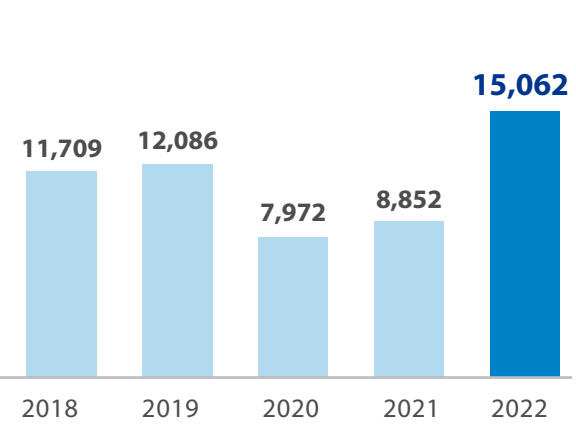
DOANH THU THUẦN
(tỷ đồng)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(tỷ đồng)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(tỷ đồng)



Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN							
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3.62	3.51	3.46	4.20	4.05	3.10	4.46
Hệ số thanh toán nhanh:	3.48	3.36	3.29	4.04	3.88	2.91	4.13
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN							
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.28	0.30	0.25	0.20	0.22	0.34	0.26
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.39	0.43	0.34	0.25	0.28	0.51	0.35
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG							
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân):	37.97	33.62	32.35	32.98	32.58	26.51	21.63
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.04	1.04	1.21	1.21	1.01	1.00	1.22
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI							
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0.12	0.15	0.15	0.16	0.12	0.11	0.15
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0.17	0.24	0.26	0.25	0.16	0.17	0.27
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.13	0.17	0.19	0.19	0.13	0.12	0.19

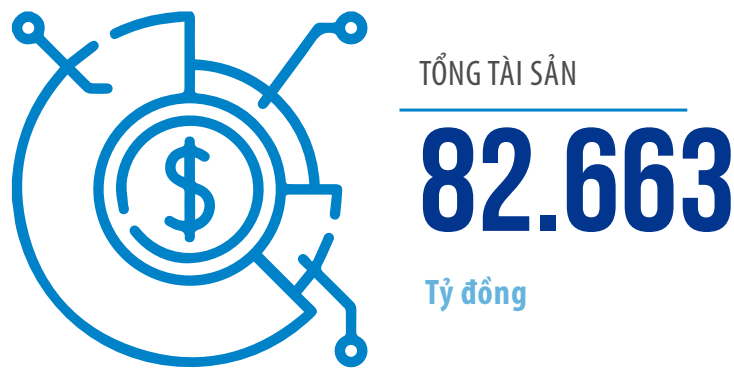
PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng Tài sản của Tổng Công ty Khí Việt Nam tại 31/12/2022 là 82.663 tỷ đồng, tăng 14% so với tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021. Tỷ lệ tăng trưởng Tổng tài sản trung bình giai đoạn 2012-2022 đạt 7%, đây là mức tăng trưởng lớn đối với doanh nghiệp có tổng tài sản lớn như PV GAS. Mức tăng trưởng này là do PV GAS đã hoàn thành đầu tư xây dựng công trình đường ống dẫn khí trong đó có các công trình lớn là Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau, Dự án đường ống thu gom vận

chuyển khí Sao Vàng Đại Nguyệt và đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 2.

Về tài sản ngắn hạn, trong năm 2022, Tài sản ngắn hạn của PV GAS tăng 4.257 tỷ đồng trong đó chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền biến động lớn nhất với mức tăng 5.249 tỷ đồng, tăng 99% so với thời điểm cuối năm 2021. Theo đó, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Tổng công ty cũng được cải thiện trong năm 2022.



Cơ cấu tài sản	2019	2020	2021	2022
TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)	62,179	63,208	78,768	82,663
• Tài sản ngắn hạn (tỷ đồng)	41,815	39,472	51,395	55,652
• Tài sản dài hạn (tỷ đồng)	20,363	23,736	27,373	27,155
TSNH/Tổng TS	0.67	0.62	0.65	0.67
TSDH/Tổng TS	0.33	0.38	0.35	0.33

Là một doanh nghiệp sản xuất, tỷ lệ tài sản dài hạn trung bình chiếm khoảng 30-40% tổng tài sản là một tỷ lệ an toàn và phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đến hết ngày 31/12/2022, nợ phải trả của Tổng công ty đạt 21.489 tỷ đồng, chiếm khoảng 26,0% tổng nguồn vốn, trong đó 58,1% là nợ ngắn hạn. So với năm 2021, nợ phải trả giảm 19%, tương đương giảm 5.086 tỷ đồng. Tổng vay ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn) giảm 24% so với năm 2021 do thực hiện trả nợ trước hạn 2.839 tỷ đồng đối với các khoản vay dài hạn tài trợ dự án Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt và Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2.

Việc duy trì dư nợ vay ở mức phù hợp thông qua kế hoạch giải ngân hợp lý và rà soát thực hiện trả nợ trước hạn kịp thời giúp giảm bớt rủi ro về chi phí lãi vay và áp lực trả nợ gốc trong tình hình lãi suất thị trường liên ngân hàng tăng cao. Bên cạnh đó, chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu thấp cũng thể hiện khả năng dễ dàng huy động vốn vay trong tương lai cho các dự án đầu tư mới của PV GAS khi cần thiết.

Cơ cấu nguồn vốn:

Vốn chủ sở hữu: mặc dù là đơn vị sản xuất với chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng lớn nhưng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn luôn duy trì trên mức 65% từ năm 2015 trở đi. Tỷ trọng này thể hiện lợi nhuận để tái đầu tư của PV GAS lớn và khả năng tự chủ về nguồn vốn để đầu tư của PV GAS cao. Với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh như trên và khả năng tự chủ về tài chính như trên, PV GAS là một doanh nghiệp được các tổ chức tín dụng đánh giá rất cao. Đây là một lợi thế lớn của PV GAS trong việc thu xếp nguồn vốn để tiếp tục thực hiện các dự án lớn trong tương lai.

Tiêu chí	2019	2020	2021	2022
Tổng Nguồn vốn (tỷ đồng)	62,179	63,208	78,768	82,663
Nợ phải trả (tỷ đồng)	12,564	13,709	26,575	21,489
• Nợ ngắn hạn	9,964	9,749	16,561	12,488
• Nợ dài hạn	2,600	3,960	10,014	9,001
Dư nợ vay ngân hàng (tỷ đồng)	2,796	2,981	7,995	6,083
• Vay và nợ dài hạn	1,456	1,964	7,510	6,038
• Vay và nợ ngắn hạn	1,341	1,017	485	45
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	0.20	0.22	0.34	0.26
Vốn Chủ sở hữu /Tổng Nguồn vốn	0.80	0.78	0.66	0.74

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN, VỐN

Khả năng sinh lời

Cơ cấu tài sản	2019	2020	2021	2022
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	75,005	64,135	78,992	100,724
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	15,068	9,978	11,205	18,806
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	12,086	7,972	8,852	15,066
Lợi nhuận trước thuế/Tổng Doanh thu	20%	16%	14%	19%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng Doanh thu	16%	12%	11%	15%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)	19%	13%	12%	19%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE)	25%	16%	17%	27%
EPS (đồng)	6.314	4.165	4.625	7.872
Tỷ lệ cổ tức	43%	35%	30%	30%

Khả năng thanh toán

Cơ cấu tài sản	2019	2020	2021	2022
Hệ số TT hiện hành (lần) = TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	4.20	4.0	3.10	4.5
Hệ số TT nhanh = (Giá trị TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	4.04	3.88	2.91	4.13

Với hệ số khả năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính của PV GAS tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn. Bên cạnh chỉ số về hệ số nợ vay/Vốn CSH, đây cũng là một trong

những chỉ số quan trọng để các tổ chức tín dụng đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp và với chỉ số như trên là một thuận lợi cho PV GAS để thu xếp vốn vay trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Khả năng thanh toán

Cơ cấu tài sản	2019	2020	2021	2022
Vòng quay các khoản phải thu	7.29	6.23	5.82	6.08
Thời gian quay vòng khoản phải thu (ngày)	50.06	58.61	62.75	59.99
Vòng quay hàng tồn kho	32.98	32.58	26.51	21.63
Thời gian quay vòng hàng tồn kho (ngày)	11.07	11.20	13.77	16.88

Các chỉ số về khoản phải thu và hàng tồn kho trong năm 2022 khá ổn định và có cải thiện do PV GAS luôn giám sát và tăng cường công tác quản lý nợ và thu hồi nợ, ban hành quy chế quản lý nợ chặt chẽ, phân tích tuổi nợ, phân loại nợ và lựa chọn khách hàng để hạn chế tối đa nợ xấu.

Vòng quay hàng tồn kho của PV GAS biến động không theo xu hướng nhất định là do đặc thù kinh doanh LPG của PV GAS. Hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS là hoạt động thương mại, trong trường

hợp PV GAS nhập LPG vào thời điểm cuối năm tài chính thì số dư hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm sẽ cao (do PV GAS chưa kịp bán được nhiều LPG), trường hợp PV GAS nhập LPG vào thời điểm trước thời điểm kết thúc năm khoảng 20-30 ngày thì khi đó số dư hàng tồn kho LPG sẽ thấp. Về hoạt động kinh doanh LPG, PV GAS đã lập 1 tổ công tác LPG để thường xuyên theo dõi giá LPG cũng như xác định cung-cầu thị trường theo tháng để đảm bảo việc nhập khẩu và tiêu thụ LPG đạt hiệu quả, không để tình trạng ứ đọng hàng tồn kho.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN

Công việc thực hiện năm 2022 của một số dự án lớn:

- Hoạt động đầu tư xây dựng của PV GAS nhằm mục đích đầu tư phát triển bao gồm phát triển nguồn cung cấp khí từ các mỏ trong nước và nhập khẩu khí từ nước ngoài, phát triển cơ sở hạ tầng, cải tiến kỹ thuật để tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh, tăng cường chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm,...; được phân cấp cho Công ty và các Ban Quản lý dự án thực hiện với đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, chuyên viên,... có năng lực chuyên môn vững vàng, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm kể từ khi PV GAS đầu tư xây dựng công trình khí đầu tiên đến nay.
- Toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng các dự án của PV GAS đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát cũng như hỗ trợ, hướng dẫn từ PVN và các cơ quan quản lý Nhà nước nên luôn đảm bảo chất lượng công trình và đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án.

Năm 2022, Công ty mẹ được giao 21 dự án/đầu việc với giá trị giải ngân trên 4,5 nghìn tỷ đồng, bao gồm 78,1 triệu USD của dự án Đường ống Lô B-Ô môn. PV GAS đã chủ động triển khai nhiều giải pháp quan trọng để bù/giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến tiến độ của các dự án. Cơ bản các dự án bám sát kế hoạch; Tổng giá trị giải ngân Công ty mẹ đạt gần 2,5 nghìn tỷ đồng, bằng 55% kế hoạch; nếu không tính dự án đường ống Lô B - Ô môn, giải ngân đạt 92% so với kế hoạch.

THU GOM KHÍ: XÂY DỰNG CÁC ĐƯỜNG ỐNG MỚI ĐỂ THU GOM KHÍ Ở CÁC MỎ MỚI, BỔ SUNG NGUỒN CUNG KHÍ CHO THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ.

Dự án Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng:

Đầu tư xây dựng đường ống từ chân giàn Sư Tử Trắng kết nối với đường ống Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 2 để thu gom và vận chuyển khí Sư Tử Trắng về bờ nhằm bổ sung nguồn khí thiếu hụt khu vực Đông Nam Bộ, phục vụ cho phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Công việc thực hiện năm 2022:

Tiếp tục phối hợp cùng PVN và các Chủ mỏ về kế hoạch phát triển mỏ Sư Tử Trắng - 2B làm cơ sở cập nhật lại FS.

NHẬP KHẨU LNG: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỂ NHẬP KHẨU, BỔ SUNG NGUỒN CUNG CẤP KHÍ CHO THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ.

Dự án Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải:

Đầu tư kho chứa tại Thị Vải để nhập khẩu LNG cung cấp cho khách hàng tiêu thụ tại khu vực Đông Nam Bộ. Đảm bảo điều hòa nguồn cung cấp khí cho nhu cầu trong nước và giữ gìn nguồn năng lượng không tái tạo cho tương lai đồng thời đa dạng hóa nguồn cung cấp khí đảm bảo nhu cầu năng lượng trong phát triển kinh tế.

Công việc thực hiện năm 2022: Đã hoàn thành thi công cơ khí toàn bộ phần kho, hiện đang thi công cải tạo biên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải, dự kiến hoàn thành vào tháng 4/2023 để xin giấy phép mở cảng.

Dự án đường ống LNG Thị Vải – Phú Mỹ:

Đầu tư đường ống để vận chuyển lượng khí LNG tái hóa từ Kho chứa LNG tại Thị Vải (bao gồm giai đoạn sau khi mở rộng) đến Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ (GDC Phú Mỹ) hiện hữu nhằm đáp ứng tiến độ cấp khí cho các hộ tiêu thụ trong khu vực.

Công việc thực hiện năm 2022: hoàn thành thi công lắp đặt và sẵn sàng Gas-in, chạy thử

Dự án mở rộng, nâng công suất kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm:

Đầu tư mở rộng nâng công suất kho chứa LNG nhằm mục đích tăng khả năng tồn chứa LNG, giúp nâng cao tổng công suất tiêu thụ qua 2 kho LNG lên đến 3 triệu tấn/năm để bù đắp lượng khí thiếu hụt và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng; giúp chủ đầu tư chủ động cấp khí từ nguồn khí nhập khẩu và tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng tại kho cảng Thị Vải hiện hữu.

Công việc thực hiện năm 2022: Hoàn thành FS và trình Bộ Công Thương thẩm định tháng 11/2021. Bộ Công Thương đang thực hiện các thủ tục thẩm định theo quy định.

Dự án kho cảng nhập LNG Sơn Mỹ - Bình Thuận:

Đầu tư kho chứa và cảng xuất tại Sơn Mỹ để nhập khẩu LNG cung cấp cho Trung tâm Điện lực Sơn Mỹ và cung cấp bổ sung cho lượng khí thiếu hụt tại khu vực Đông Nam Bộ.

Công việc thực hiện năm 2022: Triển khai công tác xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án. Song song đang cập nhật lại FS, dự kiến hoàn thành cập nhật FS vào tháng 6/2023.

CÔNG TY MẸ ĐƯỢC GIAO

21
Dự án/ đầu việc
GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN
4,5
Nghìn tỷ đồng



TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CHẾ BIẾN, TÀNG TRỮ KHÍ, SẢN PHẨM

Dự án Tách Ethane tại Dinh Cố:

Phù hợp với chủ trương, định hướng của PVN về tăng cường chế biến sâu nâng cao giá trị nguồn khí nội địa, dự án nhằm tách cấu tử Ethane từ nguồn khí Cửu Long, Nam Côn Sơn và cung cấp cho tổ hợp hóa dầu Long Sơn.

Tăng thu hồi các cấu tử/sản phẩm có giá trị cao như Ethane, LPG, Condensate từ khí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của PV GAS, giúp đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp ra thị trường, đa dạng hóa khách hàng tiêu thụ khí (ngoài điện) và tăng cường tiêu thụ khí nội địa.

Công việc thực hiện năm 2022: hoàn thành báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án để trình Cấp thẩm quyền xem xét.

Dự án bồn chứa LPG Thị Vải:

Cải tạo lại mặt bằng Kho cảng Thị Vải hiện hữu bằng cách chuyển đổi phương thức tồn chứa sản phẩm; nâng cao sức chứa sản phẩm lỏng, sắp xếp, di dời, tái bố trí thiết bị, hệ thống công nghệ để tạo thêm quỹ đất bổ sung vào quỹ đất hiện hữu, phục vụ các dự án tương lai của PV GAS (như dự án Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2, dự án LNG...).

Công việc thực hiện năm 2022: hoàn thành ký kết Hợp đồng EPC và triển khai từ tháng 1/2023.

Dự án kho LPG lạnh, LNG tại Bắc Bộ:

Công việc thực hiện năm 2022: hoàn thành báo cáo đánh giá địa điểm tiềm năng của dự án.



Ngoài ra, trong năm 2022 PV GAS cũng đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu đánh giá phương án tuyến ống để cấp khí cho Nhà máy điện Long An 1, 2; hoàn thành báo cáo đánh giá phương án Nâng công suất đường ống Phú Mỹ - Hồ Chí Minh,...

CHÍNH SÁCH VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Do đặc thù của ngành dầu khí là sản xuất và vận chuyển sản phẩm bằng đường ống nên không có nguyên vật liệu dạng thô mà PV GAS sử dụng Khí tự nhiên làm nguyên liệu sản xuất:

Khí đầu vào: 7,9 tỷ m³ khí.

Khí tự nhiên dùng làm nhiên liệu: 34,266 triệu m³.

Dầu DO: 705,92 tấn.

Hóa chất: 270,04 tấn (Helium, Ethylmercaptan, Hydrogen, hóa chất ức chế ăn mòn đường ống, Nito, dầu nhớt, Hóa chất xử lý nước thải...).

chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Khí khô thương phẩm: 7,7 tỷ m³

Tỉ lệ: 97,16%

Khí là nguồn năng lượng sạch và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu năng lượng sơ cấp của Việt Nam. PV GAS đã và đang vận hành, triển khai nhiều dự án khí với quy mô lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu khí cho các hộ tiêu thụ lớn như các nhà máy điện, nhà máy đạm, các nhà máy công nghiệp tiêu thụ khí thấp áp, đáp ứng các nhu cầu khí cho công nghiệp hóa chất, phân bón, giao thông vận tải và sinh hoạt dân dụng; sẵn sàng kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á phục vụ cho nhu cầu xuất và nhập khẩu khí đốt.

Về hoạt động vận chuyển khí nguyên liệu từ các giàn khai thác ngoài khơi vào bờ, trong năm 2021, tổng sản lượng khí được vận chuyển vào bờ là 7,9 tỷ m³; Về sản phẩm khí khô thương phẩm trong năm 2022, PV GAS đã sản xuất : 7,7 tỷ m³ cho các khách hàng.

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
Điện: 92.22 triệu Kwh.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. Trong công tác sản xuất kinh doanh, PV GAS tập trung chuyển đổi hệ thống năng lượng từ việc sử dụng các máy phát điện diesel sang hệ thống sử dụng khí đồng hành tập trung tại các giàn khai thác trung tâm, máy nén khí, máy phát, nhờ đó đã hạn chế đáng kể phát thải và tiết kiệm chi phí năng lượng.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Với vai trò là nhà cung cấp khí duy nhất cho thị trường Việt Nam, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và sử dụng hiệu quả tài nguyên, PV GAS đã chú trọng xây dựng một hệ thống thu gom khí đồng hành từ hầu hết các mỏ dầu, kết nối với hệ thống khai thác và vận chuyển khí đảm bảo **cung cấp ổn định 8 tỷ m³** hàng năm cho các nhà máy điện, đạm và khí thấp áp cho một số hộ tiêu thụ công nghiệp. Với nhiều sáng kiến hữu ích như cải tiến sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, hằng năm PV GAS đã tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm HÀNG TRĂM TỶ ĐỒNG.



TIÊU THỤ NƯỚC

(mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước cấp: 343 nghìn m³, trong đó bao gồm cả nước phục vụ diễn tập Phòng cháy chữa cháy, tưới cây, sinh hoạt và sản xuất.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng
- Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái chế: 0%
- Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái sử dụng: 0%



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mục đích của tuân thủ yêu cầu pháp luật về Môi trường là điều chỉnh các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp để đảm bảo quá trình hoạt động và sản xuất không gây thương hại đến cộng đồng, và tác động đến môi trường được giảm thiểu.

PV GAS luôn phổ biến các thay đổi về văn bản pháp luật môi trường đến từng đơn vị và hàng năm thực hiện giám sát kiểm tra sự tuân thủ của các đơn vị. Mặt khác PV GAS đã thu thập, thống kê các cơ sở dữ liệu, hồ sơ pháp lý về môi trường. Trong quá trình kiểm tra giám sát thực tế và qua kết quả từ hệ thống cơ sở dữ liệu, tìm ra các điểm chưa phù hợp trong hệ thống văn bản pháp quy với hoạt động đặc thù thực tế của ngành khí, từ đó có văn bản kiến nghị đến các Bộ ngành liên quan để chỉnh sửa cho phù hợp.

Trong năm 2022, PV GAS đã thực thi các quy định về bảo vệ môi trường sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường như lập và phê duyệt cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, giám sát môi trường, quản lý chất thải (đặc biệt chất thải nguy hại), kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu...;
- Các hoạt động liên quan đến tràn dầu và hóa chất đều xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất;
- Việc giám sát môi trường được triển khai theo đúng các yêu cầu pháp luật, cam kết trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường và Hướng dẫn của Tập đoàn dầu khí Việt Nam bao gồm môi trường nước, không khí và trầm tích... Các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn Việt Nam và lưu giữ hồ sơ theo quy định;
- Công tác đăng ký chủ nguồn thải, quản lý chất thải nguy hại (thu gom, vận chuyển, xử lý) và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý đúng theo quy định;
- Tiến hành thanh kiểm tra các đơn vị ít nhất 1 năm/lần, các đơn vị triển khai kiểm tra hàng quý (cấp công ty), hàng tháng (cấp phân xưởng, nhà máy) và hàng ca;
- Ban hành quy trình quản lý môi trường, quy trình phân định trách nhiệm để cụ thể hóa các yêu cầu của pháp luật thành những quy định, hướng dẫn để các Bộ phận/cá nhân triển khai thực hiện;

- Thường xuyên thông báo, cập nhật và đánh giá tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường cũng như các Nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường;
- Mời chuyên gia các Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương tập huấn các quy định mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Tổ chức các hoạt động Hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm sạch thế giới, Giờ trái đất, Ngày đất ngập nước, Ngày đa dạng sinh học...
 - » Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Trong năm 2022 do ảnh hưởng của Dịch covid nên PV GAS không tiếp đoàn thanh kiểm tra nào về Bảo vệ môi trường.
 - » Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.



HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC BCC, PHÁT TRIỂN CÁC CHUỖI

Cùng Tập đoàn/các đơn vị trong và ngoài ngành tích cực nghiên cứu các dự án với hình thức hợp tác đầu tư, liên kết chuỗi như:

- Chuỗi Khí – Điện – Cảng dịch vụ với PV Power, PTSC;
- Hợp tác với PV Chem về cung cấp nhiệt lạnh từ kho LNG Thị Vải;
- Chuỗi khai thác, vận chuyển, tiêu thụ và chế biến sâu khí mỏ Kèn Bầu;
- Hợp tác với PVEP nghiên cứu phát triển nguồn cung, thị trường và hạ tầng tiêu thụ khí nội địa cho khu vực Bắc Bộ;
- Đầu tư dự án tại khu kinh tế Vân Phong – Khánh Hòa, khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn;
- Hợp tác về dịch vụ cung cấp, vận chuyển sản phẩm lỏng tại Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3;...

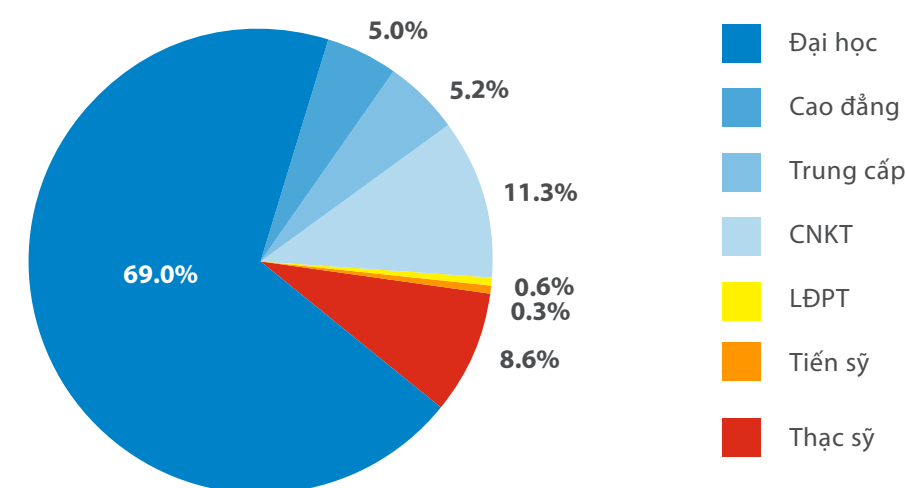
CHÍNH SÁCH VỀ NHÂN SỰ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

SỐ LƯỢNG, TRÌNH ĐỘ CBCNV TRONG NĂM 2022

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số CBCNV tại Công ty mẹ, các chi nhánh và các công ty cổ phần do PV GAS nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối là 2.853 người, trong đó tổng

số CBCNV tại Công ty mẹ và các chi nhánh của PV GAS là 1.399 người được phân chia theo trình độ như biểu đồ đính kèm.

THỐNG KÊ THEO TRÌNH ĐỘ



Về ngành nghề đội ngũ lao động mà PV GAS đang sử dụng rất đa dạng lên đến gần 20 nhóm ngành nghề khác nhau, tập trung nhiều trong các lĩnh vực kỹ thuật (trên 60%). Điều này là do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp khí.

Về giới tính, cũng do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp khí nên gần 80% là nam giới, trong đó tập trung vào các lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, xây dựng công trình khí.

Với tỷ lệ lao động có trình độ cao chiếm tỷ lệ khá cao, trình độ từ Đại học trở lên chiếm 78% tập trung trong nhóm lao động quản lý cấp cao và cấp trung, nhóm chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật. Đây là lợi thế rất lớn của PV GAS trong việc phát triển nguồn nhân lực.

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, trưởng thành qua thực tiễn sản xuất kinh doanh, đáp ứng với sự phát triển và hội nhập, điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhiều năm liền.



CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

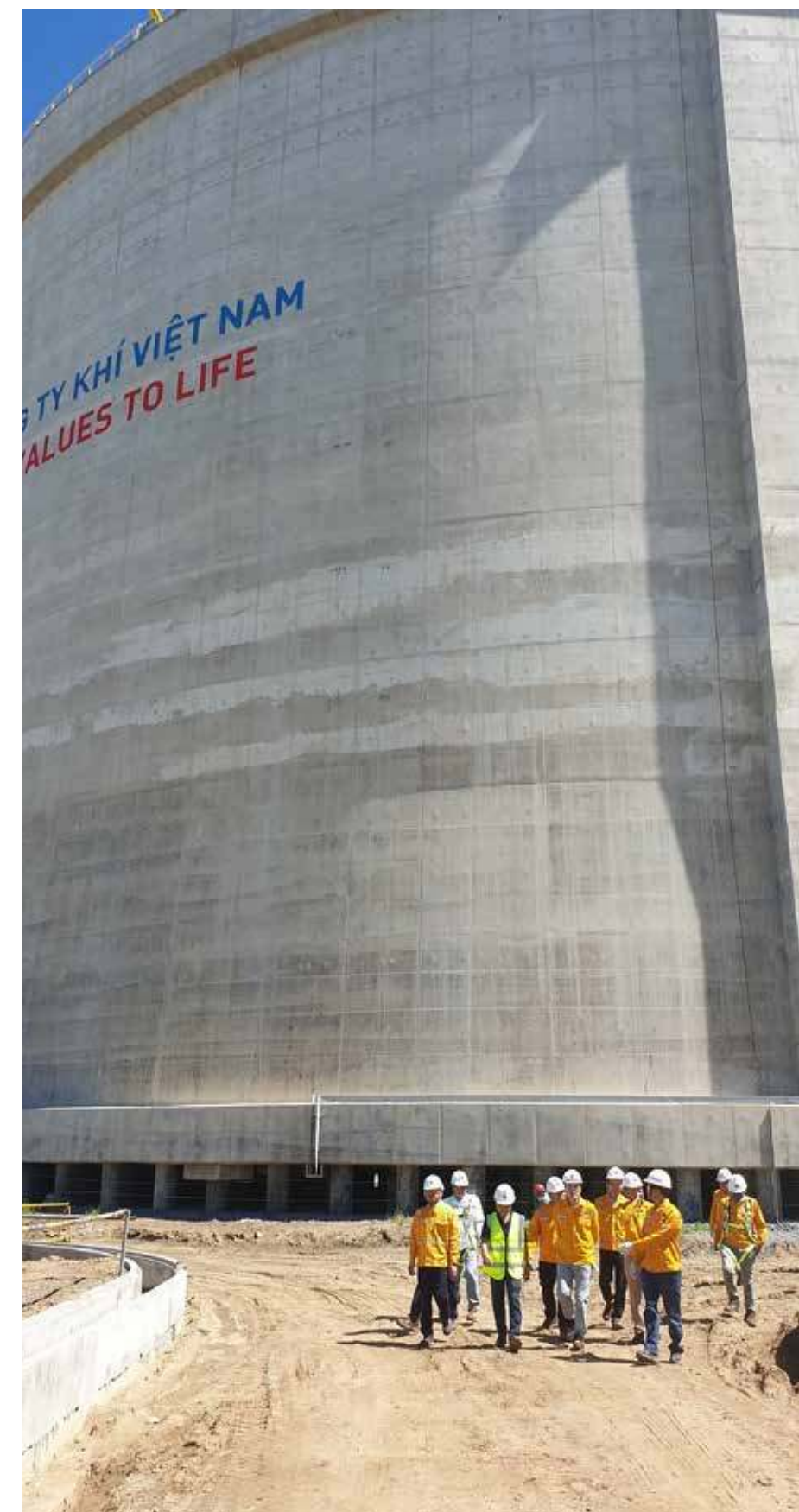
PV GAS xác định công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là giải pháp then chốt để hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và triển khai chiến lược phát triển của PV GAS trong tương lai. Do đó trong năm 2022, công tác đào tạo tại PV GAS luôn được chú trọng, tập trung thực hiện để duy trì và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng thời phát huy tối đa nguồn nhân lực hiện có. Qua đó, giúp PV GAS nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh, tăng khả năng thích ứng với thay đổi trong môi trường kinh doanh và duy trì sự phát triển bền vững. Kết quả thực hiện như sau:

Về công tác đào tạo:

- Thực hiện 433 khóa đào tạo cho 12.859 lượt người (đạt 105% kế hoạch) với tổng chi phí là 38,37 tỷ đồng (đạt 85% kế hoạch).
- Hoàn thành đầy đủ các đào tạo yêu cầu pháp luật, đảm bảo 100% CBCNV đạt chứng chỉ theo quy định.
- Tập trung triển khai các chương trình đào tạo theo lộ trình dài hạn, chuyên sâu và đào tạo chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm khí, phát triển thị trường, chuyển đổi số, an ninh an toàn thông tin.
- Đưa vào sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến – elearning để quản trị tri thức, tiết kiệm chi phí và phù hợp với định hướng chuyển đổi số.

Về xây dựng Hệ thống Quản trị nhân lực:

- Hoàn thành việc rà soát cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, danh mục chức danh công việc, xây dựng bản mô tả công việc tại Cơ quan điều hành và các đơn vị trực thuộc.
- Tiếp tục áp dụng, cải tiến việc đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

PV GAS đã xây dựng và ban hành chính sách nhân viên theo các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và đặc thù của PV GAS với cơ chế trả lương, trả thưởng linh hoạt, có tính cạnh tranh theo cơ chế thị trường nhằm nuôi dưỡng và thu hút nhân tài trong và ngoài nước làm việc lâu dài tại PV GAS, cụ thể như sau:

- PV GAS đảm bảo được việc làm cho người lao động, hầu hết người lao động được bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và khả năng, không có trường hợp nào ngừng việc hoặc mất việc.
- Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định để người lao động yên tâm công tác; Việc trả lương, trả thưởng và các chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân.
- Thường thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; Thưởng vận hành an toàn công trình khí; Thưởng nhân các ngày lễ của quốc gia và sự kiện đặc biệt của Tập đoàn, PV GAS
- Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc;
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; Chế độ bảo hiểm tự nguyện mang tính phúc lợi cao cho người lao động (Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm tai nạn, sinh mạng và phẫu thuật nằm viện)
- Khám và theo dõi sức khỏe định kỳ; Trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của người lao động;
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động.
- Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường. PV GAS có môi trường làm việc chuyên nghiệp, luôn áp dụng công nghệ tiên tiến và trang thiết bị hiện đại.
- Năm 2022 có 65 kiến nghị được người lao động đưa ra tại các buổi đối thoại định kỳ. Tất cả các kiến nghị đều được PV GAS xem xét, xử lý thỏa đáng. Ngoài ra, đã có 332 ý tưởng, giải pháp sáng kiến thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh được đề xuất. Tất cả các ý tưởng, giải pháp đều đã và đang được PV GAS tiếp nhận, đánh giá và hỗ trợ tác giả triển khai áp dụng vào thực tế.



GẮN KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Trong năm 2022, dù gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng bởi quá trình suy thoái kinh tế đang diễn ra trên toàn cầu, Tổng công ty Khí Việt Nam vẫn tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các chương trình ASXH trên khắp cả nước. Qua đó, Tổng công ty mong muốn truyền đi thông điệp lan tỏa yêu thương, sẻ chia với cộng đồng xã hội, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội. Tổng công ty đã hỗ trợ, ủng hộ các chương trình tài trợ ASXH trên khắp các miền tổ quốc, trong đó đặc biệt tài trợ cho các vùng sâu, vùng xa – nơi có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thông qua các chương trình này, PV GAS đã đóng góp một phần cho sự phát triển chung của toàn xã hội, đồng thời đã lan tỏa sự yêu thương, tinh thần gắn kết giữa tập thể cán bộ công nhân viên PV GAS đến những địa phương, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn cần sự giúp đỡ. Cụ thể: Năm 2022, Tổng công ty đã ký các thỏa thuận tài trợ các chương trình ASXH với tổng kinh phí cam kết tài trợ khoảng 120 tỷ đồng.



Trong đó:

- Tài trợ cho lĩnh vực Giáo dục – Trường học: 77,8 tỷ đồng chiếm tỷ trọng khoảng 65% tổng kinh phí tài trợ ASXH
- Tài trợ cho lĩnh vực Y tế - Bệnh viện: 15,4 tỷ đồng chiếm khoảng 13% tổng kinh phí tài trợ
- Tài trợ xây nhà tình nghĩa cho người nghèo: 5,8 tỷ đồng chiếm khoảng 5% tổng kinh phí tài trợ
- Tài trợ các chương trình Đền ơn đáp nghĩa, đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ cho các Quỹ, hội có chức năng huy động tài trợ: 9,6 tỷ đồng chiếm khoảng 8% tổng kinh phí tài trợ
- Tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ nhân đạo: 11,4 tỷ đồng chiếm khoảng 9% tổng kinh phí tài trợ

TRIỂN KHAI VÀ Củng cố VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

(1) Văn hóa Doanh nghiệp PV GAS ngày càng thấm sâu, có sức lan tỏa lớn; Văn hóa Doanh nghiệp và truyền thông gắn kết ngày càng chặt chẽ, hướng tới việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các nhiệm vụ chính trị đề ra/được giao hàng năm của Tổng công ty, với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị và từng bước xây dựng, bồi dưỡng các chuẩn mực: **“Hợp tác - Chuyên nghiệp - Hiệu quả - An toàn - Đổi mới”** ^[1], **“Đoàn kết - Đổi mới - Chuyên nghiệp - Hành động”** ^[2], **“Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả”** ^[3] cho người lao động PV GAS. Nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đoàn thể, của người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo đơn vị, đoàn thể; của cán bộ, đảng viên và đa số người lao động về tầm quan trọng của việc thực hiện Văn hóa Doanh nghiệp PV GAS ngày càng cao.

(2) Tổng công ty đã xây dựng, ban hành Sổ tay “Một số quy định về Văn hóa Doanh nghiệp PV GAS”, trong đó xác định rõ tầm nhìn, sứ mệnh, hệ giá trị cốt lõi, triết lý kinh doanh, các quy ước văn hóa ứng xử tại PV GAS (trong xử lý công việc; ứng xử với bản thân, đồng nghiệp; ứng xử với khách hàng, đối tác; tham gia mạng xã hội) làm cơ sở để người lao động PV GAS nhận thức đúng, thực hiện tốt. Nội dung thực hiện Văn hóa Doanh nghiệp được đưa vào **“Thỏa ước lao động tập thể”**, các nội quy, quy định của đơn vị, có sự cam kết song phương giữa người sử dụng lao động và người lao động về thực hiện Văn hóa Doanh nghiệp tại Hội nghị người lao động.

(3) Công tác tổng hợp, rà soát hoàn thiện các quy chế, quy định trong xử lý, giải quyết công việc thành bộ quy chế quản trị đã và đang triển khai tích cực. Việc thực hiện các giá trị cốt lõi: “Hợp tác - Chuyên nghiệp - Hiệu quả - An toàn - Đổi mới” đạt kết quả cụ thể trong vận hành hệ thống công trình khí.

(4) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu và sử dụng thống nhất, đúng quy định trong toàn Tổng công ty thể hiện qua hệ thống cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, ấn phẩm, sản phẩm..., vừa đáp ứng yêu cầu công việc, vừa mang dấu ấn Văn hóa Doanh nghiệp PV GAS.

(5) Từng bước chỉnh trang, sắp xếp vị trí làm việc của cán bộ, công nhân viên, người lao động đảm bảo thân thiện, hiện đại, khoa học. Áp dụng, thực hiện mô hình 5S tại văn phòng, nhà máy, công trình khí; đổi mới hình ảnh, không gian làm việc, tạo nét riêng biệt của từng bộ phận...

(6) Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo cho cán bộ, công nhân viên theo mô hình phát triển năng lực chuyên môn, năng lực văn hóa, năng lực lãnh đạo, các kỹ năng bổ trợ phù hợp với yêu cầu của đơn vị. Xây dựng văn hóa học tập, hướng đến một tổ chức học tập bằng cách thúc đẩy tinh thần tự học, tự đào tạo, tăng cường đào tạo nội bộ.

(7) Văn hóa chia sẻ, uống nước nhớ nguồn trở thành nét đẹp của Người lao động PV GAS, có sức lan tỏa lớn, được sự biểu dương, ghi nhận, đánh giá cao của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương.

(8) Phát huy hiệu quả vai trò của các tổ chức CT-XH trong tuyên truyền và thực hiện Văn hóa Doanh nghiệp; trong tổ chức các hoạt động tập thể nhằm gắn kết, chia sẻ giữa cán bộ, công nhân viên.

(9) Thực hiện khách quan, dân chủ, kịp thời, đúng đối tượng việc khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; nghiêm khắc phê bình, xử phạt các tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt Văn hóa Doanh nghiệp PV GAS.

(10) Hằng năm, vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập PV GAS hằng năm, Tổng công ty tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu văn hóa PV GAS” với sự tham gia của gần 100% CBCNV.

^[1] Sổ tay một số quy định về Văn hóa Doanh nghiệp PV GAS;

^[2] Phương châm Đại hội Đảng bộ PV GAS nhiệm kỳ 2020 – 2025;

^[3] Chuyên đề thực hiện phương châm hành động theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy PVN;



BÁO CÁO QUẢN TRỊ NĂM 2022

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	24/NQ-KVN	15/4/2022	Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PV GAS Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PV GAS

NHÂN SỰ VÀ SỞ HỮU CỔ PHẦN

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Dương Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	35,76%
2	Ông Hoàng Văn Quang	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	30,00%
3	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT	10,00%
4	Ông Triệu Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	10,00%
5	Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	10,00%
6	Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên độc lập HĐQT	
TỔNG CỘNG			95.762%

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Dương Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	24/9/2021		7/7	100%
2	Ông Hoàng Văn Quang	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	24/9/2021		7/7	100%
3	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT	20/10/2015		7/7	100%
4	Ông Triệu Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	16/4/2021		7/7	100%
5	Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	16/4/2021		7/7	100%
6	Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên độc lập HĐQT	27/4/2018		7/7	100%



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI
VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành PV GAS thông qua các hoạt động sau:

- Thường xuyên tổ chức, chủ trì, đồng chủ trì, tham gia các cuộc họp của HĐQT, của Ban Tổng giám đốc để chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện, xem xét các giải pháp, kiểm tra, giám sát,... các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự, tái cơ cấu/tái cấu trúc,... trong toàn PV GAS.
- Phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình giám sát năm 2022 của HĐQT.
- Phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2022.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát nội bộ, Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ và các Đoàn kiểm tra, giám sát khác về hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn PV GAS.
- Trao đổi, thảo luận với Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC
TIỂU BAN THUỘC HĐQT

- Căn cứ quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ PV GAS và Quy chế nội bộ về quản trị của PV GAS, việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm hiện tại, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
- Ban Kiểm soát nội bộ (do HĐQT quyết định thành lập) giúp việc cho HĐQT trong quản trị, quản lý và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS; hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ (do HĐQT quyết định thành lập) giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm toán nội bộ.
- Ngoài ra, HĐQT còn phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong toàn PV GAS.

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

(liên quan đến các vấn đề phải công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	11/NQ-KVN	25/01/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Hợp đồng dịch vụ thu gom, tiếp nhận và nén khí bể Cừu Long về bờ giai đoạn 2021 – 2023 giữa PVN, PV GAS và VSP	100%
2	16/NQ-KVN	14/02/2022	Thông qua chủ trương tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
3	17/NQ-KVN	14/02/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS và PVFCCo	100%
4	24/NQ-KVN	15/4/2022	Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PV GAS.	100%
5	36/NQ-KVN	20/05/2022	Thông qua các nội dung chính của Thư thỏa thuận cơ chế phát hóa đơn và thanh toán tạm cho khối lượng khí năm 2022 theo GSPA Lô 06.1	100%
6	38/NQ-KVN	24/5/2022	Thỏa thuận về việc tạm thanh toán tiền mua bán khí bể Cừu Long	100%
7	42/NQ-KVN	08/6/2022	Chi trả cổ tức năm 2021	100%
8	51/NQ-KVN	04/8/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Bổ Sung số 20 GSA NT1 về việc xác định lượng Khí Trả Trước năm 2021 và điều chỉnh cam kết cấp khí từ ngày 01/01/2022 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	100%
9	57/NQ-KVN	23/9/2022	Chấp thuận các nội dung chính Hợp đồng mua bán khí bể Cừu Long giai đoạn 2021 – 2023 giữa PVN và PV GAS	100%
10	1616/QĐ-KVN	16/12/2022	Bổ nhiệm có thời hạn ông Trần Nhật Huy – Giám đốc Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	100%
11	1664/QĐ-KVN	20/12/2022	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần – Ban Quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ	100%
12	1696/QĐ-KVN	23/12/2022	Ông Nguyễn Thanh Nghị thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công Ty Cổ Phần	100%

(Chi tiết như tại công văn số 120/KVN-HĐQT ngày 30/01/2023 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2022 đã được công bố thông tin).



GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA
CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI
NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	11/NQ-KVN	25/01/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Hợp đồng dịch vụ thu gom, tiếp nhận và nén khí bể Cừu Long về bờ giai đoạn 2021 – 2023 giữa PVN, PV GAS và VSP
2	17/NQ-KVN	14/02/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS và PVFCCo
3	36/NQ-KVN	20/05/2022	Thông qua các nội dung chính của Thư thỏa thuận cơ chế phát hóa đơn và thanh toán tạm cho khối lượng khí năm 2022 theo GSPA Lô 06.1
4	38/NQ-KVN	24/05/2022	Thỏa thuận về việc tạm thanh toán tiền mua bán khí bể Cừu Long giữa PVN và PV GAS
5	51/NQ-KVN	04/08/2022	Chấp thuận các nội dung chính của Bổ Sung số 20 GSA NT1 về việc xác định lượng Khí Trả Trước năm 2021 và điều chỉnh cam kết cấp khí từ ngày 01/01/2022 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 giữa PV GAS với PV Power)
6	57/NQ-KVN	23/09/2022	Chấp thuận các nội dung chính Hợp đồng mua bán khí bể Cừu Long giai đoạn 2021 – 2023 giữa PVN và PV GAS
7	67/NQ-KVN	30/11/2022	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung Số 2 Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS

Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không phát sinh giao dịch trong năm 2022.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ: Không phát sinh giao dịch trong năm 2022.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Đến thời điểm 31/12/2022, Tổng số cổ phần PV GAS đang lưu hành là 1.913.950.000 cổ phần, trong đó, số cổ phần (CP) hạn chế chuyển nhượng là 50.000 CP
Cơ cấu cổ đông (chốt tại thời điểm 31/12/2022):

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	1.832.835.900	95,76%	1	1	
2	Công đoàn Công ty	80.000	0%	1	1	
	Cổ đông khác:	81.034.100	4,2%	7.204	185	7.019
3	• Trong nước	25.217.062	1,3%	6.418	76	6.342
	• Nước ngoài	55.817.038	2,9%	786	109	677
	TỔNG CỘNG	1.913.950.000	100%	7.206	187	7.019



Trong năm 2022 PV GAS không phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ.
Cổ phiếu quỹ: Hiện tại PV GAS không còn nắm giữ cổ phiếu quỹ.

Sở hữu của các thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (31/12/2022)	% tổng số CP (31/12/2022)
Hội đồng quản trị				
1	Ông Dương Mạnh Sơn Đại diện phần vốn PVN	Chủ tịch HĐQT	0 684.465.900	0 35,76
2	Ông Hoàng Văn Quang Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	11.450 574.185.000	0,00 30,00
3	Ông Trương Hồng Sơn Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	0 191.395.000	0,00 10,00
4	Bà Võ Thị Thanh Ngọc Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	2.000 191.395.000	0,00 10,00
5	Ông Triệu Quốc Tuấn Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	0 191.395.000	0,00 10,00
6	Ông Đỗ Đông Nguyên Đại diện phần vốn PVN	Thành viên độc lập HĐQT	0 0	0,00 0,00
Ban Kiểm soát				
1	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Trưởng BKS	0	0,00
2	Ông Nguyễn Công Minh	Kiểm soát viên	0	0,00
3	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Kiểm soát viên	0	0,00
Ban Tổng giám đốc				
1	Ông Hoàng Văn Quang	Thành viên HĐQT,		Như trên
2	Ông Huỳnh Quang Hải	Phó Tổng giám đốc	0	0,00
3	Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng giám đốc	0	0,00
4	Ông Phạm Văn Phong	Phó Tổng giám đốc	0	0,00
5	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	0	0,00
6	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng giám đốc	0	0,00
7	Ông Trần Nhật Huy	Phó Tổng giám đốc	1000	0,00005
Kế toán trưởng				
1	Ông Nguyễn Công Luận	Kế toán trưởng	10	0,00
Người được ủy quyền CBTT				
1	Ông Phạm Đăng Nam	Phó TGD		Như trên

Chi trả, tạm ứng cổ tức trong năm 2022

Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt

- Ngày đăng ký cuối cùng: 05/07/2022
- Tỷ lệ thực hiện: 30%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận cổ tức 3.000 đồng)
- Ngày thanh toán: 03/10/2022

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ THÀNH VIÊN:
GIỚI THIỆU THÔNG TIN VÀ KQKD 2022

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC PV GAS
(CHI NHÁNH)

NHÓM SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ

CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ
ĐÔNG NAM BỘ

Địa chỉ: 101 Lê Lợi,
Phường Thắng Nhì,
Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 0254 3834174
Fax: 0254 3834171
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: Vận chuyển và phân phối khí từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn 1 và Nam Côn Sơn 2, cung cấp cho các khách hàng khách hàng điện, đạm, công nghiệp và khách hàng khác tại khu vực Đông Nam Bộ.

Thế mạnh: Lực lượng lao động với kinh nghiệm vận hành công trình khí lâu năm nhất tại PV GAS; quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Cửu Long đến Bà Rịa – Phú Mỹ - Nhơn Trạch – Hiệp Phước trên 370km và Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ hiện đại và lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Hoạt động chính năm 2022: Phân phối an toàn, hiệu quả 6.344 triệu m³ khí khô cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp.

CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

Địa chỉ: Xã Khánh An,
huyện U Minh,
tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 0290 3591343
Fax: 0290 3591315
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: Vận chuyển khí từ mỏ PM3 thuộc bể Malay – Thổ Chu đến các khách hàng khách hàng điện, đạm tại khu vực Tây Nam Bộ.

Thế mạnh: Lực lượng lao động trẻ về tuổi đời nhưng đầy sáng tạo, nhiệt huyết và quyết tâm trong công việc và trong học tập để vận hành an toàn và hiệu quả hệ thống đường ống dẫn khí với công suất 6,2 triệu m³ khí/ngày đêm.

Hoạt động chính năm 2022: Vận chuyển an toàn, hiệu quả 1.311 triệu m³ khí về bờ.

CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN

Địa chỉ: Tầng 7 tòa nhà PV
GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu
Thọ, xã Phước Kiển,
huyện Nhà Bè, Tp. HCM
Điện thoại: 028 37840111
Fax: 08 37840345
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: Vận chuyển khí từ bể Nam Côn Sơn về Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ.

Thế mạnh: Được tổ chức trên cơ sở một Hợp doanh với các công ty Dầu khí hàng đầu thế giới với phương thức quản trị tiên tiến; quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí có công suất vận chuyển lớn nhất Việt Nam hiện nay, 22 triệu m³ khí/ngày đêm.

Hoạt động chính năm 2022: Vận chuyển an toàn, hiệu quả 3.573 triệu m³ khí về bờ; liên tục nhiều năm liền hệ thống khí đạt độ tin cậy, sẵn sàng 100%.

CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU

Địa chỉ: 101 Lê Lợi,
Phường Thắng Nhì
Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 0254 3833622
Fax: 0254 3838257
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: Sản xuất, tàng trữ, phân phối khí và các sản phẩm khí.

Thế mạnh: Quản lý và vận hành Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và hệ thống kho chứa, cảng xuất nhập LPG, Condensate trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam, chiếm trên 50% tổng công suất kho chứa LPG trên cả nước; không chỉ giúp gia tăng giá trị sản phẩm khí, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận cho PV GAS, mà còn phối hợp nhịp nhàng với Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí chiếm lĩnh thị phần chi phối tại thị trường LPG Việt Nam.

Hoạt động chính năm 2022: Tiếp nhận và xử lý 1.062 triệu m³ khí ẩm bể Cửu Long, sản xuất 923 triệu m³ khí khô, 360,2 nghìn tấn LPG, 101,5 nghìn tấn Condensate, vận chuyển 32,6 nghìn tấn Condensate Nam Côn Sơn và Hải Thạch - Mộc Tinh và đáp ứng 100% nhu cầu hợp lý của khách hàng sử dụng các dịch vụ Kho cảng Thị Vải.

CÔNG TY DỊCH VỤ KHÍ

Địa chỉ: 101 Lê Lợi,
Phường Thắng Nhì,
Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 0254 3586381
Fax: 0254 3563180
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: Bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất và kiểm định, hiệu chuẩn kịp thời, có chất lượng, góp phần đảm bảo các hệ thống khí của PV GAS hoạt động ổn định.

Thế mạnh: Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu, thông thạo công tác bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm định, hiệu chuẩn các công trình khí của PV GAS.

Hoạt động chính năm 2022: Hoàn thành công tác bảo dưỡng, sửa chữa đột dừng khí tháng 5, 8, 9/2022 với thời gian được rút ngắn so với kế hoạch. Đối với hệ thống khí Hàm Rồng – Thái Bình trước tiến độ 12 giờ 50 phút, hệ thống khí PM3 – Cà Mau trước tiến độ 36 giờ, hệ thống khí Cửu Long và NCS2 tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố trước tiến độ 24 giờ 15 phút và các trạm khí KĐN trước tiến độ 5 giờ.



CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM
Điện thoại: 028 37840220
Fax: 028 37840215
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh, xuất nhập khẩu LPG tại thị trường Việt Nam và thế giới.

Thế mạnh: Hệ thống kho cảng rộng khắp cả nước (kho LPG Thị Vải 71.260 tấn, kho LPG Gò Dầu 4.000 tấn, kho LPG Dung Quất 2.000 tấn, kho LPG Hải Phòng 1.500 tấn); nguồn hàng đa dạng (Dinh Cố, Dung Quất, Trung Đông và các nước trong khu vực); có hợp đồng mua bán LPG với hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh LPG lớn tại thị trường các miền Bắc, Trung, Nam; uy tín của thương hiệu PV GAS; đội ngũ nhân viên am hiểu thị trường LPG Việt Nam.

Hoạt động chính năm 2022: Kinh doanh 2.002,9 nghìn tấn LPG tại thị trường Việt Nam và thế giới; chiếm lĩnh gần 70% thị phần LPG tại thị trường Việt Nam.

CHI NHÁNH KHÍ HẢI PHÒNG – TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Catbi Plaza, số 1, đường Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 0225 397 9866
Fax: 225 9885

Chức năng, nhiệm vụ: Phân phối và kinh doanh khí khô, LPG và condensate.

Hoạt động chính năm 2022: Phân phối 128 triệu m³ khí khô cho khách hàng công nghiệp.

CHI NHÁNH KINH DOANH LNG – TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.

Chức năng, nhiệm vụ: Phân phối và kinh doanh LNG và condensate.

Hoạt động chính năm 2022: Phân phối 4,4 ngàn tấn condensate, thực hiện công tác chuẩn bị kinh doanh, tiêu thụ LNG (chuẩn bị nguồn nhập khẩu LNG, chuẩn bị thị trường tiêu thụ khí LNG/khí tái hóa).

NHÓM QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TY QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM
Điện thoại: 028 37840181
Fax: 028 37840180
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: Chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án khí quan trọng của PV GAS.

Thế mạnh: Lực lượng lao động với kinh nghiệm quản lý và thực hiện công tác đầu tư xây dựng lâu năm nhất tại PV GAS



CÔNG TY THÀNH VIÊN

Sự phối hợp nhịp nhàng, hoạt động hiệu quả các công ty thành viên không chỉ hỗ trợ và nối dài dây chuyền sản xuất kinh doanh khí của PV GAS mà còn bảo toàn và phát huy nguồn vốn đầu tư tài chính của PV GAS.

CÔNG TY CP KINH DOANH LPG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG), kinh doanh khí thiên nhiên nén (CNG).
Điện thoại: 024 39445555	Thế mạnh: Trong nhóm đứng đầu thị trường LPG dân dụng tại miền Bắc; sở hữu hệ thống kho chứa, trạm chiết nạp, mạng lưới phân phối LPG rộng khắp cả nước
Fax: 024 39445333	
Website: www.pvgasn.vn	
	Vốn điều lệ (tỷ đồng) 365,0
	PV GAS nắm giữ (%) 51,0
	Doanh thu (tỷ đồng) 4.601,4
	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) 16,3
	Tỷ suất LNST/VĐL (%) 4,5
	Hoạt động chính năm 2022: Sản xuất và kinh doanh 210 nghìn tấn LPG

CÔNG TY CP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM – PV GAS D

Địa chỉ: Tầng 7 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.	Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống.
Điện thoại: 028 37840445	Thế mạnh: Vận hành và cung cấp khí thấp áp bằng đường ống cho khách hàng tại các KCN Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Gò Dầu, Nhơn Trạch, Hiệp Phước và tiếp tục mở rộng.
Fax: 028 37840446	
Website: www.pvgasd.com.vn	
	Vốn điều lệ (tỷ đồng) 900,0
	PV GAS nắm giữ (%) 50,5
	Doanh thu (tỷ đồng) 11.274,4
	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) 412,7
	Tỷ suất LNST/VĐL (%) 45,8
	Hoạt động chính năm 2022: Cung cấp 1.057,5 triệu m ³ khí.

CÔNG TY CP BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM – PV COATING

Địa chỉ: Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Ngành nghề kinh doanh chính: Bọc ống cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí.
Điện thoại: 0254 3924456	Thế mạnh: Công ty duy nhất tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực bọc ống với các loại hình bọc bê tông gia trọng, bọc chống ăn mòn 3 lớp, bọc cách nhiệt, bọc bend, bọc mối nối,... cho loại ống có đường kính từ 6 đến 48”.
Fax: 0254 3924455	
Website: www.pvcoating.vn	
	Vốn điều lệ (tỷ đồng) 216,0
	PV GAS nắm giữ (%) 52,9
	Doanh thu (tỷ đồng) 34,4
	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) -11,0
	Tỷ suất LNST/VĐL (%) -
	Hoạt động chính năm 2022: Thực hiện các hợp đồng nhỏ (dự án, dịch vụ trong và ngoài ngành), không có dự án lớn để triển khai.

CÔNG TY CP SẢN XUẤT ỐNG THÉP DẦU KHÍ – PV PIPE

Địa chỉ: Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất ống thép cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí.
Điện thoại: 028 37840196	Thế mạnh: Sở hữu nhà máy có quy mô lớn và hiện đại đầu tiên tại Việt Nam, sản xuất ống thép hàn thẳng trên dây chuyền công nghệ 3 - Roll Bending đạt tiêu chuẩn API 5L và 2B phiên bản mới nhất.
Fax: 028 37840198	
Website: www.pvpipe.vn	
	Vốn điều lệ (tỷ đồng) 1.838,5
	PV GAS nắm giữ (%) 99,9
	Doanh thu (tỷ đồng) 51,5
	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) -133,0
	Tỷ suất LNST/VĐL (%) -
	Hoạt động chính năm 2022: Thực hiện các hợp đồng nhỏ (dự án, dịch vụ trong và ngoài ngành); không có dự án lớn để triển khai.

CÔNG TY CP CNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 475 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh và vận chuyển CNG.
Điện thoại: 0254 3574635	Thế mạnh: Công ty hàng đầu tại Việt Nam chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.
Fax: 0254 3574619	
Website: www.cng-vietnam.com	
	Vốn điều lệ (tỷ đồng) 270,0
	PV GAS nắm giữ (%) 56,0
	Doanh thu (tỷ đồng) 4.185,6
	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) 126,8
	Tỷ suất LNST/VĐL (%) 46,9
	Hoạt động chính năm 2022: Cung cấp 314,8 triệu m ³ CNG.



CÔNG TY CP KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM – GAS SOUTH

Địa chỉ: Lầu 4 PetroVietnam Tower, 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: 028 39100108
Fax: 028 39100165

Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG); sản xuất, kinh doanh khí thiên nhiên nén (CNG).
Thế mạnh: Sở hữu hệ thống kho chứa, trạm chiết nạp, mạng lưới phân phối LPG rộng khắp cả nước; sản xuất và cung cấp CNG cho phương tiện giao thông vận tải và khách hàng công nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.
Vốn điều lệ (tỷ đồng) 500,0
PV GAS nắm giữ (%) 35,3
Doanh thu (tỷ đồng) 7.076,3
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) 99,3
Tỷ suất LNST/ VDL (%) 19,9
Hoạt động chính năm 2022: Sản xuất và kinh doanh trên 215.000 tấn LPG, 106,4 triệu m³ CNG

CÔNG TY TNHH KHÍ NHIÊN LIỆU GIAO THÔNG VẬN TẢI PVGAZPROM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM
Điện thoại: 028 37816000
Fax: 028 37816960

Ngành nghề kinh doanh chính: Ngành nghề kinh doanh chính: Phân phối khí nhiên liệu động cơ cho các phương tiện giao thông vận tải tại Việt Nam.
Vốn điều lệ (tỷ đồng) 200,0
PV GAS nắm giữ (%) 29,0
Hoạt động chính năm 2022: Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn và kế hoạch, phương án triển khai thực hiện cho năm 2022-2023; đánh giá lại phương án đầu tư dự án Pilot và đầu tư mua sắm trailer (trạm nạp LNG di động), thương thảo/làm rõ công thức giá mua khí LNG để làm cơ sở đưa vào tính toán hiệu quả kinh tế trình các Bên góp vốn xem xét phê duyệt phương án kinh doanh của PVGAZPROM; tiếp xúc, tìm hiểu các khách hàng mua khí tiềm năng; xây dựng phương án kinh doanh từ các nguồn LNG nhập khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LNG VIỆT NAM: gần như không hoạt động, chờ thực hiện thủ tục giải thể.
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM: triển khai PA thoái toàn bộ vốn góp của PV GAS tại Công ty cổ phần kinh doanh khí Miền Nam. Công ty trách nhiệm hữu hạn kho cảng
LNG SƠN MỸ: đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư.





03

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH SXKD 2023



MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Tái cấu trúc, tiết giảm chi phí, đảm bảo vận hành an toàn, nâng cao năng lực quản trị,...)

Mục tiêu phát triển PV GAS:

Xây dựng, phát triển PV GAS - đơn vị chủ lực trong lĩnh vực công nghiệp Khí giữ vai trò nòng cốt, dẫn dắt thị trường Khí của Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Phần đầu:

- Tăng trưởng doanh thu trung bình đạt 7 - 9%/năm.
- Thị phần trong nước: chiếm 100% khí khô; trên 50% LNG; trên 70% LPG.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt trên 20%/năm.

Sứ mệnh của PV GAS:

"Mang nguồn năng lượng sạch từ thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế xã hội và mang lại lợi ích thiết thực cho đất nước, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng xã hội."



Nguyên tắc:

Phát triển PV GAS trên nguyên tắc không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ số, đảm bảo công khai minh bạch và hài hòa lợi ích của các cổ đông, của Nhà nước và người lao động.

Mô hình quản trị PV GAS: **gồm 02 trụ:**

- **Trụ thứ nhất:** Phát huy những thành tựu mà PV GAS đã đạt được trong hơn 30 năm qua. Tham gia xây dựng, phát triển tất cả các khâu của chuỗi giá trị khí/LNG/sản phẩm khí ở trong nước; từng bước vươn ra quốc tế nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của PV GAS. Giữ vị trí là doanh nghiệp hàng đầu trong đầu tư và nhập khẩu khí, LNG cho sản xuất điện và các hộ tiêu thụ khác. Các sản phẩm truyền thống bao gồm khí cho điện, đạm, khí thấp áp, LPG, condensate, CNG.
- **Trụ thứ hai:** Đa dạng hóa sản phẩm; Tham gia sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cuối để nâng cao giá trị sản phẩm để thích ứng nhanh với thị trường.
 - » Tập trung chế biến/chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm khí nhằm gia tăng giá trị, sản lượng khí và sản phẩm khí.
 - » Nghiên cứu, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, chuyển dịch năng lượng, khí công nghiệp.

Tham gia đầu tư vào các nhà máy điện khí/LNG trên cơ sở phát huy tiềm năng thế mạnh của chuỗi giá trị khí điện, đảm bảo nâng cao tính cạnh tranh của đầu ra cuối cùng là điện.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHÍNH

1 Thực hiện các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam làm cơ sở phát triển bền vững.

2 Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh, an toàn các công trình khí hiện hữu, công trình/dự án mới đưa vào vận hành. Tiêu thụ, cung cấp khí và các sản phẩm khí tối đa cho khách hàng.

3 Đảm bảo hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng trưởng doanh thu; Trên cơ sở đánh giá, phân tích thị trường, đẩy mạnh mở rộng thị trường (xem xét mở rộng văn phòng tại Hà Nội đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển thị trường khí trong thời gian tới); tập trung phát triển thị trường tiêu thụ khí ngoài điện để nâng cao hiệu quả SXKD; song song với đó tập trung công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm.

4 Đàm phán, ký kết/quản lý/khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán vận chuyển khí. Chủ động/phối hợp xây dựng trình duyệt các cơ chế, chính sách cước phí, giá khí, tiêu chuẩn/quy chuẩn,...và chuẩn bị thị trường tiêu thụ LNG. Nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới trong, ngoài nước.

5 Tập trung kiểm soát tiến độ, thu xếp, bố trí đủ vốn theo tiến độ giải ngân của Dự án, đảm bảo đưa các Dự án/chuỗi dự án vào vận hành đúng tiến độ phát huy hiệu quả đầu tư. Thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành theo đúng quy định. Triển khai và hiện thực hóa chuỗi liên kết giá trị đã ký kết. Nghiên cứu/triển khai đầu tư chế biến sâu, đa dạng

hóa sản phẩm SXKD đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu các phương án cấp khí tại miền Bắc, miền Tây và Đông Nam Bộ...Tham gia đầu tư thương mại nguồn khí có điều kiện và đảm bảo hiệu quả.

6 Thường xuyên phân tích dự báo các biến động địa kinh tế - chính trị để xây dựng các giải pháp linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hiệu quả trong điều hành; Tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng, chống và ứng phó tác động của dịch bệnh Covid-19 đảm bảo an toàn hoạt động SXKD cũng như sức khỏe người lao động; Không ngừng nâng cao năng suất lao động, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

7 Thực hiện công tác tái cấu trúc theo Nghị quyết 6694/NQ-DKVN ngày 19/11/2021 của Hội đồng thành viên PVN; Rà soát, sắp xếp nhân sự hiệu quả, phù hợp với hoạt động SXKD của PV GAS.

8 Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước, PVN và tình hình thực tiễn tại đơn vị. Bám sát các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện thủ tục tăng vốn điều lệ theo quy định. Nâng cao công tác quản trị; Quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn tài chính; tăng cường tiết kiệm, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, thu hồi công nợ.

9 Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ CNTT và xây dựng hệ thống ERP, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của PVN.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2023

Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
Sản lượng		
Nguồn khí đầu vào	Tỷ m³	7,9
Khí khô sản xuất và tiêu thụ	Tỷ m³	7,7
LPG sản xuất và kinh doanh	103 Tấn	1.760
Condensate sản xuất và cung cấp	103 Tấn	84
Kế hoạch tài chính toàn PV GAS (Hợp nhất)		
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	76.441
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8.171
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6.539
Nộp NSNN	Tỷ đồng	3.912
Kế hoạch Công ty mẹ		
Kế hoạch tài chính		
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	75.151
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7.993
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6.395
Nộp NSNN	Tỷ đồng	3.838
Kế hoạch Vốn đầu tư		
Tổng Vốn đầu tư	Tỷ đồng	2.076
Trong đó:	Tỷ đồng	1.936
• Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	140
• Mua sắm TTB	Tỷ đồng	-
• Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	-
Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	2.578
• Trong đó:	Tỷ đồng	2.131
• Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	447
• Vốn vay + khác	Tỷ đồng	447

04

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Thông tin về doanh nghiệp

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

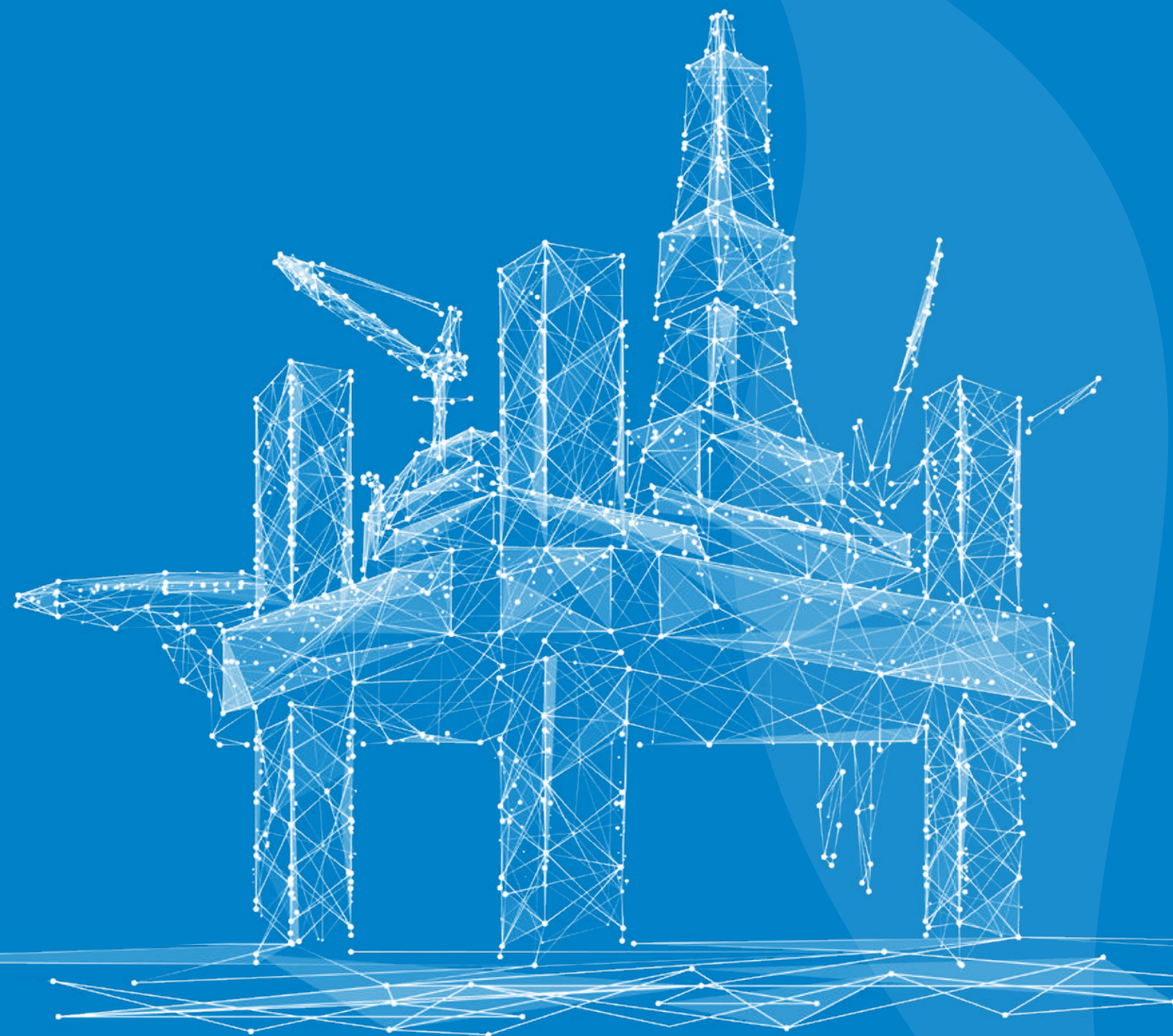
Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
(Mẫu số B 01 – DN/HN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
(Mẫu số B 02 – DN/HN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
(Mẫu số B 03 – DN/HN)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
(Mẫu số B 09 – DN/HN)



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3500102710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 17 ngày 13 tháng 10 năm 2021.	
Hội đồng Quản trị		
	Ông Dương Mạnh Sơn	Chủ tịch
	Ông Hoàng Văn Quang	Thành viên
	Ông Triệu Quốc Tuấn	Thành viên
	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên
	Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên
	Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên
Ban kiểm soát		
	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Công Minh	Kiểm soát viên
	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Kiểm soát viên
Ban Tổng Giám đốc		
	Ông Hoàng Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Huỳnh Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Nhật Huy	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 12 năm 2022)
	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2023)
Người đại diện theo pháp luật		
	Ông Hoàng Văn Quang	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính		
	Tòa nhà PV Gas Tower, Số 673 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.	
Công ty kiểm toán		
	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỐI VỚI BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và các công ty con (“Tổng Công ty”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất này. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 64. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Hoàng Văn Quang
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và các công ty con (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính hợp nhất kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 64.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA
KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được chọn lựa dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Cheng

Mai Viết Hùng Trần

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Cheng Kiến Hùng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5038-2019-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12932
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	Tài sản	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		55.651.707.958.020	51.394.724.017.298
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.549.337.638.537	5.300.330.735.432
111	Tiền		1.318.137.638.537	1.395.849.592.442
112	Các khoản tương đương tiền		9.231.200.000.000	3.904.481.142.990
120	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		23.726.498.790.237	24.799.825.654.952
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	23.726.498.790.237	24.799.825.654.952
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		16.191.131.770.955	16.920.192.497.611
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.210.085.888.347	10.598.392.744.659
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6(a)	223.750.541.755	413.405.237.823
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	7.492.404.206.264	6.600.033.423.287
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(737.052.792.533)	(691.638.908.158)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		1.943.927.122	-
140	Hàng tồn kho	9	4.102.441.805.643	3.241.216.225.272
141	Hàng tồn kho		4.185.337.349.642	3.324.677.623.426
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(82.895.543.999)	(83.461.398.154)
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.082.297.952.648	1.133.158.904.031
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	83.670.910.085	70.496.425.796
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(a)	949.414.975.835	1.011.375.951.717
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14(b)	49.212.066.728	51.286.526.518

Tại ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	Tài sản (tiếp theo)	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		27.010.944.408.343	27.373.350.671.266
210	Các khoản phải thu dài hạn		168.689.074.161	187.718.539.786
212	Trả trước cho người bán dài hạn	6(b)	76.326.529.951	70.338.402.093
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	92.362.544.210	117.380.137.693
220	Tài sản cố định		16.369.664.841.026	18.098.268.868.761
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	15.975.936.459.471	17.688.043.268.312
222	Nguyên giá		57.307.438.058.633	56.069.459.929.388
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.331.501.599.162)	(38.381.416.661.076)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	393.728.381.555	410.225.600.449
228	Nguyên giá		620.148.444.002	588.231.701.729
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(226.420.062.447)	(178.006.101.280)
230	Bất động sản đầu tư		36.267.205.787	21.934.563.658
231	Nguyên giá		42.051.001.624	26.427.782.233
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.783.795.837)	(4.493.218.575)
240	Tài sản dở dang dài hạn		5.978.103.870.212	4.871.054.316.564
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	5.978.103.870.212	4.871.054.316.564
250	Đầu tư tài chính dài hạn		405.533.457.500	400.162.192.660
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	395.533.457.500	390.162.192.660
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	35.000.000.000	35.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
260	Tài sản dài hạn khác		4.052.685.959.657	3.794.212.189.837
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	3.997.897.390.212	3.744.292.533.015
262	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		54.788.569.445	49.281.300.688
269	Lợi thế thương mại		-	638.356.134
270	TỔNG TÀI SẢN		82.662.652.366.363	78.768.074.688.564

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		21.489.088.811.222	26.575.344.013.434
310	Nợ ngắn hạn		12.487.956.920.689	16.561.261.573.886
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	6.652.093.471.748	6.630.916.343.590
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		128.097.532.572	104.816.808.984
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(c)	873.530.035.417	555.128.960.547
314	Phải trả người lao động		252.053.435.717	296.411.234.058
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.978.023.503.077	3.858.406.862.854
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	341.833.709.291	2.586.888.884.214
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	836.431.004.097	1.470.759.698.318
320	Vay ngắn hạn	18(a)	44.996.858.992	484.740.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	380.897.369.778	573.192.781.321
330	Nợ dài hạn		9.001.131.890.533	10.014.082.439.548
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		19.822.419.815	21.600.729.943
337	Phải trả dài hạn khác		140.713.909.427	114.046.536.416
338	Vay dài hạn	18(b)	6.037.962.890.208	7.510.120.451.721
341	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		253.194.790.414	219.007.722.635
342	Dự phòng phải trả dài hạn	20	2.546.853.859.491	2.145.620.277.655
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.584.021.178	3.686.721.178
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		61.173.563.555.141	52.192.730.675.130
410	Vốn chủ sở hữu		61.173.563.555.141	52.192.730.675.130
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	19.139.500.000.000	19.139.500.000.000
411a	• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		19.139.500.000.000	19.139.500.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	210.679.541.297	210.679.541.297
414	Vốn khác của chủ sở hữu	22	196.658.562.648	196.658.562.648
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	21.063.056.727.255	21.053.839.680.240
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22	6.287.318.113	6.287.318.113
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	19.241.492.510.616	10.487.292.270.016
421a	• LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		4.601.880.959.161	1.959.966.685.399
421b	• LNST chưa phân phối của năm nay		14.639.611.551.455	8.527.325.584.617
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.315.888.895.212	1.098.473.302.816
440	TỔNG NGUỒN VỐN		82.662.652.366.363	78.768.074.688.564

Đặng Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Công Luận
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số		Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		100.723.549.227.433	78.992.156.122.272
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	25	100.723.549.227.433	78.992.156.122.272
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	26	79.409.012.569.544	65.006.501.143.931
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		21.314.536.657.889	13.985.654.978.341
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	1.568.073.330.550	1.186.807.167.063
22	Chi phí tài chính	28	671.395.477.079	402.749.045.863
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	28	336.861.023.097	304.138.743.377
24	Phần lãi trong công ty liên kết		31.818.633.340	15.053.154.984
25	Chi phí bán hàng	29	2.440.389.587.646	2.132.583.045.802
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	1.074.753.539.576	1.479.072.397.239
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)		18.727.890.017.478	11.173.110.811.484
31	Thu nhập khác		111.967.278.406	83.102.974.835
32	Chi phí khác		33.582.435.496	51.215.542.548
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		78.384.842.910	31.887.432.287
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		18.806.274.860.388	11.204.998.243.771
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	31	3.709.948.669.392	2.304.278.491.555
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	29.933.901.568	48.907.622.506
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		15.066.392.289.428	8.851.812.129.710
Phân bổ cho:				
61	Chủ sở hữu của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		14.798.317.219.715	8.672.965.062.460
62	Cổ đông không kiểm soát		268.075.069.713	178.847.067.250
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23(a)	7.649	4.366
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23(b)	7.649	4.366



Đặng Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Công Luận
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số		Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		18.806.274.860.388	11.204.998.243.771
Điều chỉnh cho các khoản				
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại		3.022.954.831.285	3.073.271.794.099
03	Các khoản dự phòng		446.081.612.056	738.511.937.955
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		73.300.232.774	(128.144.388.297)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.335.908.271.004)	(1.108.893.203.844)
06	Chi phí lãi vay		336.861.023.097	304.138.743.377
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		21.349.564.288.596	14.083.883.127.061
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		782.276.386.743	(7.153.185.991.469)
10	Tăng hàng tồn kho		(860.659.726.216)	(1.612.418.420.953)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(3.677.892.636.800)	7.800.920.353.900
12	Tăng chi phí trả trước		(266.779.341.486)	(2.740.310.183.509)
14	Tiền lãi vay đã trả		(537.119.783.618)	(262.442.294.782)
15	Tiền thuế TNDN đã nộp		(3.451.711.192.375)	(2.274.967.189.845)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(545.607.495.656)	(246.658.174.204)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.792.070.499.188	7.594.821.226.199
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.009.673.196.429)	(4.747.172.910.132)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		570.658.941	180.667.761.327
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(40.741.761.303.346)	(41.510.884.348.748)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		41.815.088.168.061	38.324.295.021.308
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.200.815.213.928	998.038.096.084
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		265.039.541.155	(6.755.056.380.161)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		118.345.978.175	-
33	Tiền thu từ vay		1.325.381.539.466	6.246.927.650.109
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.370.675.691.680)	(1.156.321.500.000)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông		(5.882.313.058.641)	(5.864.872.815.742)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(7.809.261.232.680)	(774.266.665.633)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số		Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.247.848.807.663	65.498.180.405
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	5.300.330.735.432	5.237.246.729.402
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.158.095.442	(2.414.174.375)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	10.549.337.638.537	5.300.330.735.432

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 34.



Đặng Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Công Luận
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên, là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500102710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2007. Vào ngày 13 tháng 10 năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 số 3500102710 để cập nhật thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang mô hình hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi với vốn điều lệ là 19.139,5 tỷ Đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là “GAS” từ ngày 21 tháng 5 năm 2012.

Nghành nghề đăng ký kinh doanh chính của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và các công ty con (“Tổng Công ty”) bao gồm: Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí; Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí, dự án khí và liên quan đến khí; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ; Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.



ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) như được trình bày như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Lĩnh vực kinh doanh	2022		2021	
			Tỉ lệ sở hữu %	Tỉ lệ biểu quyết %	Tỉ lệ sở hữu %	Tỉ lệ biểu quyết %
CÔNG TY CON						
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất ống thép	99,99	99,99	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Phân phối khí thấp áp	50,50	50,50	50,50	50,50
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất khí thiên nhiên	56,00	56,00	56,00	56,00
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Tp. Hà Nội	Phân phối khí hóa lỏng	51,31	51,31	51,31	51,31
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	52,94	52,94	52,94	52,94
Công ty Cổ phần LNG Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất khí thiên nhiên	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty TNHH Kho Cảng LNG Sơn Mỹ (*)	Tỉnh Bình Thuận	Xử lý khí thiên nhiên	61,00	61,00	-	-
CÔNG TY LIÊN KẾT						
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Phân phối khí hóa lỏng	35,26	35,26	35,26	35,26
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh khí	29,00	29,00	29,00	29,00

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 69/NQ-KVN ngày 12 tháng 8 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã chấp thuận thành lập Công ty TNHH Kho Cảng LNG Sơn Mỹ với tổng vốn điều lệ là 300 tỷ Đồng. Trong đó, Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần sở hữu 61% vốn điều lệ. Theo Quyết định số 591/QĐ-KVN ngày 24 tháng 5 năm 2022, Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã thông qua việc góp vốn lần đầu là 40.424.772.709 Đồng.

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) như được trình bày như sau:

TÊN CHI NHÁNH	ĐỊA ĐIỂM HOẠT ĐỘNG
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Tp. Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ Khí	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty Quản lý Dự án Khí	Tp. Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án Khí - Đông Nam Bộ (*)	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty Khí Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
Công ty Đường Ống Khí Nam Côn Sơn	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Khí Hải phòng	Tp. Hải Phòng
Chi nhánh Kinh doanh LNG	Tp. Hồ Chí Minh

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 1664/NQ-KVN ngày 20 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã chấp thuận việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần – Ban Quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ từ ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 2.742 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.830 nhân viên).



2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.
2.2 Năm tài chính	Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.
2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán	Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).
2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán	Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày cuối năm. Theo đó, tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tỷ giá Tổng Công ty sử dụng có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính	(a) Công ty con Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn. Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất. Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đặt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng. Báo cáo tài chính của các công ty trong Tổng Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tổng Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.
---	--



(b) Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

(c) Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong các công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tổng Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tổng Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.



2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước đối với LPG mua ngoài và cơ sở bình quân gia quyền đối với các loại hàng tồn kho khác, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Đầu tư tài chính (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”)

BCC là thỏa thuận giữa Tổng Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát hoặc chia LNST. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

(a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia BCC là tài sản được các bên mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của BCC và mang lại lợi ích cho các bên tham gia BCC theo quy định của BCC. Tổng Công ty ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát được hưởng là tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, đồng thời ghi nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

(b) Đối với BCC chia LNST

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát. BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC. Tổng Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong năm.



2.12 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

(b) Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

- | | |
|---------------------------------------|------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | 3 - 50 năm |
| • Máy móc và thiết bị | 2 - 20 năm |
| • Phương tiện vận tải | 3 - 25 năm |
| • Thiết bị quản lý | 2 - 12 năm |
| • Công trình khí và các thiết bị khác | 2 - 20 năm |
| • Phần mềm máy tính | 3 - 8 năm |
| • TSCĐ vô hình khác | 3 năm |

Các TSCĐ hữu hình được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn, trong đó:

- Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao; và
- Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(c) Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

(a) Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của loại tài sản như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
|--------------------------|--------|

(b) Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ngoài ra, chi phí trả trước bao gồm chi phí mua khí theo hợp đồng bao tiêu được tính dựa vào phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo bao tiêu và chi phí mua khí thực tế dưới mức bao tiêu.



2.16 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.17 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tổng Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất của năm báo cáo.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.20 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Tổng Công ty lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thu dọn các công trình, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí. Theo đó, cách xác định số dư của khoản dự phòng là dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận trong năm báo cáo.

2.21 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 28 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Tổng Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế TNDN trong năm để hình thành quỹ.

2.22 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu liên quan đến hợp đồng bán khí bao tiêu cho khách hàng được tính dựa vào phần chênh lệch giữa doanh thu bao tiêu và doanh thu đã thực hiện dưới mức bao tiêu. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.



2.24 Phân chia lợi nhuận

Theo Điều lệ của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác được trích lập từ LNST của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

2.25 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.26 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.27 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.



2.28 Chi phí bán hàng	Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
2.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty.
2.30 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại	Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại. Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác. Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
2.31 Lãi trên cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

2.32 Các bên liên quan	Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty liên kết và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.
2.33 Báo cáo bộ phận	Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý. Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.
2.34 Ước tính kế toán trọng yếu	Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: • Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4); • Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8); • Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 11); và • Dự phòng phải trả dài hạn (Thuyết minh 20). Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.



3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	9.139.806.927	5.057.003.224
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.308.847.831.610	1.004.286.387.775
Tiền đang chuyển	150.000.000	386.506.201.443
Các khoản tương đương tiền (*)	9.231.200.000.000	3.904.481.142.990
	10.549.337.638.537	5.300.330.735.432

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 0,2%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,2%/năm đến 4%/năm).

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4%/năm đến 10,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,47%/năm đến 6%/năm).

4.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	2022			2021		
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ Sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ Sở hữu	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	226.460.000.000	358.315.854.653	454.894.738.200	226.460.000.000	349.735.561.544	440.789.475.000
Công ty TNHH Khí Nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	58.000.000.000	37.217.602.847	(*)	58.000.000.000	40.426.631.116	(*)
	284.460.000.000	395.533.457.500		284.460.000.000	390.162.192.660	

4.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2022			2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	25.000.000.000	(25.000.000.000)	(*)	25.000.000.000	(25.000.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000	-	(*)
	35.000.000.000	(25.000.000.000)		35.000.000.000	(25.000.000.000)	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định dựa vào báo cáo tài chính của các công ty này theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	6.030.427.922.857	5.959.894.720.273
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	3.179.657.965.490	4.638.498.024.386
	9.210.085.888.347	10.598.392.744.659

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 1.111.126.019.618 Đồng và 1.309.958.396.651 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	120.131.229.680	152.350.398.037
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	103.619.312.075	261.054.839.786
	223.750.541.755	413.405.237.823

Chi tiết các khoản trả trước cho người bán bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	2022 VND	2021 VND
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Long Điền	32.897.728.823	29.780.924.118
Công ty TNHH Công nghiệp	25.471.937.812	-

(b) Dài hạn

Số dư trả trước cho người bán dài hạn thể hiện khoản góp kinh phí hoạt động cho nhà điều hành theo BCC cho Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn ngày 15 tháng 12 năm 2000. Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn đã được chỉ định làm nhà điều hành để thay mặt các bên xây dựng, vận hành đường ống Nam Côn Sơn và thực hiện các nghiệp vụ khác theo BCC.

	2022 VND	2021 VND
Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	76.326.529.951	70.338.402.093

7. PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Dự thu tạm tính doanh thu bán và vận chuyển khí	6.870.166.632.296	6.088.852.797.492
Dự thu lãi tiền gửi	459.054.605.827	329.761.958.689
Khác	163.182.968.141	181.418.667.106
	7.492.404.206.264	6.600.033.423.287
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	2.036.924.612.118	2.327.728.781.670
Bên thứ ba	5.455.479.594.146	4.272.304.641.617
	7.492.404.206.264	6.600.033.423.287

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 54.870.608.031 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Phải thu góp vốn theo BCC (*)	8.769.866.992	38.918.859.247
Ký quỹ, ký cược	83.592.677.218	78.461.278.446
	92.362.544.210	117.380.137.693

(*) Số dư thể hiện khoản Tổng Công ty góp vốn để thực hiện Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn (Thuyết minh 12) theo BCC số 1183/KVN-TC ngày 6 tháng 6 năm 2014. Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam đã được chỉ định làm nhà điều hành để thay mặt các bên xây dựng, vận hành và thực hiện các nghiệp vụ khác theo BCC.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.





8. NỢ QUÁ HẠN THANH TOÁNKHÁCH HÀNG

Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng quá hạn thanh toán được trình bày chi tiết như sau:

	2022			2021		
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP	94.325.786.404	13.945.180.256	80.380.606.148	121.258.112.949	40.877.506.801	80.380.606.148
Trên 3 năm	70.015.179.702	-	70.015.179.702	91.082.300.358	10.701.694.210	80.380.606.148
Từ 2 năm đến 3 năm	11.267.962.106	902.535.660	10.365.426.446	15.018.623.577	15.018.623.577	-
Từ 1 năm đến 2 năm	9.873.118.016	9.873.118.016	-	11.267.962.106	11.267.962.106	-
Từ 6 tháng đến 1 năm	3.169.526.580	3.169.526.580	-	3.889.226.908	3.889.226.908	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	531.852.562.473	309.290.582.721	222.561.979.752	791.970.489.560	528.528.566.337	263.441.923.223
Trên 3 năm	53.415.208.166	-	53.415.208.166	-	-	-
Từ 2 năm đến 3 năm	22.423.465.443	6.727.039.633	15.696.425.810	53.415.208.166	16.024.562.450	37.390.645.716
Từ 1 năm đến 2 năm	83.230.895.584	41.615.447.792	41.615.447.792	22.423.465.443	11.211.732.721	11.211.732.722
Từ 6 tháng đến 1 năm	372.782.993.280	260.948.095.296	111.834.897.984	716.131.815.951	501.292.271.166	214.839.544.785
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	306.976.907.218	104.175.763.259	202.801.143.959	215.771.693.118	100.713.276.391	115.058.416.729
Trên 3 năm	82.495.888.495	-	82.495.888.495	-	-	-
Từ 2 năm đến 3 năm	86.642.766.975	25.992.830.092	60.649.936.883	82.495.888.495	24.748.766.549	57.747.121.947
Từ 1 năm đến 2 năm	91.519.215.286	45.759.607.643	45.759.607.643	86.642.766.975	43.321.383.488	43.321.383.488
Từ 6 tháng đến 1 năm	46.319.036.462	32.423.325.524	13.895.710.938	46.633.037.648	32.643.126.354	13.989.911.294
Khác	177.970.763.523	1.532.308.880	176.438.454.643	180.958.101.024	3.070.746.997	177.887.354.027
Trên 3 năm	177.970.763.523	1.532.308.880	176.438.454.643	180.399.815.109	3.070.746.997	177.329.068.112
Từ 2 năm đến 3 năm	-	-	-	558.285.915	-	558.285.915
	1.111.126.019.618	428.943.835.116	682.182.184.502	1.309.958.396.651	673.190.096.526	636.768.300.127

8. NỢ QUÁ HẠN THANH TOÁNKHÁCH HÀNG

Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng quá hạn thanh toán được trình bày chi tiết như sau:

	2022			2021		
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Trên 3 năm	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.870.608.031	-	4.870.608.031	4.870.608.031	-	4.870.608.031
Trên 3 năm	4.870.608.031	-	4.870.608.031	4.870.608.031	-	4.870.608.031
	54.870.608.031	-	54.870.608.031	54.870.608.031	-	54.870.608.031

9. HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.143.183.034.995	-	483.695.674.196	-
Vật tư, phụ tùng thay thế	758.149.103.437	(82.895.543.999)	687.105.659.115	(83.461.398.154)
Nguyên vật liệu	270.955.348.957	-	300.373.318.227	-
Công cụ, dụng cụ	38.958.730.158	-	36.469.639.703	-
Chi phí SXKD dở dang	1.828.372.427	-	9.917.814.305	-
Thành phẩm	156.146.840.925	-	110.093.604.921	-
Hàng hóa	741.501.719.100	-	1.634.757.305.235	-
Hàng gửi đi bán	74.614.199.643	-	62.264.607.724	-
	4.185.337.349.642	(82.895.543.999)	3.324.677.623.426	(83.461.398.154)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và truyền thông	31.882.489.976	23.694.117.264
Chi phí mua bảo hiểm	18.717.644.701	10.518.404.320
Khác	33.070.775.408	36.283.904.212
	83.670.910.085	70.496.425.796

(b) Dài hạn

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí mua khí bao tiêu (*)	2.533.782.630.337	2.613.817.321.499
Chi phí vỏ bình gas	612.570.299.256	622.831.945.698
Chi phí thuê đất và thuê văn phòng	265.549.644.778	215.340.025.590
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa	142.223.281.850	63.733.416.413
Chi phí công cụ, dụng cụ	71.738.547.592	26.773.280.387
Chi phí bảo hiểm	44.737.367.208	36.326.968.113
Khác	327.295.619.191	165.469.575.315
	3.997.897.390.212	3.744.292.533.015

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư này bao gồm chi phí mua khí theo hợp đồng bao tiêu được tính dựa vào phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo bao tiêu và chi phí mua khí thực tế dưới mức bao tiêu của Tổng Công ty với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty mẹ.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Công trình khí và các thiết bị khác	Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	6.632.044.834.604	5.373.131.683.125	892.616.314.007	396.787.495.157	42.774.879.602.495	56.069.459.929.388	
Mua trong năm	20.917.450.205	42.546.511.679	19.534.358.078	57.834.819.040	27.382.822.873	168.215.961.875	
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	115.757.261.112	5.098.117.929	10.465.648.566	38.500.000	959.941.407.412	1.091.300.935.019	
Thanh lý	(5.140.134.993)	(5.415.521.734)	(2.895.635.160)	(6.209.705.487)	(1.877.770.275)	(21.538.767.649)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6.763.579.410.928	5.415.360.790.999	919.720.685.491	448.451.108.710	43.760.326.062.505	57.307.438.058.633	
Khấu hao lũy kế							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.736.471.077.114	3.132.641.245.692	733.442.211.045	339.441.397.705	29.439.420.729.520	38.381.416.661.076	
Khấu hao trong năm	311.967.509.140	330.772.662.007	23.999.431.240	44.169.852.407	2.260.599.322.837	2.971.508.777.631	
Thanh lý	(5.140.134.993)	(5.332.993.972)	(2.895.635.160)	(6.177.305.145)	(1.877.770.275)	(21.423.839.545)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.043.298.451.261	3.458.080.913.727	754.546.007.125	377.433.944.967	31.698.142.282.082	41.331.501.599.162	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.895.573.757.490	2.240.490.437.433	159.174.102.962	57.346.097.452	13.335.458.872.975	17.688.043.268.312	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.720.280.959.667	1.957.279.877.272	165.174.678.366	71.017.163.743	12.062.183.780.423	15.975.936.459.471	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 23.129.128.470.029 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 22.760.100.495.339 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty với tổng giá trị còn lại là 29.907.704.145 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 87.657.487.715 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 18).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số TSCĐ hữu hình có nguyên giá là 14.642.189.669.113 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 13.647.736.320.982 Đồng) được ghi nhận tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.



11. TSCĐ (TIẾP THEO)

(a) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	348.669.597.008	236.827.817.974	2.734.286.747	588.231.701.729
Mua trong năm	-	13.403.709.000	-	13.403.709.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	19.616.192.364	-	19.616.192.364
Thanh lý	-	(1.103.159.091)	-	(1.103.159.091)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	348.669.597.008	268.744.560.247	2.734.286.747	620.148.444.002
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	8.120.816.346	168.985.925.443	899.359.491	178.006.101.280
Khấu hao trong năm	1.388.881.548	47.518.146.890	610.091.820	49.517.120.258
Thanh lý	-	(1.103.159.091)	-	(1.103.159.091)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	9.509.697.894	215.400.913.242	1.509.451.311	226.420.062.447
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	340.548.780.662	67.841.892.531	1.834.927.256	410.225.600.449
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	339.159.899.114	53.343.647.005	1.224.835.436	393.728.381.555

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 147.566.341.112 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 110.871.108.455 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ vô hình của Tổng Công ty với tổng giá trị còn lại là 33.973.902.432 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 34.944.585.360 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 18).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	4.273.680.819.613	2.993.764.596.809
Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn (Thuyết minh 7)	842.642.435.314	785.001.528.854
Dự án đường ống dẫn LNG Thị Vải - Phú Mỹ	258.965.469.614	195.624.925.999
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2	218.920.675.431	505.474.891.100
Khác	383.894.470.240	391.188.373.802
	5.978.103.870.212	4.871.054.316.564

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.871.054.316.564	2.302.958.751.607
Tăng trong năm	2.233.589.900.422	3.790.297.351.703
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(1.091.300.935.019)	(1.218.012.614.019)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 11(b))	(19.616.192.364)	(4.189.172.727)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(15.623.219.391)	-
Số dư cuối năm	5.978.103.870.212	4.871.054.316.564

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022		2021	
	Giá trị gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá trị gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên thứ ba	4.318.903.717.536	4.318.903.717.536	2.976.426.476.751	2.976.426.476.751
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	2.333.189.754.212	2.333.189.754.212	3.654.489.866.839	3.654.489.866.839
	6.652.093.471.748	6.652.093.471.748	6.630.916.343.590	6.630.916.343.590

Chi tiết người bán bên thứ ba có số dư chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Wanhua Chemical (Singapore) Pte. Ltd.	743.159.400.345	-
Vitol Asia Pte. Ltd.	669.010.114.298	1.454.670.261



14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

		2022	2021
		VND	VND
(a)	Thuế GTGT được khấu trừ		
	Thuế GTGT được khấu trừ	949.414.975.835	1.011.375.951.717
(b)	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
	Thuế TNDN nộp dư	20.212.358.049	18.460.793.209
	Thuế nhập khẩu	16.782.214.832	17.555.016.189
	Thuế GTGT	12.202.759.059	12.696.791.766
	Khác	14.734.788	2.573.925.354
		49.212.066.728	51.286.526.518
(c)	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	Thuế TNDN	770.508.406.361	478.390.226.949
	Thuế GTGT	80.552.222.375	43.718.082.560
	Thuế thu nhập cá nhân	18.594.324.638	21.629.103.934
	Khác	3.875.082.043	11.391.547.104
		873.530.035.417	555.128.960.547

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 1.1.2022	Tăng	Cấn trừ	Giảm	Tại ngày 31.12.2022
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT được khấu trừ	1.011.375.951.717	9.600.773.131.134	(9.662.734.107.016)	-	949.414.975.835
Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước					
Thuế GTGT					
Nội địa	43.718.082.560	11.851.077.350.528	(9.662.734.107.016)	(2.163.711.862.756)	68.349.463.316
Nhập khẩu	(12.696.791.766)	1.510.273.348.020	-	(1.497.576.556.254)	-
Thuế nhập khẩu	(17.555.016.189)	492.127.131.744	-	(491.354.330.387)	(16.782.214.832)
Thuế TNDN	459.929.433.740	3.742.077.806.947	-	(3.451.711.192.375)	750.296.048.312
Thuế thu nhập cá nhân	21.629.103.934	126.347.618.037	-	(129.382.397.333)	18.594.324.638
Khác	8.817.621.750	45.307.032.254	-	(50.264.306.749)	3.860.347.255
	503.842.434.029	17.767.210.287.530	(9.662.734.107.016)	(7.784.000.645.854)	824.317.968.689



15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí mua, xử lý và vận chuyển khí	2.697.988.862.413	3.411.809.653.868
Chi phí lãi vay phải trả	56.183.381.741	132.505.389.342
Khác	223.851.258.923	314.091.819.644
	2.978.023.503.077	3.858.406.862.854
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	1.474.418.307.668	2.134.355.222.676
Bên thứ ba	1.503.605.195.409	1.724.051.640.178
	2.978.023.503.077	3.858.406.862.854

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư thể hiện phần chênh lệch giữa doanh thu bao tiêu và doanh thu đã thực hiện dưới mức bao tiêu mà Tổng Công ty có nghĩa vụ thực hiện trong tương lai. Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao khả năng thực hiện của khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn này.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022	2021
	VND	VND
Chênh lệch giá khí trong bao tiêu phải nộp Nhà nước	423.971.693.838	956.034.360.099
Phải trả liên quan đến BCC (*)	87.463.581.659	248.699.091.591
Khác	324.995.728.600	266.026.246.628
	836.431.004.097	1.470.759.698.318
Trong đó:		
Bên thứ ba	804.371.761.756	1.307.554.922.253
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	32.059.242.341	163.204.776.065
	836.431.004.097	1.470.759.698.318

(*) Tổng Công ty, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu xây dựng và kinh doanh khai thác dự án Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower tại số 673 Đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia LNST cho các bên theo tỷ lệ vốn góp tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 như sau:

Tổng Công ty Khí	70%
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần	20%
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	10%

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 96/NQ-KVN ngày 12 tháng 11 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp 20% của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần tại hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Ngày 30 tháng 5 năm 2022, Tổng Công ty đã hoàn tất thanh toán và nhận bàn giao tài sản chuyển nhượng, tăng tỷ lệ vốn góp tại hợp đồng hợp tác kinh doanh lên 90%.

Giá trị TSCĐ của BCC như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Nguyên giá	723.317.373.840	723.317.373.840
Trong đó		
Quyền sử dụng đất	223.730.000.000	223.730.000.000
Tài sản trên đất	499.587.373.840	499.587.373.840
Hao mòn lũy kế của tài sản trên đất	144.929.166.157	135.387.841.969
Giá trị còn lại	578.388.207.683	587.929.531.871

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của BCC trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu	91.195.553.170	81.693.350.651
Giá vốn	(46.074.305.347)	(44.667.729.865)
Chi phí khác	(1.057.033.513)	(2.531.717.777)
Thuế TNDN	(14.479.151.294)	(12.040.675.612)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.585.063.016	22.453.227.397
Thuế GTGT bổ sung	(2.570.947.504)	-
Lợi nhuận được chia	27.014.115.512	22.453.227.397
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
• Tổng Công ty	23.659.919.186	16.543.732.047
• Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.468.432.987	3.627.490.609
• Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	1.885.763.339	2.282.004.741



	Tại ngày 1.1.2022	Tăng	Giảm	Vay dài hạn đến hạn trả	Đánh giá lại	Tại ngày 31.12.2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
(a) Ngắn hạn						
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	484.740.000.000	-	(509.718.000.000)	54.896.858.992	15.078.000.000	44.996.858.992
Vay ngân hàng	-	22.338.964.190	(22.338.964.190)	-	-	-
	484.740.000.000	22.338.964.190	(532.056.964.190)	54.896.858.992	15.078.000.000	44.996.858.992
(b) Dài hạn						
Vay ngân hàng	7.510.120.451.721	1.303.042.575.276	(2.838.618.727.490)	(54.896.858.992)	118.315.449.693	6.037.962.890.208

Chi tiết số dư các khoản vay cuối năm như sau:

	Tại ngày 31.12.2022	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (/năm)	Tài sản thế chấp
	VND				
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd	2.417.776.690.776	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	Đến ngày 13 tháng 5 năm 2027	LIBOR + 1,74%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon	1.659.637.230.495	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	42 tháng kể từ ngày giải ngân	LIBOR + 1,7%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	895.659.605.952	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	Đến ngày 29 tháng 8 năm 2027	(i)	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	610.605.100.538	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	24 tháng kể từ ngày giải ngân	(i)	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	293.973.262.166	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	30 tháng kể từ ngày giải ngân	(i)	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	134.981.153.954	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	Đến ngày 25 tháng 5 năm 2024	(ii)	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	70.326.705.319	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	48 tháng hoặc 60 tháng kể từ ngày giải ngân	(iii)	TSCĐ (Thuyết minh 11)
	6.082.959.749.200				

- (i) Lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau thông thường của cá nhân bình quân + 2,8%.
- (ii) Lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau thông thường của cá nhân bình quân + 2,3%.
- (iii) Lãi suất 7,6%/năm đến 7,8%/năm và cố định 2 năm tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng này trong suốt thời hạn vay.

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	573.192.781.321	479.314.002.119
Tăng trong năm (Thuyết minh 22)	341.915.928.976	334.920.687.238
Chi trong năm	(534.211.340.519)	(241.041.908.036)
Số dư cuối năm	380.897.369.778	573.192.781.321

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho các công trình khí như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Bể Cừu Long (i)	1.994.818.250.165	1.720.841.259.834
PM3 - Cà Mau (i)	354.949.063.597	284.247.097.537
Đường ống Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	43.673.951.869	37.434.815.888
Nhà máy chế biến, đường ống vận chuyển và các trạm phân phối khí (iii)	135.469.638.543	84.265.333.395
Khác	17.942.955.317	18.831.771.001
	2.546.853.859.491	2.145.620.277.655

- (i) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình khí Bể Cừu Long và công trình khí PM3 – Cà Mau được lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 1295/QĐ-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2019.
- (ii) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả công trình Đường ống Phú Mỹ - Hồ Chí Minh được lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 3754/QĐ-BCT ngày 19 tháng 9 năm 2016.
- (iii) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả nhà máy chế biến, đường ống vận chuyển và các trạm phân phối được lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 2437/QĐ-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2020.

Theo Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu dọn các công trình, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí, số trích lập dự phòng của các khoản chi phí nêu trên được lập dựa trên dự toán do Bộ Công thương phê duyệt. Tuy nhiên, dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả công trình Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2 và Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt chưa được trích lập do chưa được Bộ Công thương phê duyệt.

21. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022	2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	1.913.950.000	1.913.950.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96	1.832.835.900	96
Cổ đông khác	81.114.100	4	81.114.100	4
	1.913.950.000	100	1.913.950.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
	Cổ phiếu	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.913.950.000	19.139.500.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.913.950.000	19.139.500.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.913.950.000	19.139.500.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần không có cổ phiếu ưu đãi.

22. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	LNST chưa phân phối năm nay	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	19.139.500.000.000	210.679.541.297	196.658.562.648	18.853.826.843.892	6.287.318.113	2.319.480.175.551	7.709.193.096.320	1.064.055.447.633	49.499.680.985.454	
Kết chuyển LNST chưa phân phối	-	-	-	-	-	7.709.193.096.320	(7.709.193.096.320)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	8.672.965.062.460	178.847.067.250	8.851.812.129.710	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.200.012.836.348	-	(2.200.012.836.348)	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(161.071.580.589)	(152.466.661.012)	(21.382.445.637)	(334.920.687.238)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.741.850.000.000)	-	(123.022.815.742)	(5.864.872.815.742)	
Khác	-	-	-	-	-	34.227.830.465	6.827.183.169	(23.950.688)	41.031.062.946	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	19.139.500.000.000	210.679.541.297	196.658.562.648	21.053.839.680.240	6.287.318.113	1.959.966.685.399	8.527.325.584.617	1.098.473.302.816	52.192.730.675.130	
Kết chuyển LNST chưa phân phối	-	-	-	-	-	8.527.325.584.617	(8.527.325.584.617)	-	-	-
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	118.345.978.175	118.345.978.175	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	14.798.317.219.715	268.075.069.713	15.066.392.289.428	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	9.217.047.015	-	(9.217.047.015)	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(164.052.303.612)	(158.705.668.260)	(19.157.957.104)	(341.915.928.976)	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(5.741.850.000.000)	-	(140.463.058.641)	(5.882.313.058.641)	
Khác	-	-	-	-	-	29.708.039.772	-	(9.384.439.747)	20.323.600.025	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	19.139.500.000.000	210.679.541.297	196.658.562.648	21.063.056.727.255	6.287.318.113	4.601.880.959.161	14.639.611.551.455	1.315.888.895.212	61.173.563.555.141	

22. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 24/NQ-KVN ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 178/LPG-HC ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2021. Theo đó:

- Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ ban quản lý điều hành từ LNST 2021 với số tiền lần lượt là 152.072.544.404 Đồng và 2.629.423.813 Đồng. Đồng thời, Tổng Công ty cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2022 với số tiền là 146.439.569.883 Đồng.
- Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam, Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam và Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ ban quản lý điều hành từ LNST 2021 với số tiền lần lượt là 2.800.000.000 Đồng, 7.420.000.000 Đồng, 6.891.196.138 Đồng và 580.993.441 Đồng. Đồng thời, Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần CNG Việt Nam cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2022 với số tiền lần lượt là 12.000.000.000 Đồng và 11.082.201.297 Đồng.
- Công ty Cổ phần CNG Việt Nam trích Quỹ đầu tư phát triển từ LNST 2021 với số tiền là 16.459.012.527 Đồng.
- Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần thông qua kế hoạch chi trả cổ tức còn lại năm 2021 từ LNST năm 2021 với số tiền là 5.741.850.000.000 Đồng, tương ứng với 30% vốn điều lệ. Tại ngày 8 tháng 6 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-KVN cho kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt năm 2021 với tỷ lệ 30% mệnh giá/cổ phiếu và đã thực hiện chi trả trong năm.
- Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam, Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần CNG Việt Nam thông qua kế hoạch chi trả cổ tức còn lại năm 2021 từ LNST năm 2021 với số tiền lần lượt là 10.950.000.000 Đồng, tương ứng với 3% vốn điều lệ, 224.995.175.000 Đồng, tương ứng với 25% vốn điều lệ và 53.999.346.000 Đồng, tương ứng với 20% vốn điều lệ.

23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	2022	2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	14.798.317.219.715	8.672.965.062.460
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(158.705.668.260)	(316.518.964.624)
	14.639.611.551.455	8.356.446.097.836
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.913.950.000	1.913.950.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	7.649	4.366

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021 theo số trích lập thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 24/NQ-KVN ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 178/LPG-HC ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại là 4.366 Đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 4.356 Đồng/cổ phiếu).

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 18.219.335,25 Đô la Mỹ và 181,65 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.452.793 Đô la Mỹ và 28,81 Euro).

(b) Cam kết vốn

Các khoản cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng được trình bày tại Thuyết minh 36(a).

(c) Cam kết khác

Tổng Công ty có những cam kết tại liên quan đến hoạt động kinh doanh khí được trình bày ở Thuyết minh 36(b).



25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu bán khí khô	49.175.786.275.815	37.461.245.692.597
Doanh thu bán LPG	41.298.310.143.081	33.690.373.770.576
Doanh thu bán CNG	4.185.586.021.575	3.807.943.010.182
Doanh thu vận chuyển khí và condensate	3.969.637.389.391	2.989.583.621.502
Doanh thu bán condensate	1.863.713.661.364	791.304.422.601
Khác	230.515.736.207	251.705.604.814
	100.723.549.227.433	78.992.156.122.272

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022	2021
	VND	VND
Giá vốn bán khí khô	36.311.965.050.839	30.049.356.074.673
Giá vốn bán LPG	37.298.036.108.799	30.726.807.964.630
Giá vốn bán CNG	3.885.328.716.265	2.780.967.563.461
Giá vốn vận chuyển khí và condensate	719.211.919.834	664.263.730.047
Giá vốn bán condensate	928.127.708.997	506.107.107.683
Khác	266.343.064.810	278.998.703.437
	79.409.012.569.544	65.006.501.143.931

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022	2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.236.723.285.029	940.861.174.532
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	256.339.698.150	87.861.148.087
Cổ tức và lợi nhuận được chia	67.481.280.739	21.017.084.576
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	128.144.388.297
Khác	7.529.066.632	8.923.371.571
	1.568.073.330.550	1.186.807.167.063

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	336.861.023.097	304.138.743.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	251.692.890.231	55.992.867.410
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	73.300.232.774	-
Khác	9.541.330.977	42.617.435.076
	671.395.477.079	402.749.045.863

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	1.262.342.635.383	1.067.622.399.022
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	498.642.545.503	378.637.836.448
Chi phí nhân viên	193.544.375.786	197.821.299.711
Chi phí khấu hao TSCĐ	94.415.305.898	85.661.658.262
Khác	391.444.725.076	402.839.852.359
	2.440.389.587.646	2.132.583.045.802

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.539.265.938	157.597.712.251
Chi phí nhân viên quản lý	198.943.051.912	206.432.436.244
Chi phí an sinh xã hội	108.366.477.940	286.632.771.274
Chi phí nhân hiệu	107.958.386.671	247.951.413.230
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	45.413.884.375	295.694.778.102
Khác	373.532.472.740	284.763.286.138
	1.074.753.539.576	1.479.072.397.239



31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tổng Công ty là 20%. Riêng đối với các dự án đầu tư công trình khí sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án, cụ thể như sau:

- Đối với Dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau: Tổng Công ty được miễn thuế TNDN bốn (4) năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2022 đến năm 2030); và
- Đối với Dự án Hệ thống thu gom và phân phối khí Hàm Rồng Thái Bình: Tổng Công ty được miễn thuế TNDN hai (2) năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2018) và giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.806.274.860.388	11.204.998.243.771
Thuế tính ở thuế suất 20%	3.761.254.972.078	2.240.999.648.754
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(13.496.256.148)	(4.203.416.915)
Chi phí không được khấu trừ	26.809.782.255	141.983.582.834
Ưu đãi thuế	(34.685.927.225)	(25.593.700.612)
Chi phí thuế TNDN (*)	3.739.882.570.960	2.353.186.114.061
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	3.709.948.669.392	2.304.278.491.555
Thuế TNDN - hoãn lại	29.933.901.568	48.907.622.506
	3.739.882.570.960	2.353.186.114.061

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	39.429.346.553.241	25.304.535.486.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.021.025.897.889	3.051.537.460.809
Chi phí vận chuyển	1.262.342.635.383	1.067.622.399.022
Chi phí nhân công	1.357.067.939.846	1.215.220.307.083
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	498.642.545.503	378.637.836.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.834.137.779	372.689.565.464
Chi phí nhãn hiệu	107.958.386.671	247.951.413.230
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	45.413.884.375	295.694.778.102
Khác	919.391.868.725	1.038.142.759.995
	47.102.023.849.412	32.972.032.006.244

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí, gồm có:
 - » Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
 - » Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
 - » Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
 - » Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam
 - » Công ty Cổ phần LNG Việt Nam
 - » Công ty TNHH Kho Càng LNG Sơn Mỹ
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí, cụ thể là sản xuất ống thép, xây dựng, lắp đặt và sửa chữa các công trình khí, gồm có:
 - » Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam
 - » Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam





33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.516.745.360.996	32.592.277.541	-	10.549.337.638.537
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.563.874.167.737	162.624.622.500	-	23.726.498.790.237
Các khoản phải thu ngắn hạn	19.042.870.071.370	63.540.411.633	(2.915.278.712.048)	16.191.131.770.955
Hàng tồn kho	3.906.987.291.411	195.454.514.232	-	4.102.441.805.643
Tài sản ngắn hạn khác	1.045.050.973.765	37.246.978.883	-	1.082.297.952.648
Các khoản phải thu dài hạn	164.211.964.035	6.138.895.251	(1.661.785.125)	168.689.074.161
TSCĐ	15.627.070.511.209	1.264.288.525.043	(521.694.195.226)	16.369.664.841.026
Bất động sản đầu tư	36.267.205.787	-	-	36.267.205.787
Tài sản dở dang dài hạn	6.119.962.415.684	716.681.819	(142.575.227.291)	5.978.103.870.212
Đầu tư tài chính dài hạn	2.991.656.355.461	-	(2.586.122.897.961)	405.533.457.500
Tài sản dài hạn khác	3.970.127.303.659	45.841.636.343	36.717.019.655	4.052.685.959.657
Tổng tài sản hợp nhất	86.984.823.621.114	1.808.444.543.245	(6.130.615.797.996)	82.662.652.366.363
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	15.280.961.025.519	85.999.561.321	(2.879.003.666.151)	12.487.956.920.689
Nợ dài hạn	8.749.432.053.227	397.292.169.821	(145.592.332.515)	9.001.131.890.533
Tổng nợ phải trả hợp nhất	24.030.393.078.746	483.291.731.142	(3.024.595.998.666)	21.489.088.811.222

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
		VND	VND		
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.237.970.362.852	62.360.372.580	-	5.300.330.735.432	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.609.825.654.952	190.000.000.000	-	24.799.825.654.952	
Các khoản phải thu ngắn hạn	20.202.900.373.477	46.330.847.528	(3.329.038.723.394)	16.920.192.497.611	
Hàng tồn kho	3.023.071.111.939	211.731.217.846	6.413.895.487	3.241.216.225.272	
Tài sản ngắn hạn khác	1.100.776.505.248	32.382.398.783	-	1.133.158.904.031	
Các khoản phải thu dài hạn	189.244.299.438	136.025.473	(1.661.785.125)	187.718.539.786	
TSCĐ	17.364.653.712.480	1.359.034.808.101	(625.419.651.820)	18.098.268.868.761	
Bất động sản đầu tư	21.934.563.658	-	-	21.934.563.658	
Tài sản dở dang dài hạn	4.870.337.634.745	716.681.819	-	4.871.054.316.564	
Đầu tư tài chính dài hạn	3.086.465.227.009	-	(2.686.303.034.349)	400.162.192.660	
Tài sản dài hạn khác	3.691.695.634.984	64.125.546.467	37.752.652.252	3.793.573.833.703	
Lợi thế thương mại	-	-	638.356.134	638.356.134	
Tổng tài sản hợp nhất	83.398.875.080.782	1.966.817.898.597	(6.597.618.290.815)	78.768.074.688.564	
Nợ phải trả					
Nợ ngắn hạn	19.753.725.162.085	492.267.310.851	(3.684.730.899.050)	16.561.261.573.886	
Nợ dài hạn	9.795.392.854.337	1.343.647.701	217.345.937.510	10.014.082.439.548	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	29.549.118.016.422	493.610.958.552	(3.467.384.961.540)	26.575.344.013.434	



33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)
Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.153.567.279.383	85.900.626.991	(16.515.918.678.941)	100.723.549.227.433	
Chi phí kinh doanh	(99.269.838.803.790)	(274.281.292.114)	16.619.964.399.138	(82.924.155.696.766)	
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(95.640.609.766.673)	(229.311.818.787)	16.460.909.015.916	(79.409.012.569.544)	
Chi phí bán hàng	(2.561.046.325.536)	(119.636.347)	120.776.374.237	(2.440.389.587.646)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.068.182.711.581)	(44.849.836.980)	38.279.008.985	(1.074.753.539.576)	
Kết quả hoạt động kinh doanh	17.883.728.475.593	(188.380.665.123)	104.045.720.197	17.799.393.530.667	
Phần lãi trong các công ty liên kết				31.818.633.340	
Doanh thu hoạt động tài chính				1.568.073.330.550	
Chi phí tài chính				(671.395.477.079)	
Lợi nhuận khác				78.384.842.910	
Lợi nhuận trước thuế TNDN				18.806.274.860.388	
Chi phí thuế TNDN				(3.709.948.669.392)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(29.933.901.568)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN				15.066.392.289.428	

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)
Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.738.970.128.814	73.440.145.888	(13.820.254.152.430)	78.992.156.122.272	
Chi phí kinh doanh	(82.269.802.343.774)	(277.087.477.855)	13.928.733.234.657	(68.618.156.586.972)	
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(78.548.908.313.276)	(236.999.419.805)	13.779.406.589.150	(65.006.501.143.931)	
Chi phí bán hàng	(2.227.812.612.799)	-	95.229.566.997	(2.132.583.045.802)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.493.081.417.699)	(40.088.058.050)	54.097.078.510	(1.479.072.397.239)	
Kết quả hoạt động kinh doanh	10.469.167.785.040	(203.647.331.967)	108.479.082.227	10.373.999.535.300	
Phần lãi trong các công ty liên kết				15.053.154.984	
Doanh thu hoạt động tài chính				1.186.807.167.063	
Chi phí tài chính				(402.749.045.863)	
Lợi nhuận khác				31.887.432.287	
Lợi nhuận trước thuế TNDN				11.204.998.243.771	
Chi phí thuế TNDN				(2.304.278.491.555)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(48.907.622.506)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN				8.851.812.129.710	



34. THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”) HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	440.697.892.585	1.207.998.225.480

35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty được kiểm soát bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập tại Việt Nam với tỷ lệ là 96%. Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	Công ty liên kết
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Trường Cao đẳng Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn

35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

		2022	2021
		VND	VND
i)	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Công ty mẹ		
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.289.403.552.878	2.510.199.547.526
	Công ty liên kết		
	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	3.292.814.125.674	3.291.752.636.852
	Các bên liên quan khác		
	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	8.629.740.468.513	4.742.864.780.932
	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	4.483.652.025.646	3.238.684.414.446
	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	1.866.726.738.197	751.981.926.959
	Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	567.595.302.492	528.038.339.418
	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	427.277.394.528	175.655.412.232
	Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	185.060.712.711	200.729.443.879
	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP	54.289.274.928	69.353.612.895
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	67.087.460.311	6.891.798.487
	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	11.684.286.761	11.116.225.371



35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2022	2021
		VND	VND
ii)	Mua hàng hóa và dịch vụ		
	Công ty mẹ		
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	22.480.080.144.812	19.334.243.880.566
	Công ty liên kết		
	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	18.096.746.442	210.121.010.628
	Các bên liên quan khác		
	Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	6.119.028.180.986	5.016.999.436.151
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.182.513.634.379	957.127.647.625
	Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	857.095.565.385	578.471.371.817
	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	628.261.258.904	750.523.724.293
	Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	491.097.816.546	606.553.271.354
	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	111.745.329.766	118.219.664.639
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	59.479.767.582	41.728.408.408
	Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	38.731.392.000	4.176.609.400
	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP	23.976.877.698	-
	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	20.229.764.564	9.057.540.883
	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	25.718.264.800	14.919.095.780
	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	6.386.422.706	10.603.351.227
	Viện Dầu khí Việt Nam	3.097.626.517	12.597.271.470
iii)	Hoạt động đầu tư		
	Lãi tiền gửi từ bên liên quan khác		
	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	66.148.164.255	50.313.466.273
	Cổ tức nhận được từ công ty liên kết		
	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	26.447.368.500	17.631.579.000
	Lợi nhuận được chia từ bên liên quan khác		
	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (*)	65.611.172.101	21.017.084.576
iv)	Mua lại phần vốn góp của bên liên quan trong hợp đồng BCC		
	Bên liên quan khác		
	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	270.656.824.838	-

(*) Trong năm tài chính kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty được chia lợi nhuận từ BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 ngày 20 tháng 1 năm 2021 với Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP.

		2022	2021
		VND	VND
v)	Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
	Hội đồng Quản trị (Bao gồm Tổng Giám đốc)	10.267.910.670	10.255.106.361
	Ban Kiểm soát	3.982.361.474	3.457.120.022
	Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	9.540.723.336	7.744.587.220
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan			
		2022	2021
		VND	VND
i)	Tiền gửi có kỳ hạn		
	Bên liên quan khác		
	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.895.004.232.758	1.294.050.000.000
ii)	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
	Công ty mẹ		
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	263.468.551.307	159.532.823.980
	Công ty liên kết		
	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	491.396.468.513	809.058.456.836
	Các bên liên quan khác		
	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.508.569.093.119	2.960.942.561.950
	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	468.425.781.017	330.013.157.891
	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	240.891.319.134	119.015.926.892
	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	98.220.147.658	127.278.832.169
	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.072.371.478	42.824.781.520
	Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	44.648.768.142	46.042.688.142
	Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	32.172.105.126	16.020.790.367
	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP	11.324.289.964	25.453.339.903
	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.860.698.667	1.623.094.684
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	4.000.000.000	-
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	5.608.371.365	691.570.052
		3.179.657.965.490	4.638.498.024.386

35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

		2022	2021
		VND	VND
iii)	Các bên liên quan khác		
	Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	52.104.356.254	-
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	51.514.955.821	103.777.990.516
	Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	154.519.338.142
	Trường Cao Đẳng Dầu khí	-	1.592.496.460
	Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	-	1.165.014.668
		103.619.312.075	261.054.839.786
iv)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
	Công ty mẹ		
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	25.414.400.469	832.348.541.820
	Công ty liên kết		
	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	98.963.697.801	6.761.372.118
	Các bên liên quan khác		
	Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam	1.838.505.218.442	1.364.868.608.904
	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	50.000.000.000
	Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	22.587.425.272	53.097.029.622
	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.453.870.134	1.453.870.134
	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	19.199.359.072
		2.036.924.612.118	2.327.728.781.670

35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

		2022	2021
		VND	VND
v)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
	Công ty mẹ		
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.198.020.679.923	2.387.845.437.216
	Công ty liên kết		
	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	1.751.769.599	2.181.371.912
	Các bên liên quan khác		
	Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	671.608.995.789	868.294.457.218
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	286.541.907.537	126.596.550.682
	Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	98.827.884.160	138.521.387.442
	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	34.644.319.953	56.189.972.671
	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	6.850.289.367	-
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	8.494.232.803	7.797.284.850
	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	18.736.776.645	18.736.776.645
	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	4.556.627.037	5.476.576.062
	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP	1.608.812.255	-
	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	1.330.438.389	-
	Viện Dầu khí Việt Nam	217.020.755	555.048.570
	Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	-	42.295.003.571
		2.333.189.754.212	3.654.489.866.839
vi)	Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
	Công ty mẹ		
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.459.520.688.856	2.109.745.264.552
	Các bên liên quan khác		
	Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	14.897.618.812	8.053.692.787
	Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	16.556.265.337
		1.474.418.307.668	2.134.355.222.676
vii)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
	Các bên liên quan khác		
	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	18.655.891.973	-
	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	13.403.350.368	163.204.776.065
		32.059.242.341	163.204.776.065



36. CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết vốn

Tổng Công ty có các dự án đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang triển khai với tổng mức đầu tư hoặc dự toán như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Dự án kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ	34.160.184.082.494	34.160.184.082.494
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2	18.010.439.448.475	18.010.439.448.475
Dự án kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	6.342.906.101.765	6.342.906.101.765
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Cá Rồng Đỏ	4.116.830.292.111	4.116.830.292.111
	62.630.359.924.845	62.630.359.924.845

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	616.358.469.051	567.697.429.002

b) Cam kết khác

Tổng Công ty có những cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh khí như sau:

	Sản lượng tối thiểu	Thời gian
	Cam kết	Cam kết
	(tỷ m³/ năm)	
Cam kết mua khí với		
Chủ khí Lô 06.1	2,7	Trong giai đoạn bình ổn
Chủ khí Lô 11.2	1,216	Trong giai đoạn bình ổn
Chủ khí Lô 05.2 và 05.3	1,368	Trong giai đoạn bình ổn
Chủ khí Lô 102 và 106	0,204	Trong giai đoạn bình ổn
Chủ khí Lô 05-1b và 05-1c	1,508	Đến hết giai đoạn bình ổn
Cam kết bán khí Nam Côn Sơn với		
Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	1,85	Trong giai đoạn bình ổn
Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power	0,85	Đến tháng 9 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mekong	0,85	Đến tháng 2 năm 2024
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	0,785	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2036

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2023.



Đặng Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Công Luận
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 2 năm 2023







**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP**

Toà nhà PV GAS
673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển,
Huyện Nhà Bè, TPHCM
T: (028) 3 7816 777
F: (028) 3 7815 666
www.pvgas.com.vn

